

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ

SÁNG TẠO

GIẢI PHẨM MÙA XUÂN KỶ HỢI
Tháng 1 - 2 năm 1959

KHÁO LUẬN

QUANG NINH Khái niệm về chủ nghĩa hiện sinh
THÁI TUẤN Sáng tạo

SÁNG TÁC

NGUYỄN SA Đăng sau
TRẦN THANH HIỆP Ngày cũ
DOãn QUỐC SỸ Hoa nhân loại
DƯƠNG NGHIỄM MẬU Rượu, chưa đủ
THÁI BẠCH Lân Sài-gòn
MAI THẢO Những ngày tháng mới

THƠ TỰ DO

THANH TÂM TUYỀN - LỮ HỒ - LÂN ĐÌNH - THẠCH CHƯƠNG
TRẦN DẠ TỪ - PHẠM NGUYỄN VŨ - NGUYỄN SA
TRẦN THANH HIỆP - DUY THANH

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ : 133B KỶ CON - SAIGON

số 28 - 29

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 28 - 29
tháng 1 - 2 năm 1959

doãn quốc sỹ - duy thanh
dương nghiễm mậu - lữ hồ
thái bạch - hoàng bảo việt
hoàng anh tuần - trần dạ từ
mai thảo - phạm nguyên vũ
quang ninh - mai trung tĩnh
thanh tâm tuyền - thái tuần
thao trường - vương tân
nguyễn sỹ tế - lan đình

Sáng Tạo số 28-29 tháng 1 & 2 - 1959

bìa: *Tạp chí Sáng Tạo*
trình bày: ***Muôn Phương***
nguồn: *Internet*

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
giai phẩm
Xuân Kỷ hợi
số 28 - 29
tháng 1 & 2 - 1959

MỤC LỤC

	Trang
1. GỬI BẠN ĐỌC	9
SÁNG TẠO	
2. ĐÊM	11
THANH TÂM TUYỀN	
3. HOA MUỘN	36
LỮ HỒ	
4. NGHĨ THÂM	55
NGUYỄN SỸ TẾ	
5. NGÀY CŨ	77
TRẦN THANH HIỆP	
6. HƯƠNG NHÂN LOẠI	96
DOÃN QUỐC SỸ	
7. ĐIỀU NHẠC TẮT ĐÈN	123
HOÀNG ANH TUẤN	
8. SÁNG TẠO	133
THÁI TUẤN	
9. KHÁI NIỆM VỀ CHỦ NGHĨA HIỆN SINH	135
QUANG NINH	
10. THƯƠNG NHAU THÌ VỀ	153
LAN ĐÌNH	
11. TÌNH YÊU, TÌNH BẠN, MÙA XUÂN	183
HOÀNG BẢO VIỆT	
12. ĐĂNG SAU	202
NGUYỄN SA	
13. NHỮNG HẠT BA-DẶNG CỦA NIÊM	215
MAI TRUNG TĨNH	
14. BÀI KỶ NIỆM	241
TRẦN DẠ TỪ	

8 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

15. 30 THÁNG CHẠP, NGÀY ĐẦU NĂM, ĐI TRỐN VƯƠNG TÂN	253
16. LÂN SÀI-GOÒNG THÁI BACH	260
17. XÁC CHẾT THAO TRƯỜNG	274
18. MÙA XUÂN CĂN GÁC ĐẦY NGƯỜI VƯƠNG TÂN	289
19. THƠ CHO ELENA OKAVITCH PHẠM NGUYỄN VŨ	307
20. ĐỐI THOẠI THẠCH CHƯƠNG	315
21. RƯỢU, CHƯA ĐỦ DƯƠNG NGHIÊM MẬU	323
22. TƯƠNG TƯ - MỜI NGUYỄN SA	353
23. XUÂN - MỘT MÌNH - GIẢN ĐƠN DUY THANH	359
24. NHỮNG NGÀY THÁNG MỜI MAI THẢO	362

GỬI BẠN ĐỌC

Nhân dịp Nguyên Đán, tạp chí văn nghệ Sáng Tạo trân trọng gửi tới bạn hữu thân mến toàn quốc lời chúc mừng một năm mới tốt đẹp.

Sáng Tạo cũng muốn nhân dịp này bày tỏ với bạn đọc – mà thái độ tin tưởng đã tạo cho tạp chí một lực lượng tinh thần lớn lao,

với các tác giả ở thủ đô và khắp nơi — mà sự hợp tác quý giá khiến cho tạp chí càng ngày càng có một hình thức đẹp đẽ và một nội dung giá trị,

lời cảm tạ chân thành của tòa soạn và những người chủ trương tạp chí.

Thái độ tin tưởng, sự hợp tác quý giá của các bạn với những cố gắng của chúng tôi là bấy nhiêu yếu tố khiến cho cơ quan muốn được là đất đứng, tiếng nói của lớp người mới và của một nền văn nghệ mới này có quyền nhìn thấy sự trưởng thành và tương lai tốt đẹp của nó trong tương lai và trưởng thành của văn nghệ Việt Nam.

SÁNG TẠO

ĐÊM

THANH TÂM TUYÊN

1 – Tặng Duy Thanh

Những đêm nào chiến tranh đã quên

Con mắt đen niêm im lặng

Anh vẫn đi hoài trong thành phố

Cô đơn . .

Trưa nắng cháy

Vào sâu trong ghẻ lạnh

Với máu trong tim

12 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Chảy nhanh như máy móc đau ốm

Ở cuối đêm

Em rũ tóc nói những lời mê sáng

Những ám hiệu

Của mặt biển đen không

Tình yêu tuyệt vọng

Anh xé tóc em cùng những cánh lá chết

Mùa thu

Ghi thương tích nơi cườm tay

Khóa chặt

Anh xô ngã em từ chóp đỉnh hạnh phúc.

Khuôn mặt vỡ tan

Như cảm thạch

Như nước mắt

Như muôn đời

Không hồi hận

Con đường anh phải đi một mình

Trần truồng dã thú

Đón anh ở cuối đường

Hố sâu vĩnh viễn

Không có em

Bên kia bức tường

Anh bị nhốt trong trại hủ

Tiếng ngàn năm em gọi

14 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Yêu nhau hết một đời

Hết một đời chưa đủ

Còn kiếp nào gặp nhau

Anh nguyên rửa

Lời thề du dương

Đừng ràng buộc thiên tài

Con chó vào cột nhà

Cho đi hoang làm cơn lốc bi thảm

Cuốn ngay chính mình chết theo không gian

2

Đêm tuôn dòng máu chảy

Mạch mở ngỏ hết rồi

Kẻ kia cười mọi rợ kẻ kia cười

Tương lai đây chùm nho

Như trò chơi

Nó nói

Tự trói hai tay lại

Hạnh phúc sẽ đi tới

Mặt mũi dùng làm gì?

Mọi người là đồng đội

Trí não dùng làm gì?

Chân lý không lừa dối

Thiên tài dùng làm gì?

Để gây ra tội lỗi

16 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Anh gọi em, suốt hai bên thế giới

Mùa thu đâu rồi? Sao bây giờ mùa xuân

Anh đòi em đòi em hôm nay

Không cần tương lai vo trong tay như hòn đất

Không cần cuộc đời bằng hào quang vệ tinh

Anh ráp lại những mảnh ngọc đón đau

Khuôn mặt em không nhìn thấy

Trên mỗi anh những cạnh sắc ghim vào

Trong hồn anh hầm hố bắt đầu đào

Kẻ kia cười mọi rợ kẻ kia cười.

Thiên tài không tình yêu giống như con lợn lòi

Đêm hiền từ nhỏ to trên trán

Màu đen sáng đủ ngó vào nụ cười

Có đấy không này em mưa chan hòa

Trên ngực trên ngực em bát ngát

Một lần không gian xảo hết cả nhiệt tình

Đầy rất đầy hai trũng tay

Người ta bảo đêm tháng giêng cỏ cây hiện
thành người

Anh bảo em chúng ta hãy là

Những cây leo yếu đuối.

Những cỏ non đại đột

Mùa xuân đó em trong quần quít chờ đợi

Da trắng như tiếng hát ở trên trời

18 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Anh cúi hôn cánh môi tím màu đêm mà thương
nhớ

Từng chút một từng chút một

Em biến thành pho tượng rục rở

Anh biến thành thiên tài ngây thơ

Trong đầu là hư vô

Trong mắt là hoang đảo

Trên môi là thần chú

Trên tay là trống không

Cả đời là sa mạc

Cả tôi là tự do

4

Những giấc ngủ xiềng xích

Cuộc lưu dày thêm xa

Tôi trốn về lẩn lút

Đất đai không tìm ra

Đâu cũng toàn quỷ sứ

Riêu cợt tôi ngây ngô

Cớ sao nhà người khóc

Muốn làm người là điên

Con người thì cô độc

Không phép thuật nhiệm mầu

Tôi khóc mặc tôi khóc

Bầy quỷ nhảy xung quanh

Tôi khóc hoài tôi khóc

20 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Và chúng nó phát điên

Chúng tước lấy tiếng nói

Giam tôi trong bóng tối

Tôi khóc không ra lời

Và tôi đi lang thang

Tôi đi tìm tiếng nói

Cho cổ họng của tôi

Tôi vẫn khóc vẫn khóc

Hết linh hồn mới thôi

Tôi đi tìm tiếng nói

Cho ra tới ban ngày

Người ta nín lại hỏi

Cớ sao chịu đọa đày?

Cớ sao mà không nói?

Nhìn người như khùng điên

Thằng khùng điên khó hiểu

Đuổi ra khỏi cõi đời

Tôi nhìn người tuyệt vọng

Tôi nhìn người khẩn cầu

Linh hồn tôi rách nát

Lời nói còn ở đâu?

Cũng như loài quỷ sứ

Người đày vào lãng quên

Tôi khóc người không thấy

22 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Suốt đời làm thằng điên,

Tôi khóc nào ai thấy

Thằng điên vẫn đi tìm

Đất đai và tiếng nói

Bởi đêm dài lặng câm

5

Đêm nay anh không ngủ, anh cô đơn, anh bị
chiếm đoạt

Còn gì chỉ là kỷ niệm, kỷ niệm ở ngày mai một
lời nói thoáng

Anh ôm ghì sự bất lực đói khát, mũi dao nhọn
giữa lòng tin

Thân thể này không của anh cũng không của
em

Đó là nỗi giận dữ chẳng muốn nguôi, nỗi giận
giữ của con bò rừng

Người ta quơ trước mắt tấm nhung đỏ và sửa
soạn đâm trên lưng

Con bò rừng lông lộn rồi quỵ xuống (tiếng
vỗ tay ào ào) nhưng khăng khăng không chảy
nước mắt

Có phải là ngu muội?

Anh thề với em rằng

Anh không bao giờ biết chảy nước mắt

Dù bao nhiêu đêm nay anh vẫn thăm bảo: đêm
là gì? Nếu không là những dòng lệ

Những dòng lệ không một màu không đau xót

Người đàn ông khóc vì phải khóc

Như anh phải ôm em mà tủi cực vô ngần

24 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Cuộc đời cứ mở tròn những con mắt thản
nhiên nhìn tội lỗi

Còn anh chụp lấy tội lỗi bỏ vào miệng nuốt

Cho mọi người ghê tởm. Cho em xa lánh anh

6- Tặng Mai Thảo

Vừa có một ngôi sao băng ngoài trời.

Ngôi sao lạnh lẽo một giọt lệ đơn côi

Em nhìn rõ trong mắt anh

khuya khoắt

Như mặt đường xa lánh bờ sông

Phải anh thường làm thơ

Bằng dáng điệu khổ sở

Mười đầu ngón tay rưng rưng mỗi sâu lúc nửa
đêm

Ngón tay anh đẹp như ngòi bút

Những rễ cây những mộng mị bàng hoàng

Hai giờ đêm trong tiệm rượu

Em còn nhìn anh

Giây phút chết khoảng cách ngăn hai người

Cuộc đối thoại âm thầm

Khúc tình ca nào nùng

Chiếc máy hát cũ đầu kim mòn

Thời gian cháy tàn những đầu thuốc là

Đừng trói anh vào trần gian bằng mắt em nhìn
kia

Đừng ngồi trước mặt anh Minh Châu

Khuôn mặt anh xấu xí anh thù em

26 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Let me go Let me go Let me go Lover

Dù em là Minh Châu

Dù em là Phương Thảo

là Liên là Liên là Liên còn trong Hà Nội

đã mất

Tiếng cười tan thành khói trên những búp tóc
rối

Let me go Let me go Let me go Lover

Quên anh đi về căn phòng của em đóng chặt
cửa sổ

Căn phòng nhất ý nghĩ mệt nhọc trời gần sáng

Anh muốn được một mình

Đứt đoạn

Ôm những quây hàng bàn ghế như nhau

Nghe thấy không nghe thấy không

Let me go Let me go Let me go Lover

Sao em lại bật lên tiếng khóc

Minh Châu Minh Châu Phương Thảo Phương
Thảo

Liên Liên ơi!

7

Những bài thơ tình không viết được

Những hồn ma hoang đầu ngọn cây

Xác chết rửa nát

Trong kẹt rừng khô

Đêm thức dậy mở mắt mắt đã mù

Hai con sâu nằm trên chân mày đang khoét lỗ

Con quạ hôi hám mở lồng ngực bay lên

Mỏ ngậm quả tim dựng hình ảnh đời người

Đời người thân nhiên như tên gọi

8

Hơi thở của người đàn bà ngoại tình

Mà màu da trắng nõn man trá

Đường môi cong chẳng một niềm hối hận

Vội vàng như sóng say

Núm lưỡi lửa chảy tan lời ân ái

Khi chọn đường tội lỗi

Mặc cho ác mộng

Nén lặng thính

Đồng lõa với bóng đêm

Suốt đời trôi nổi trên nước nở luyến tiếc

Mặt biển ngu dần mặt biển ngu dần

Không giông bão

Cho chạy trốn mùa xuân

Mùa xuân làm gì trên mặt biển không

Trên trời không

Cơn gió lớn chìm tôi xuống đáy thủy cung

Và tôi nhìn màu ngọc bích

Hoàng lan mềm như ngón tay trong suốt

Màu ngọc bích thơm hương hoàng lan

30 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Thời con gái ủ dưới mái tóc râu

Và tôi không còn nhớ thương

Không còn tỉnh dậy

Không còn là con rắn điêu ngoa

Tôi là cây san hô giờ những cành hối lỗi

Và nước biển mặn nồng hơn nước mắt

Và không ai trừng phạt

9 . Tặng Trần Thanh Hiệp

Một giọng trầm đêm

Niềm cô độc sâu

Nét nhạc xanh cung thương đen

Mi mắt chịu mùa đông cũ

Cái chết bốc hơi

Tiếng kèn rách vô hình dáng

Người con gái áo đen xõa tóc ngất

Hai cánh tay dài quần quai hai con trăn hiền
lành

Không khí nhiễm độc

Đập vỡ

Cải quả khứ hỗn xược trên da trống

Ném mảnh chai lên mặt trời mù

Nói thầm nói thầm

Mura rét murot

Thời gian dần trừ khử

Giọng như hơi cháy dưới sinh lầy

Nhát búa hoàng hốt

Tương lai thét đón đau

Lửa ma chơi vụt tắt

Tiếng cười dữ tợn

Người con gái áo đen

Thổ máu

Cái chết bốc hơi chóng mặt

Nôn xuống chân giận hờn đá sỏi

Đập vỡ đập vỡ đập vỡ đập vỡ

Niềm cô độc sâu

Giọng trầm đêm hút

Có ai gọi tên tôi giữa phố, phố vắng và cái tên âm lên sự thù hằn. Tôi đứng lại trả lời: Để cho tôi yên với hết cả đêm nay đang ngấm vào máu tôi. Không phải em gọi đâu, anh biết, em chẳng cần rõ tên anh mới yêu anh, với em anh chỉ gồm chân tay mặt mũi hơi thở và nỗi cô độc em bằng lòng ôm ấp. Anh thán phục, anh yêu em khi em che chở vuốt ve nỗi cô độc ấy, em muốn nó sáng rực như mặt trời đốt bỏng em, tận cùng tâm khảm em lủi thủi nhớ thương những điều không có được.

Có ai gọi tên tôi giữa phố, phố hoang sợ cái tên lẫn như một xác chết nhập hồn. Tôi đứng lại níu giữ lấy đêm tối la: Để cho tôi yên, đồ khốn kiếp, tôi không phải là một cái tên, tôi là một người không bao giờ biết giết người. Anh không phải là một cái tên, sao người ta cứ theo gọi như hú kêu loài ma quỷ? Mỗi lần muốn gặp anh em chỉ việc chọc dao thẳng vào tim, máu sẽ chảy và anh tới theo con đường máu tinh

khiết ấy. Anh sẽ uống những giọt máu thơm tho của tình yêu làm anh bất tử. Em mỉm cười héo hon, anh càng lúc càng khốc liệt, em bằng lòng để máu chảy hết và yêu anh kỳ khôi.

Có ai gọi tên tôi giữa phố, ngay sau lưng phố cắt cái tên mọc hai cánh tay chơi với. Tôi đứng lại rút khí giới, con dao của em, hét: Để cho tôi yên, quân vô lại, tôi sẽ không làm thơ nữa, tôi sẽ trừng phạt mày. Tình yêu anh đã giết em, trời ơi, anh hiểu anh hiểu thấu mấy nghìn năm cái ngông cuồng rồ dại của anh, chàng Orphée từ bỏ trần gian đòi qua có bao nhiêu miền địa ngục. Nhưng anh thì không bao giờ gặp em nữa, không bao giờ, vì anh đã ăn thịt em hơn cả loài cầm thú dã man.

Sao không ai gọi tên tôi nữa? Tôi đứng im đây, vực sâu trước mắt, cái tên sau lưng. Sao không ai gọi tên tôi nữa? Tôi quay lại, con dao trong tay, cái tên chết điếng. Sao không ai gọi tên tôi nữa? Kia để khốn kiếp, quân vô lại, tôi cầm dao đâm mày đây. Không một lời cầu cứu?

Đồ khốn kiếp. . . Hóa ra tôi đâm tôi chết tốt.
Cũng xong.

Janvier 59.

THANH TÂM TUYÊN

HOA MUỘN

LỮ HỒ

BẢN, Ngọc, Đệ cùng nhìn ra đường Quan Thánh. Chuyển tàu điện lạch cạch bò từ Thụy Khê lên mang theo những mẫu người thực cũ. Lão xắm với hai sợi râu chảy dài xuống mép nhắm mắt nắn nốt ngón tay gầy guộc trên chiếc gọng nhị khô khan. Tiếng đàn ầm ỨC hòa theo giọng hát khàn khàn của mẹ vợ xum xụp trong chiếc khăn mỏ quạ đen nâu rách nát. Cái âm thanh rè rè kéo đều theo nhịp tiếng bánh tàu nghiêng trên đường sắt tạo cho không khí cái ầm ỨC của một sáng mùa đông giá lạnh. Trời vẫn chưa có một chút mặt trời.

– Thế nào xuống cả chứ?

Ngọc lên tiếng trong khi Bản, Đệ còn ngáp ngán, ngáp dài. Họ là ba sinh viên miền Trung ra trọ học tại Hà Nội suốt mấy năm đánh nhau. Ngọc theo khoa học, Bản học văn khoa, Đệ học thuốc. Cái phòng nhỏ trên biệt thự tọa lạc sát bờ Trúc Bạch, nhìn qua cửa sổ thấy Cổ Ngư, là nơi chứa đựng ba con người lạc lõng.

Ngọc có cái thích ngồi xồm trên bờ lê vào khoảng ba bốn giờ sáng để húp xùm xụp bát miến gà kèm theo cái chân lợn lầy lưa. Chàng thường bảo không có miến gà một tô hai tí là hết hương vị Hà Nội. Đệ thì trái lại rất mê chè tàu ở Hàng Buồm. Cử lúc nào anh em ở nhà trông đợi tới một hai giờ đêm mà không thấy Đệ về là biết ngay anh chàng chui xuống Hàng Buồm uống chè tàu, ăn bánh đậu rồi. Khỏi phải nghi ngờ anh ta đi theo đào kép gì cả. Một bạn anh em chỉ trích cái lối đi chơi lâu đó thì anh giảng: “Đấy nhé các cậu phải biết! Trong những tối lạnh lẽo như thế này mà xô cái cửa

lững. bước vào căn buồng không rộng hơn cái bếp nhỏ, thấy mọi người khách đều ngồi chồm chồm trên ghế đầu, trước mặt là cái cù lao nước sôi vừa là lò sưởi, trên bàn vền vền có một bình, một chén tổng, hai chén con. Hẳn cứ trông nét mặt của những khách chè đều thấy đó là những con người có đời sống bên trong giàu có, dồi dào. Họ có thể ngồi suốt đêm trầm ngâm bên chén trà không biết mỗi như những người tu theo phái Du-già.

Trong những cặp má nhăn nheo, những đôi mày cau, đôi mắt sâu thẳm; họ khếp cả thời gian vào trong những tâm tư sâu sắc. Những người chưa vỡ lẽ đời thì khó mà theo họ được!” Rồi anh em cũng đồng ý với chàng dù không ai dám bắt chước cái lối mất thì giờ đó vì có cãi lại thì Đệ bảo: “Thế sống không phải là mất thì giờ hay sao?”

Những lúc anh em hăng hái bàn luận ồn ào thì Bản lảng lảng lên gác nằm dài hút thuốc phì phèo đợi mùa đông tới. Đối với anh thì chỉ

những ngày cuối đông người miền Trung mới tận hưởng được cái hương vị thuần túy Bắc việt.

Cứ mỗi độ đi học về, bắt gặp trên bờ đê những cánh đào chưa đủ sức hồng là Bản cảm thấy con người sống lại sau một năm chết dở. Rồi từ mỗi hai mươi tháng chạp, sớm tinh sương, khi chuyển tàu điện vượt qua Quan Thánh là chàng là đánh thức Ngọc dậy đi ăn miến gà, Đệ đi chè tàu và chàng thì gọn gàng, nhảy lên xe đẹp phóng nhanh lên Yên Phụ. Những ngày cuối đông, trời rét dần cho hết. Từ mặt hồ Tây những đợt gió lạnh mang theo dư âm những tiếng súng hậu phương thổi vào Hà Nội những mảnh tang thương hấp hối. Bản vẫn chăm chỉ đạp nhanh cho bớt rét. Đường lên Nghi Tàm còn xa lắm, nhưng phải tới trước rạng đông.

Bản ném xe xuống bờ ruộng, lăm lăm đi về phía hàng hoa. Những dãy hoa đào trắng tấp chập chờn hồng trong làn sương mỏng thấp

thoáng như những mảnh má đào tươi tắn trên nền sa mỏng mênh mông. Bản tìm một gốc đào có buộc vải nâu và ngồi đợi. Kinh nghiệm đã cho chàng biết những gốc có buộc vải nâu sẽ được dẫn mang đi từ sáng hôm nay. Không lâu, một ông lão áo nâu, chòm râu bạc phất phơ trong sương lạnh đã tới, im lặng khi kéo chiếc khăn cho kín tai, nhè nhè đưa tay... những nhát cửa rung rung làm xao động cành đào, vài cánh nhỏ tủa tủa bay theo gió. Ngồi nhìn ông lão làm việc Bản thấy cần phải cung kính lắm. Không ai nói với nhau. Ông lão tiếp tục dẫn từng giống rồi xếp thẳng từng hàng. Những tiếng gà vội vã bắt đầu trời dậy trong thôn. Anh bình minh le lói trong áng mây hồng. Màn sương từ từ loãng dần, rồi những chuỗi cười vang dội trên đê. Một đoàn thôn nữ áo nâu khăn mỏ quạ, những giải thắt lưng phấp phới chập chờn lượn xuống thửa vườn đào.

Vẫn những mảnh màu lẫn trong ánh sáng mờ hồng. Những cành đào lần lượt lên vai và tiến lên bờ đê. Màu nâu tà áo, màu hồng hoa

đào làm nền cho những giải thắt lưng màu thiên lý rộn rã, chập chờn xa dần, xa dần vào đô thị.

Biết nhau thôi muộn rồi;

Bao mùa thu đã chết trong tôi.

Nhớ nhung ôi ngập trời!

Tiếng hát của Bản ngân lên theo tiếng đàn lục huyền dưới cây liễu rủ, Hương nhẹ nhàng đến sau lưng chàng từ bao giờ:

– Chẳng thà muộn còn hơn không chứ?

Bản đáp không quay lại:

– Hơn chứ! Hơn một lần dang dở.

Hương buồn hắt lại.

Đã lâu, Hương cô học trò ngoan của Bản vẫn cảm về tài năng xuất chúng đàn ngọt, hát

hay, vẽ giỏi của chàng. Hương chưa có lần nào tỏ tình nhưng Bản lại thừa biết là Ngọc đã thầm yêu Hương từ lâu dù chưa ai nói với nhau. Bản thì không hay giấu bạn bè nhất là trong trường. hợp yêu đương, trái lại Ngọc thì lúc nào cũng tưởng như không ai biết gì về chàng cả. Những khi anh em thấy chàng đánh bóng bàn hăng chính là lúc anh ta yêu đương sôi nổi nhất.

Có lần Đệ bảo là Ngọc yêu bằng vọt gỗ và hay đánh ngầm. Bản thường thương hại cho anh chàng chất phác này. Bản nhạc Biết nhau thôi muộn rồi của Bản không giúp cho Ngọc biết gì thêm về chỗ Hương không yêu Ngọc mà lại cảm Bản. Nhiều lần chàng muốn nói cho Ngọc biết nhưng Đệ gạt đi và bảo:

– Mày cứ để yên như thế có được không, hãy coi chừng nó yêu bằng tim mà lại đùa bằng mồm thì thất đức nhé.

Bản vẫn cố tránh không muốn gần Hương vì sợ Ngọc hiểu lầm. Những buổi mai hồng theo

đuôi màu hoa đào mơn mớn trong sương sớm, chàng quên hết những lời hẹn hò với bất cứ ai. Mỗi khi đứng lặng trên đê nhìn đoàn thôn nữ đi khuất với những cành đào, chàng mới bắt đầu bày giá vẽ ra làm việc. Bản thường ngắm say sưa như muốn thu trọn ngoại cảnh vào tâm trí nhưng không vội vẽ ngay. Chàng cho rằng phải để cho đề tài ngấm vào tâm khảm rồi sẽ vẽ lại bằng tưởng tượng thì bức tranh mới có hồn. Những đề tài vẽ ngay trước mắt không làm cho họa sĩ giàu có mà chính là phải thai nghén dù chỉ trong chốc lát thì khi vẽ ra mới còn được một thưởng thức, chàng cho rằng vẽ ra là mất hết cả rồi. Lần nào cũng vậy, vẽ được nửa bức tranh là chàng thấy bức mình vì nửa phần đầu thì họa sĩ còn làm chủ đề tài chứ qua phần sau là phải chạy theo tranh đến nhọc mệt.

Từ quan niệm nghệ thuật đó chàng thấy tình yêu hết nghĩa khi được người ta yêu lại hay bỗng dưng được yêu. Bao lần Bản muốn nói thẳng cho Hương biết là nên đến với Ngọc thì hơn nhưng chàng cũng không nỡ. Bản tôn

trọng cái đẹp dù đó là cái đẹp thất vọng. Đối với chàng thất tình cũng là một vẻ đẹp. Đó là một bức tranh vẽ toàn màu xám. Tuy vậy, chưa bao giờ chàng được thất tình. Chàng ao ước mãi nhưng nghệ thuật đã tranh đoạt hết rung cảm của chàng. Có nhiều khi ca tụng sắc đẹp của một người gái, chàng được tặng một đóa hoa với những lời hẹn ước. Thế rồi khi gặp lại người cũ chàng lại say sưa tả cảnh quên người.

Rồi cũng không ai có thể giờ theo mãi cái tính vô căn của chàng nữa. Nhưng từ khi gặp Hương trong tiệc tất niên ở trường Nữ học mà chàng giúp ý văn nghệ, chàng đã thấy bản khoán nhưng lại mừng là đã có Ngọc thay chàng.

Hương lên tiếng:

– Thế nào, đêm giao thừa này anh đến dẫn em đi chùa Quan Thánh nhé?

– Đi chùa đêm giao thừa à? Được đấy.

Rồi chàng lặng thinh. Trong trí chàng bỗng bắn khoản về cái mùi phấn son chen lẫn với trầm hương, mùi người chen lẫn, pha trộn thành một thứ không khí kỳ dị mà chàng hay gọi là mùi « Quan Thánh ». Làm sao vẽ ra được bây giờ? Thấy Bản đứng im, Hương sợ chàng từ chối nên hỏi lại:

– Thế nào? Anh không muốn đi ư?

– Không! Đi chứ.

Tiếng Ngọc hiện ra trên cửa sổ:

– Sao có gì lạ không có Hương? Thế cô có rồi đi ciné giao thừa với chúng tôi?

Bản trả lời gấp, tay chàng với vội cây đàn định vào nhà:

– Ấy! Cô đến mời anh em chúng mình đi giao thừa đấy.

Ngọc đã xuống từ lúc nào, tay chàng còn cầm cái khăn tắm và chiếc vợt gỗ. Ba người im lặng. Ngọc đắm đuối nhìn Hương, Bản hướng ra hồ Trúc Bạch và nói giữa trời:

– Cô Hương nhớ tới đi với anh Ngọc nhé, hôm đó tôi phải đi vẽ.

Hương cho là chàng từ chối khéo, hỏi lại:

– Đêm giao thừa mà đi vẽ? Anh đùa đấy chứ. Anh vẽ ở xưởng à?

Bản nghiêm trang:

– Tôi nói thật đấy. Đêm ấy tôi phải vẽ ở đền Quan Thánh.

Ngọc cười to trong khi Hương tròn mắt kinh ngạc:

– Thôi em xin đợi đến hôm đó sẽ đến vác giá vẽ cho anh vậy.

Bản quay đi, nổi với lại:

– Cám ơn cô.

Còn lại Ngọc và Hương bên gốc liễu, nàng vẫn ngờ chàng định nói gì và chàng như chờ đợi ở người mơ những lời mong đợi. Vài ngọn lá vàng rụng xuống hồ. Bên kia hồ, đường Cổ Ngư rợp màu áo, màu xe. Mùa đông còn nán lại vài hôm đủ rét cho người ta diện áo đẹp. Vẫn im lặng trong vườn. Hương tựa vào thân cây roi, thơ thần ném viên cuội xuống hồ, mặt nước gợn sóng từng vòng lan rộng mãi ra như những tâm tình tràn ngập chen lấn hồn nàng. Ngọc đứng im ngắm mái tóc buông dài, tà áo màu hồ thủy của Hương nổi bật bên màu nâu tường gạch.

* * *

Bản, Ngọc, Đệ bước ra khỏi rạp Long Biên, xuất chiếu bóng cuối năm không đủ sức làm tan ý tưởng bản khoán đang đè nặng đầu óc. Qua

chợ Đồng Xuân, Đệ cũng không còn chuyện gì vui để khuấy rộn không khí. Ba người đi bên nhau mà tình xa vạn dặm. Chiếc xe kiểm tục chạy về phía Ngọc Hà thấp thoáng mấy tà áo đỏ. Những tiếng chửi rửa nổi lên trước cửa tiệm nhảy Mélodie. Đã có nhiều người lục tục đi lễ chùa. Đường Quan Thánh rộn rịp dần.

Hương đã đứng đợi trước thềm. Nàng mặc chiếc áo gấm thiên thanh hoa phượng. Lần đầu tiên Bản thấy Hương đẹp một cách đáng tiếc. Phấn son làm cho nàng giả tạo và hơi xác thịt. Ngọc thì có vẻ mê muội lắm. Đứng hẳn lại trước thềm, chàng say đắm nhìn làn tóc chải gọn lộ nước da trắng viên trên cổ áo nàng. Đệ mỉm cười nhắc hộ:

– Ngọc có đi chùa thì vào sửa soạn chứ?

Cả Hương và Ngọc đều giật mình tuy hai người từ này vẫn chưa thấy nhau.

Thấy Bản xuống hai tay không, Hương hỏi:

– Sao không thấy họa cụ của anh?

– Đêm nay tôi định vẽ một bức tranh bằng ánh sáng và hương vị.

Hương cho rằng Bản kiếm có xa mình nhưng không tiện đành phải chịu. Nàng hơi phật ý:

– Thôi, em về nhé? Em đến để mang hộ đồ vẽ cho anh Bản. Bây giờ vô dụng thì em xin về.

Hương quay ra thì Đệ giảng hòa:

– Thôi xin cô, xin cả làng. Năm hết tết đến rồi, chỉ còn giờ nữa là già cả lũ, vui đi thôi.

Ngọc vẫn sợ Hương về thật, chàng phụ họa:

– Đúng, ta đi chứ! Công lao chờ đợi, sao lại bỏ về.

Cả bọn kéo nhau vào đền. Trong vườn, nhiều cụ già đã lo hái sớm lộc non. Pho tượng đồng đen oai nghi ngồi trên, thiên hạ đua nhau lễ tới tấp. Tiếng rì rào, tiếng chuông trống vang lên như dư âm sau cơn động bể. Ngọc nấp sau cột lớn xem Hương lễ. Đệ cũng mua thẻ hương, châm lên cung kính rồi tìm tới cạnh một thiếu nữ, đang khấn nguyện. Trông dáng điệu của anh chàng cũng có vẻ đứng đắn tuy hơi giả tạo một chút. Bản ngây ngây trong hương vị kỳ diệu. Đứng ở đây mà chàng nghe cả gió lạnh đang chảy trên mặt hồ và thời gian đang xung đột. Một ý tưởng ngộ nghĩnh bỗng tới trong trí chàng. Giá mà anh được chết lúc này và ngay ở đây. Rồi chàng cũng không hiểu chết như thế để làm gì nữa. Màu hoa đào mờ ảo sau làn hương trầm trên bàn thờ làm chàng nhớ tới những tà áo cung phi trong kinh thành Huế vào một độ nào thật xa xăm. Chỉ trong những đêm giao thừa, giữa cảnh nghiêm kính người ta mới sống đủ cả dĩ vãng lẫn vị lai. Hàng cột sơn son ám khói trước mắt không hợp với sắc áo thập phương. Chàng bất mãn với cảnh đền

cũng như không bằng lòng với chính mình.

– Chúng ta ra Cổ Ngư nghe xuân về đi anh.

Hương làm cho Bản giật mình. Chẳng theo nàng không hỏi tới hai bạn. Hai người im lặng trong cái im lặng vô cùng của những giờ cuối trong năm. Bản thầm nghĩ tới những người mới cưới nhau chưa trọn một mùa đông. Bỗng chàng sực nhớ tới Ngọc, Đệ:

– Sao cô không gọi Ngọc, Đệ cùng đi?

– Sao anh cứ không chịu đi một mình với em? Hương giọng đầy trách móc.

Đột nhiên Bản nói:

– Ngọc nó yêu cô đó.

Hương không ngạc nhiên:

– Nhưng đấy có phải là tình yêu không?

Bản không ngờ Hương lại kỹ lưỡng đến thế, chàng chậm rãi:

– Cũng còn hơn là yêu những người không yêu mình.

Tiếng Hương lạnh lùng đẩy nước mắt:

– Tình yêu chỉ nằm trong hy vọng và mơ tưởng. Đêm giao thừa thật đẹp là vì được đón một năm mới, đã là đêm chết của một năm.

Cả hai lại chậm rãi nghe tiếng thời gian về trong hồn. Gió từ Hồ Tây vẫn lùa rét vào lòng. Chuông chùa Trấn Quốc đổ hồi, âm thanh như ngừng lại níu vীu lấy nhau.

Đêm ấy, Bản và Hương cùng nghe xuân về trong chăn ấm.

* * *

Bản đã không còn ở Quan Thánh sau mùa Xuân. Chàng lên miệt trên Nghi Tàm. Mùa hoa

đào đã tàn và Hương cũng đã xa chàng như thường lệ. Sau khi tỏ thật những xao xuyến bất ngờ trong tâm hồn cho Ngọc, chàng tự thấy không cần phải sống thêm với Hương ngày nào nữa. Ngọc cũng đã bỏ Hà nội về dạy học ở Hải Dương. Mỗi tuần hai lần vượt con đường số 5 đầy chinh chiến. Chàng bắt đầu thấy thích đùa bỡn với tai nạn. Cái thú miễn gà đã thay vào bằng hơi thuốc súng và cùng thích chường ra giữa những nơi bố ráp cho người ta lục soát. Những khi qua cổng gác, trước cặp mắt soi bóí của tụi lê dương, chàng thấy sung sướng vì được người ta nghi ngờ. Có lần chàng cố ý quên giấy thông hành để bị dẫn đi như một người tù. Chàng khoan khoái kể lại cảm giác kỳ dị khi tên lính đa đen dí mũi súng vào lỗ mũi chàng trong khi chiếc Dodge 4 vẫn vung văng trên con đường đầy những hố hầm phá hoại. Nhưng rồi cũng bị thả ra để đến đêm thì lại nhận một chiếc mã tấu gác trên cổ dẫn đi hàng vài cây số vì được tình nghi là chỉ đường cho giặc. Nụ cười của Ngọc đậm dần chua chát.

Bản cũng thấy nhiều những hành động lạ lùng của Ngọc nhưng không cần phải nói gì. Bức tranh hoa đào chưa hoàn thành sau sáu năm ở đất Bắc. Hương vị nồng đượm trong khi chung đụng với đàn bà không thấy làm cho màu sắc đậm thêm. Tâm trí bất mãn thường xuyên. Từng luống hoa tàn tạ hết một mùa say đắm.

Nhân có ngày hội sinh viên. Ngọc, Bản, Đệ cùng qua rạp Majestic để tới trường Đại học. Nắng hè chói chang. Ba chiếc xe đạp trôi song song. Bỗng Ngọc sáng mắt ngạc nhiên, chàng chỉ đủ kêu lên tiếng nhỏ. Bên kia đường, Hương đang đứng với một gã ngoại nhân. Ngọc nhú lông mày trong khi Bản nhìn lên trời và Đệ nhún vai mấy cái liên tiếp.

LỮ HỒ

NGHĨ THÂM

NGUYỄN SỸ TẾ

MỘT buổi chiều cuối năm, Huân lên mọi người thoát ra đi một mình. Nói cho đúng, Huân cho đó là một cử chỉ « lên mọi người » vì chàng đứng đầu một đại gia đình gồm mấy người em, có người đã đi làm có vợ con, có người còn đi học, và hơn nữa, chàng có rất nhiều bạn bè hàng ngày qua lại gọi chàng đi bất luận lúc nào.

Huân đi lang thang hết phố này qua phố nọ xem thiên hạ sắm Tết và gặm nhấm các thú vui của một kẻ thấy mình nhàn hạ trong khi đám đông bận rộn. Huân về một góc ngoại ô nhìn

khoảng thoáng rộng để có cái cảm giác được giải thoát khỏi cái chật hẹp của phố xá. Sau cùng chàng trở lại châu thành tìm một quán cà phê hẻo lánh ngồi ở đó hàng giờ nhìn ra ngoài đường.

Những cuộc thoát ra đi một mình, phiêu lãng gấp bội, nhất là trước lúc di cư, không phải là hiếm đối với Huân. Họ hàng thân thuộc đã quen nết chàng rồi. Có điều cái chuyển mình của chung quanh, nếu không là của đất trời, bao giờ cũng làm Huân thấy lòng rộn rã. Chàng thường muốn được ở một mình, thật một mình, giữa một khung cảnh đôi mới để được ôn lại một vài kỷ niệm, một vài ý nghĩ. Cho nên vào những lúc quá bận rộn trong nghề nghiệp hoặc những lúc bất mãn trong tâm tư, Huân ước mong những phút tiêu lãng thì giờ vô ích một cách êm đềm như hôm nay. Thậm chí chàng thêm muốn được đau yếu để được nằm tại một bệnh viện nhìn những vòm cây in dấu trên nền trời. Huân nói với mấy người bạn:

– Tôi buồn một giấc ngủ tràng thiên các anh ạ!

Ít lâu nay người ta ngỡ Huân đã bỏ « nghề viết văn », vui trong nghề mới, dành thì giờ gây dựng cho các em. Huân nghĩ: « Nhưng mà sự đóng góp của ta có là bao? Mà phỏng không có sự đóng góp đô thị gia đình ta có chết đâu! ». Và Huân mỉm cười nghe lời đồn đại không hề phản ứng? Thực ra thì trước sau chàng vẫn tự hứa phải có một tác phẩm cho thật xứng đáng với thời đại, — một tác phẩm lớn như người ta thường nói, — một tác phẩm sẽ là một chứng tá của thời đại, của nơi chốn, một sự mang lại nào đó cho tư tưởng, cho nghệ thuật của nhân loại. Huân nói:

– Không lẽ nào mà bằng ấy năm đau nhọc, nhất là đối với cái thể hệ bị hy sinh là thể hệ ta, lại chảy xuôi không để lại một dấu vết. Lịch sử chẳng hóa ra vô tình và tàn nhẫn đến thế hay sao?

Và Huân đau khổ. Huân cũng không giấu diếm nỗi bức bối của mình. Gia đình khuyên chàng nghỉ việc để tĩnh dưỡng chàng lại gặt gồng thêm:

– Một chú cứ biết đi làm, một chú cứ biết đi học, còn thì mặc cái thằng tôi!

Bạn bè mách nước chàng đi ngoại quốc, chàng thờ dài não ruột:

– Ở đâu cũng đất trời ấy mà thôi!

Cũng chỉ vì các tác phẩm lớn mà tuân theo đuổi! Một người bạn Huân giải thích sự vắng mặt của một tác phẩm mong ước cho thời đại:

– Chúng ta sống với thời đại đành rồi, nhưng chết một nỗi vì lẽ này hay lẽ khác chúng ta còn trực tiếp tham dự vào sự hình hoại của từng biến cố bất luận lúc đó có là lúc quyết định của lịch sử hay không. Chúng ta mắc phải cái bệnh quan trọng hóa hết thấy. Đó cũng là một

căn bệnh chung của thời đại. Sự tham dự quá nhiều của chúng ta vào lịch sử đã làm loãng trí sáng tạo và tước đoạt thời gian sáng tạo của chúng ta. Vậy muốn làm Văn học thì đừng làm Lịch sử, nếu không chúng ta sẽ chỉ là kẻ thai nghén suốt đời, hoặc một thứ « ký giả của chiến tranh », hoặc một tên phu khảo cho một người chép sử đến sau.

Huân nhận phần hữu lý của lời giải thích và ước mong lối sống cũng gọi là hiền triết của một số người lẫn lộn với thời đại song vẫn thoát ra được để nhân lại triều lên xuống tầm thường của cuộc đời. Nhưng rồi Huân vẫn thấy không thỏa mãn: hoặc lời nói đó chỉ là sự che đậy cho một sự trống rỗng đến khủng khiếp của tâm hồn; rất có thể người ta chưa có thực tài hay chưa thực sống. Sau cùng Huân đành nói một lời an ủi chung:

– Những cảm nghĩ dầu nhỏ nhặt đến đâu, một khi vào trong ta, sẽ không bao giờ mất hẳn. Chẳng sớm thì muộn, chúng sẽ có tác dụng. có

hiệu lực, có dấu vết, có ảnh hưởng nào đó. Chỉ lo không có đủ thời giờ sống và giữ cho khỏi chết đến lúc hoa kết trái đó.

Huân không hối tiếc những năm tranh đấu đã qua mà còn thấy sung sướng và kiêu hãnh về những kinh nghiệm đòn đau đã lượm được, chúng đã hầu như đảo lộn hoàn toàn lối cảm nghĩ của chàng. Huân nhận ra rằng giá trị của thời gian chỉ là giá trị ý thức của cuộc đời. Mong cho thời gian ngừng lại để giữ trong tay một hạnh phúc hay cầu cho năm tháng trôi mau để thấy nở một ấp ủ, hai trường hợp đó cũng phong phú và đầy ý nghĩa như nhau. Và cái tuổi ngoài ba mươi vẫn còn độc thân và chưa có sự nghiệp cũng chỉ làm chàng nao nao tâm tình từng chốc lát mà thôi.

Qua những ý nghĩ đó, ngồi trong quán cà phê, Huân bình thần ngắm nhìn những người qua lại trên đường: những đôi trai gái khoác tay nhau đi miệt mài; những cặp vợ chồng đứng tuổi khệ nệ đồ sắm tết trong tay với những đàn

con riu rít khoe giày, khoe áo chung quanh; những người lam lũ ngược xuôi vất vả, lật đật. Hầu như đám đông có đông đảo, phức tạp, đăm chiêu và cô độc hơn thường.

Một người quen đến bên Huân lúc nào chàng cũng không hay:

– Thế nào luật sư kiêm văn sĩ của tôi nghĩ ngợi gì đó?

Huân quay lại, ngược mắt nhìn người mới đến mà không lộ một dấu hiệu nào hết. Người bạn nói tiếp:

– Nếu có thể, xin mời anh cùng đi với tôi đến một cuộc họp tất niên này có đông gia đình văn nghệ sĩ lắm. Chắc anh cũng đã nhận được giấy mời?

Huân lạnh lùng: – Tôi bận!

Người bạn bỏ ra đi, cho rằng Huân đang có

chuyện tâm tình lo nghĩ, nhưng cũng vẫn quay lại nói vọng:

– Đợi một giai nhân?

Huân trả lời đủ mình chàng nghe: – Có sao?

Người bạn đã đi xa. Huân đưa tách cà phê lên môi. Chất nước đắng chát hầu như gọi dậy trong chàng một giác quan bỏ ngủ. Huân trả lại cái tách cà phê đã nguội mà còn đầy cho cái đĩa, đứng lên trả tiền rồi ra đi trước sự ngạc nhiên của người chủ quán.

Huân đi đếm bước trên một hè đại lộ vắng người. Chàng vẫn chưa thấy đủ sức cô độc: một người bạn gặp, rồi một người nữa và người nữa. Mỗi người đều rủ chàng đi đến một cuộc họp này hay một cuộc gặp gỡ khác. Với mọi người, Huân đều chối từ bằng câu: « Tôi bận ». Huân nhớ, trong đời, chàng đã từ chối nhiều lần như thế với hơn một người bạn thân

hay sợ. Huân tự ví mình như một người lạc trong một khoảng núi đồi đầy chênh vênh và rất nhiều vực thẳm. Huân không hiểu rõ một sức lực nào đã dìu chàng khỏi ngã hoặc đưa chàng tìm lại được con đường quang đấng: lý trí, lương năng, trực giác hay linh tính? Huân cho rằng tất cả. Và bây giờ thì chàng đã thấy ngại đám đông như một người yếu chịu rét sợ nước lạnh.

Là vì thật thế, riêng Huân, chàng chưa thấy bao giờ thỏa mãn và đoàn thể, ấy là chưa kể những đau nhức vì đoàn thể. Huân nghĩ mãi về điều đó. Ở bình diện thấp, Huân cho nó là một sự tranh giành quyền lợi, một sự hiếu thắng vô nghĩa, một hình thức hợp quần để đàn áp kẻ khác, một lợi dụng của thiểu số ở bình diện cao, nó là sự tiếp tục những tệ đoan trên, thêm vào đó là sự thác đoạ của nhân loại chiếm đoạt quyền sống của con người, phá phách con người tới bản chất, mại vong con người trọn vẹn, làm yếu hèn con người vô cùng.

Huân nghĩ riêng về tác phẩm lớn của chàng: « Một tác phẩm văn học viết theo lệnh của một người khác, chữa đi sửa lại theo chính sách của hết giai đoạn nọ đến giai đoạn kia, theo chỉ trích của hết đồng chí này đến đồng chí khác, thì tác phẩm đó chỉ còn là một sản phẩm công nghệ làm ra hàng chuỗi. Một tác phẩm như thế mà để tên tác giả thì có khác gì là đóng dấu nhãn hiệu nhà sản xuất để tính lời? Tác phẩm văn học phải được viết trong tự do trọn vẹn. Mà tự do trọn vẹn chính là sự cô độc vậy! »

Và Huân không còn thấy sợ cô độc nữa để nghĩ về sự thắc mắc của chàng. Huân nghĩ: « Một trại lính chỉ có nghĩa để phòng an một nơi chốn; một đoàn thể chỉ có ý nghĩa để tự vệ; nguyên cơ dọa nạt qua đi thì nhóm đoàn cũng không còn lý do tồn tại.

Hãy nói tới mục đích của hội xã. Không nên lạm dụng danh từ lý tưởng, nghĩ lầm rằng danh từ đó quyến rũ người ta hơn. Một người

bạn nói: « Ý nghĩa của đoàn thể cũng còn tùy thuộc ở lý tưởng theo đuổi. » — « Được lắm, nhưng lý tưởng là gì nếu không là khát vọng chân thành của con người vút ra giữa thời đại, nhận chân một hiểm họa hay một lỗi lầm chung? Như vậy ý nghĩa đầu của nó phải là ý nghĩa của một thuận tình, một tự giác. Rút về một điều độc nhất đặt định trước, bất di bất dịch, rồi quên hết thấy, tức là biến nó thành một thần tượng với sự rủi may của mọi thần tượng vậy.

Lại nữa sự vật chỉ được ước mong và cố gắng chiếm đoạt khi còn trong trạng thái khát vọng, ở trong sự tiến thành chứ không trong sự đã thành. Ai tin ở sự đã thành, ai đoán sự thỏa mãn của con người trong sự đã thành? Chính sự đã thành mang mầm mống để tự hủy diệt nó. Dầu chẳng có « nghệ sĩ tính » người ta cũng nhận thấy hoa đã mãn khai là hoa mất giá và bình minh chỉ đẹp khi còn là ánh hồng lung linh trên chân trời tối.

Nghĩ lại về tác phẩm lớn làm trong cô độc của mình, Huân vẫn còn một thắc mắc cuối cùng. Người ta thường nói: Chỉ có những thời đại trong đó ngự trị lòng tin mới có thể là thời đại huy hoàng sản sinh ra những tác phẩm lớn; những thời đại của bất tín, của hoang mang, của phản bội sẽ chỉ là thời đại hỗn loạn qua đi không dấu vết; chúng là đang ở loại thời đại thứ hai này. Nhưng Huân nghĩ: Đó có thể là một nhận xét đúng, đã ứng nghiệm nhiều lần trong văn học của nhân loại; nhưng nhất định đó không phải là một chân lý.

Có hai loại thơ văn đẹp như nhau, sáng không biết mấy: một loại thơ văn của Phấn khích và một loại thơ văn của Đau khổ. Mà đoạn trường thì đâu cho đầy rẫy và sâu sắc bằng thời đại này? Đau khổ vốn đã đẹp, mà thứ đau khổ khỏe mạnh, hùng dũng bước đầu cho mọi sự sáng tạo huy hoàng vững bền lại càng đẹp vô ngần!

Huân bỗng liên tưởng tới tiếng kèn vò xé

can tràng của một người dân da đen, rồi tiếng súng khô khan chốn pháp trường mà những viên đạn âm thầm đi vào da thịt của một tội nhân. Huân đã chậm bước hẳn lại trên đường đi.

Tia nắng cuối cùng của mặt trời rơi qua vòm cây đậu lại trên mi mắt chàng. Huân thấy nao náo trong lòng một niềm thương nhớ mênh mông, một nhu cầu tâm tình mãnh liệt nơi một bàn tay vuốt ve, những ánh mắt dịu hiền.

* * *

Huân đi vào một khu phố đông người. Đèn thành phố cũng vừa bật lên. Ánh sáng như chưa yên vị trên những mặt nhà và bóng tối còn quẩn lấy chân chàng. Bây giờ là lúc Huân muốn có một người bạn ở bên thì chàng không gặp nữa. Huân đi ngang qua một tiệm khiêu vũ. Một bản nhạc rất quen tai theo với tiếng trống tiếng phèng dật dìu vọng ra. Một tiếng

kèn nổi lên ử rữ, ngân dài. Huân dừng chân lại do dự. Chàng vừa có ý muốn đi vào trong tiệm để được sống lại trong phút giây một bầu không khí cũ. Huân đành dán mũi vào một tủ hàng kế cận. Ngày ấy ở kinh thành quê hương, chàng vừa mới hỏi cư về. Vì túng thiếu cũng có mà vì nhiều lẽ khác cũng có, Huân phải vừa đi học vừa đi làm cho một tiệm khiêu vũ. Cái không khí của nơi chốn ấy vẫn không hề bám sâu vào đầu óc nặng sầu tư của chàng. Huân không chơi bởi, thậm chí không biết cả nhảy nữa. Nghe chàng nói không biết nhảy, một số người quen cho rằng chàng nói phách làm điệu. Huân chỉ mỉm cười không buồn cãi chính. Về những chuyện sinh sống hàng ngày cũng như về chuyện tâm tình, không bao giờ Huân bị xúc động mạnh. Người ta bảo chàng vô tình, chàng cùng tự nhận với mình: « Có lẽ đúng ».

Huân lại lững thững đi dưới ánh đèn với một mớ hình ảnh hỗn độn vừa trở về trong ký ức: quê hương, chiến cuộc, những người thân qua đời, bạn bè ngày một thưa vắng, những

hăng hái, bao nhiêu đón đầu... Huân bỗng thấy mình cô độc. Chàng vuốt ve hình ảnh một người đàn bà dịu dàng sẵn sàng xoa dịu mọi nỗi khổ tâm của chồng, đợi chờ chồng mặc dầu sao hết, lấy ước vọng của người bạn trăm năm làm lẽ sống.

Huân vừa nghĩ tới Linh. Ủ, tại sao chàng lại không đưa đi xa hơn nữa cuộc giao thiệp giữa chàng và nàng? Hai người đã quen nhau từ thuở nào rồi, trong tình hàng xóm láng giềng, trong loạn lạc, trong đau khổ. Huân đã biết rõ lòng Linh. Chàng chỉ cần nói một câu là người con gái sẽ khóc lên mà ngã vào tay chàng. Chàng lại biết rõ giá trị của một Linh đối với cuộc sống vật chất và tình cảm của chàng. Ấy thế rồi không hiểu vì những lý do thâm kín nào, Huân vẫn bỏ quên nàng. Những người quen Huân, biết chuyện, lại càng lạ hơn nữa khi thấy trong những cuộc gặp gỡ đông người, chàng tỏ ra rất lịch sử, sẵn đón và tài tình đối với đàn bà. Cũng không phải là Huân sợ yêu. Hay tại khi người ta quá định nỡ một điều gì, người

ta thường để quên điều đó? Hơn nửa năm trời rồi, Huân chưa gặp lại Linh mà cũng không tìm kiếm tin tức nàng mặc dầu hai người chỉ cách nhau từ đầu thành đến cuối thành. Huân thấy mình vô lý và cũng hơi tàn ác. Một niềm hối hận thoáng qua, nhiều nhân định về sự cô độc của mình... Trong những ý nghĩ về tình cảm đó Huân quyết định đi tìm Linh.

Khi Huân đi vào cái hẻm sâu, hẹp và khúc khuỷu đó ở ngoại châu thành thì đêm cũng đã tiến sâu trong dòng chảy của nó. Lại càng thêm vẻ sâu hơn ở cái khu xa trung tâm huyện náo này. Huân tưởng đi vào một xóm quê với một điều khác là có nhiều ánh sáng hơn trong lối đi. Những hàng rào cây leo thấp cho nhìn những khoảng vườn nhỏ chập chờn bóng tối. Tiếng giun để nỉ non theo bước chân người. Gần đến nơi, Huân đi chậm lại một quãng đường. Ôn lại một vài ý nghĩ. Chàng nhẹ đẩy một cánh cổng gỗ lọt vào khoảng một căn nhà mờ tối. Huân nhớ rõ vị trí của những đồ vật nơi chốn ấy. Vài bước đi qua một mảnh sân đất dưới một

vòm cây trứng cá, chàng bước lên thêm. Không một tiếng động và ánh sáng rất leo lắt trong căn nhà. Hoàn còn đang簸 ngổ vịn cánh cửa nhà vào thì một người con gái tiến ra kêu lên: « Anh Huân » Nghe tiếng người chàng nhận ra Phượng, em Linh. Nhưng Phượng đã chạy trở vào, Huân vừa toan ngồi xuống chiếc sập gỗ giữa nhà thì nghe tiếng Phượng òa lên khóc nức nở. Một linh tính muôn màng báo cho chàng biết một điều chẳng lành đã xảy ra trong gia đình Linh. Chàng chỉ còn hy vọng một điều đau khổ nhẹ. Huân chưa dám hỏi Phượng. Chàng chạy lại dìu người con gái ngồi xuống sập. Và qua lời thuật lại bị gián đoạn trong tiếng nức nở hay chìm trong nước mắt của Phượng, Huân được biết câu chuyện buồn về chỗ hậu chúng của Linh. Câu chuyện cũng tầm thường như muôn cái chết khác.

Một ngày kia, cách đây ba tháng, Linh đi làm về kêu rúc đầu rồi bắt cơn sốt liên miên. Người ta đưa nàng vào bệnh viện. Nàng bị sốt rét thương hàn và chết ở đó sau một tuần mê

man bất tỉnh. Huân vẫn chưa nói một lời nào. Phượng kể tiếp:

– Ngày cuối cùng chị em có vẻ tỉnh lại. Chị nhắc nhở tới tên anh luôn. Chị bảo em đem tập bản thảo năm nào của anh ra cho chị xem. Chị nói ước mong bao giờ có thêm nhiều tập bản thảo như thế để đọc. Em bảo để em đi gọi anh. Chị bảo chưa muộn. Hình như chị tin rằng không chết. Đến lúc chị ưng thuận và em toan mặc áo ra đi gọi anh thì chị em lên cơn sốt cuối cùng và tắt thở không kịp dang dãi.

Huân vẫn ngồi im lặng. Phượng lau nước mắt thủ thỉ:

– Từ đó em cũng định mấy lần đi tìm anh nhưng phần vì buồn, phần vì bận việc, em cứ nấn ná mãi.

Cơn kinh hoảng qua, Huân phục hồi lần lần cảm nghĩ để nhận chân mỗi đại họa của

mình. Chàng hỏi lại Phượng về phút cuối cùng của Linh:

– Chị không tỏ dấu ân hận điều gì chứ Phượng?

– Em đã nói với anh rằng không thì phải. Và lại còn có kịp làm cái gì nữa đâu. Cho tới phút cuối cùng, cũng không ai ngờ rằng chị mất.

Một lúc Phượng nhớ ra:

– À mà quên chị em có dặn trả lại anh cái này.

Nói rồi nàng đi lại bàn thờ, lục đưa cho Huân một tập bản thảo, và một các trâm trên có gắn một huy hiệu âm nhạc bằng vàng, vật kỷ niệm chàng tặng Linh ngày đi làm ở tiệm khiêu vũ. Huân xin phép Phượng lại bàn thờ Linh. Chàng vén vuông vải điều lên nhìn ảnh người quá cố một hồi lâu với muôn ý nghĩ xô

dồn. Sau cùng, Huân gài chiếc trâm vào bát hương thờ Linh, và cầm tập bản thảo đi trở ra.

Trong đêm rất khuya, Phượng tiến chân Huân ở bên hàng rào. Chàng nhìn rất lâu và rất sâu trong khuôn mặt người con gái, hỏi:

– Phượng vẫn đi học?

Phượng giọng ngậm ngùi:

– Không, em đã đi làm. Phải sống trước đã chứ anh!

* * *

Huân đi lang thang trong châu thành không biết đã bao lâu. Từng nhịp đều đặn, rộn rã hay xa vắng, chuông nhà thờ thành phố đổ xuống tâm hồn ngán ngấm và thao thức của chàng. Thêm một lần, Huân nếm mùi đắng chát của cuộc đời. Huân vẫn còn nghĩ mãi về cái chết của Linh. Điều tiếc hận nhất của chàng

là cái chết của một tâm tình. Chàng tin chắc Linh cũng như chàng không tiếc hận cái chết thể chất. Hai người vốn đã trải nhiều khổ nhục gian lao trong cuộc sống. Huân nhớ có lần Linh nói với chàng:

– Chúng em chỉ có mỗi một mối lo, lo cho cái chết của một tâm tình; các anh còn thêm một mối lo nữa, lo cho cái chết của một tư tưởng.

Một cơn gió lốc nổi lên quần lấy chân Huân. Chàng rùng mình vì lạnh. Ánh sáng đèn lung linh như muốn tắt. Những bóng tối nháy múa trên mặt đường vắng lặng. Huân thành kính đón nhận sự hiện lên của một linh hồn đã khuất. Hai giọt nước mắt trào lên mi, một niềm an thái mệnh mông cùng vừa buông xuống lòng chàng.

Huân đi những bước đều đều ở giữa đường. Bây giờ những ý nghĩa về Linh kết hợp với những ý nghĩa ban chiều về cái « tác phẩm lớn

» mà Huân hằng ấp ủ và ngổ ý cùng nàng. Tập bản thảo của Linh trả lại ôm vào lồng ngực, chàng bỗng nhớ tới câu chuyện với một người bạn. Cách đây chưa lâu người bạn đó có khuyến Huân viết một cuốn tiểu thuyết dài lấy chính cuộc đời chàng làm đề tài. Chàng không trả lời bạn, nhưng nghĩ thầm chua chát: « Kể ra thời này nhất là trên đất nước này, đời của mấy ai mà chẳng là một cuốn tiểu thuyết giàu đổi thay, và lắm đoạn trường. Cuối cùng, chúng ta vẫn lãnh cái án là làm lịch sử không công. Một tác phẩm lớn là một tác phẩm sẽ chẳng viết bao giờ. »

Đêm nay, trên đường về, sau cái chết của một tâm tình, với một quyết định và hăng hái đổi mới, Huân trở lại trên những ý nghĩ đó.

NGUYỄN SỸ TẾ

1-1959

NGÀY CŨ

TRẦN THANH HIỆP

THÀNH vừa ra khỏi sở thì gặp Liên. Đã biết trước rằng mình có một người đàn bà chờ đợi nhưng Thành vẫn thấy bối rối. Thành hẹn Liên tới lần này định để nói với Liên về sự liên lạc giữa hai người.

Liên tươi cười tiến về phía Thành. Giá phải ngày trước, Liên đã vội vàng hỏi Thành nguyên do cuộc hẹn và nếu Thành chậm trả lời hay trả lời không vừa ý thì nàng hờn dỗi. Có khi rưng rưng nước mắt muốn khóc. Ngày ấy Liên hay nói hay cười. Nhưng bây giờ đã đổi khác, hai

người đều lớn tuổi. Và Liên cũng đã quen với các tính ít nói của Thành.

Không bảo nhau nhưng hai người cùng bước về phía chợ. Anh nắng buổi trưa gay gắt rọi thẳng vào mặt Thành. Đường phố Sài Gòn không mang lại cho người ta cảm tưởng tất cả là của mình, ngay cả với những người yêu nhau. Đêm khuya; buổi sáng hay buổi chiều, hàng cây ấy, đại lộ ấy, những dãy nhà ấy vẫn là những thứ gì không ràng buộc. Hai người đã đi một quãng khá xa mà chưa nói với nhau một câu nào. Họ băng qua đường, bước tới dãy quán bán hàng tết. Chợ trưa vắng hản đi. Một người bán hàng đang cho một con chuột bằng nhựa chạy loăng quăng trên mặt hè trước đôi mắt kinh ngạc của một em nhỏ còn nắm lấy tay mẹ. Nó mặc một chiếc áo mới có in đủ các thú hình trùm lên chiếc áo cũ. Thành đứng lại ngắm đứa bé. Ngày xưa mỗi khi tết sắp đến. Thành cùng được mẹ dắt đi chợ Tết sắm quần áo mới. Có điều ngày ấy quần áo của Thành bằng vải hồ cứng, lúc đi kêu sột soạt. Liên nhắc

một bông hoa bằng « nylon » ngấm nghĩa rồi lại cắm xuống trả ông hàng hoa. Nàng quay lại hỏi Thành:

– Anh định mua gì? Thành lắc đầu, Liên dục đi.

Khu hàng vải. Mùi vải mới hăng nồng. Thành dừng lại trước những súc vải đủ màu. Liên ghé vào tai Thành nói nhỏ:

– Nếu hôm nay anh hẹn em để đi mua đồ mừng cho em thì em đi về đây.

Thành mỉm cười về ý nghĩ ấy của Liên và cả việc Liên đoán ý Thành. Nếu Liên biết được những điều Thành nghĩ về nàng mà Thành có lẽ sắp nói cho nàng biết. Có tiếng hát vọng cổ vang lên nho nhỏ: « Trên đường đời đầy gió bụi đau thương, Lệ Thu em ơi! anh dẫn thân ra đi giữa lúc đông ... tàn ... » Giọng người hát ngân rầu rĩ.

Thành và Liên đi gần hết khu hàng vải. Vài ba người đàn bà ngồi quay một đĩa cơm, khúc cá nâu xẩm đuôi cong cong. Liên dừng lại trên bờ hè:

– Trưa nay em không về nhà, anh đi ăn cơm tiệm với em.

Bóng hai người chiếu xuống cô độc trên mặt đường kẻ song song những vạch trắng lấp lánh dưới ánh nắng vàng trắng. Thành nhớ ra từ lâu lắm Thành mới lại có dịp đi với Liên ở ngoài phố. Không ngắm kỹ Liên nhưng Thành vẫn cảm thấy nàng đẹp hơn xưa. Có lẽ vì người ta thường nói đàn bà Việt Nam bây giờ trang điểm khéo hơn trước. Sự thay đổi này Thành cho là thật quan trọng đối với Liên. Gia đình Liên và gia đình Thành ở cùng làng nên hai người quen biết nhau từ thuở nhỏ. Thành hơn Liên hai tuổi, họ cùng bắt đầu đi học trường huyện.

Quê họ ở miền Trung. Có một con sông

nước xanh biếc, giữa hai bờ, một bên bến lở, một bên bến bồi. Nước sông chảy xiết. Những phiên chợ thuyền bè khắp nơi đổ về đậu chi chít như lá tre. Thỉnh thoảng có năm lụ, nước dâng lên mấp mé bờ đê, con đê mà lúc thường Thành cho là cao ngất, đứng trên mặt chỉ sợ ngã xuống chân đê cỏ xanh mướt. Dưới ấy, là mục đồng nằm bò trên lưng trâu hát nghêu ngao.

Thành và Liên cũng bập bồng trên lưng hai người nhà công đi học. Mất Liên đỏ hoe vì Liên khóc nhớ nhà. Những lúc ấy Liên thường nhìn Thành rất lâu.

Buổi tối về nhà, bên đĩa đèn dầu lạc. Thành và Liên còn phải ê a “Nhân chi sơ”. Cha Liên và của Thành cùng muốn cho con học thêm “ít chữ thành hiền” cho có nền nếp. Ông nội Thành, ngồi giữa sập rung đùi vuốt chòm râu bạc, sau mỗi câu đọc âm lại giảng nghĩa. Khi tập đồ chữ bao giờ Thành cũng giữ việc mài hai đĩa mực đen và son. Tiếng học thường vang

tận khuya, mấy con đom đóm lập lòe trên sân gạch.

Liên rào bước, có lẽ nàng sợ nắng. Nàng đứng chờ Thành dưới một mái hiên, cả hai cùng bước vào một tiệm ăn. Liên chọn một bàn trong góc tiệm, lúc này Thành ngồi đối diện với nàng. Gió từ chiếc quạt trần làm tóc nàng xòa xuống trán. Liên đưa tay nhẹ vuốt tóc mình, những ngón tay trắng muốt, móng hồng nhạt, lấp lánh chiếc nhẫn kim cương. Thành để tùy Liên gọi món ăn.

– Anh vẫn ưa dùng những món cũ chứ? Em bây giờ phải ăn thật nhiều thịt, cho nó khỏi xuống cân. Em sợ ốm thì gầy và xấu.

Nàng cười, Thành cũng phác một nụ cười. Thành ngắm kỹ Liên, nàng hơi già hơn trước nhưng lớp phấn mỏng vẫn giữ cho làn da mặt trắng mịn. Đôi mắt Liên vẫn trong sáng dưới đôi lông mày được tô đậm bằng nét chì. Giữa lúc Thành sắp nói với Liên câu chuyện mà

Thành định nói thì Thành chợt nhận thấy Liên có một chút gì thay đổi chưa phân tích được. Liên nhận xét việc Thành ngắm nàng bằng một cái nhìn đầy buồn. Người bồi bàn vừa mang thức ăn tới. Liên mở chiếc khăn ăn trao cho Thành rồi mở khăn ăn cho mình. Nàng cầm đũa nói bằng một giọng thiếu bình tĩnh:

– Ngày mai thế nào anh cũng đến. Chắc thế nào anh cũng từ chối nhưng em không muốn vắng mặt anh.

Thành không ngờ Liên lại chọn dịp này, để nhắc lại lời mời chàng dự đám cưới nàng.

– Thôi chúng ta ăn kéo dài.

Câu nói đầu tiên của Thành từ khi đi với Liên đến giờ tránh cho Thành một câu trả lời đút khoát. Mới ngày nào, Thành và Liên cùng ngồi bên mâm cỗ Tết, mẹ Liên gấp cho chàng đầy một bát thức ăn và cả cho Liên nữa:

– Các con ăn đi.

Ngày ấy Thành và Liên đã học hết lớp trường huyện nên ra tỉnh theo học trường Trung Học. Thành ở trọ nhà Liên. Mẹ Liên, người đàn bà thời cổ ấy, lấy chồng gánh vác giang sơn nhà chồng, thắt lưng buộc bụng buôn bán tảo tần tậu được cho gia đình Liên một căn nhà ở tỉnh và mấy mẫu ruộng ở nhà quê. Thế rồi ngày « kháng chiến » chính bà đã đôn đốc con cháu phá căn nhà ấy bỏ tỉnh về làng chăm mấy mẫu ruộng. Có ngờ đâu bà lại chết vì mấy mẫu ruộng! Còn mẹ Thành thì chết hồi chàng còn nhỏ. Thành chỉ còn giữ được một hình ảnh về mẹ mình: những hôm trời mưa dầm, đường trơn như mỡ, mẹ Thành thu mình trong chiếc áo tơ lá, vác trên vai những quan tiền kẽm, bấm những ngón chân xuống mặt đường lầy và đi thoăn thoắt. Mẹ Thành đi chợ xa lắm.

Thành ít có dịp liên tưởng đến gia đình. Đã có một đạo. Thành nhất định không nghĩ đến gia đình. Đạo ấy Thành có một khẩu súng lục

lớn và được chỉ huy mấy chục người có súng trường. súng máy. Ban đêm đi công đồn. Bên cạnh Thành có cả Liên đeo túi vải cứu thương mang dấu hồng thập tự đỏ chói. Thành vẫn thấy cái hồng thập tự ấy đẹp lắm. Thế rồi bây giờ gia đình chỉ còn là một danh từ, một kỷ niệm, những khuôn mặt thân yêu hoặc vùi dưới những nắm mộ cỏ mọc thừa thớt hoặc không ai biết ở đâu. Thành cố tìm hiểu ý nghĩa của những sự thật ấy nhưng không có một sự phải thích nào làm chàng thỏa mãn.

Thành tự an ủi mình hãy còn ít tuổi quá dù chàng đã ba mươi, để hiểu thấu việc đời mà những người già thường coi như một giấc mộng. Tuy vậy nhiều lúc. Thành cảm giận tới cực độ và muốn làm được một việc gì để thay đổi những điều làm chàng bất mãn. Rút cục Thành đang là một người thư ký cho một hãng buôn. Thành biết vì vậy cơn giận của mình càng lớn. Nhưng Thành không muốn từ bỏ sự cảm giận của mình, vì nó cho Thành còn muốn bám lấy đời sống.

Một người đến gần bàn chìa chiếc mũ dạ cũ nát. Thành nhận ra người hát đạo vừa thổi những điệu kèn phì phò như không biết tới tiếng nhạc đang vọng ra từ chiếc máy phát thanh. Thành bỏ vào chiếc mũ ấy một đồng bạc. Một cử chỉ máy móc. Một người khác tới đưa cho Liên một tấm danh thiếp, tự giới thiệu là một chiêm tinh gia, chuyên đoán chữ ký. Liên cầm bút ký tên mình. Thành nhìn Liên ký và nhận thấy nàng đã đổi chữ ký, kiểu chữ đều mới. Liên ném bút xuống bàn ngược nhìn người sắp đoán về nàng. Người ấy thông thả kéo ghế ngồi.

– Bà sinh ngày nào tháng nào giờ nào?

Liên tỉnh quái:

– Ô hay tôi tưởng ông đoán chữ ký chứ có xem tử vi đâu mà hỏi ngày sinh tháng đẻ.

Hắn không trả lời thẳng câu hỏi:

– Xin bà viết cho tôi những con số mà bà thích.

Liên cùng chiều ý viết mấy con số. Hấn đoán:

– Bà là người hiền hậu, nhiều lòng thương người vì nét chữ bà mềm mại, góc chữ không gãy. Từ nhỏ tới giờ bà đã có ốm một lần rất nặng nhưng qua khỏi. Bà gặp nhiều khó khăn. đau khổ nhưng bà can đảm nên vượt được hết.

Người đoán chữ kỳ hơi ngừng như muốn chờ đợi phản ứng của Liên. Nàng giục:

– Ông cứ nói tiếp đi.

– Bà thích số lẻ nhiều hơn số chẵn, như vậy mỗi khi mua xổ số nên chọn những số bắt đầu và tận cùng bằng số lẻ...

Liên có vẻ suốt ruột:

– Ông đoán cho tôi một điều gì đặc biệt nhất thôi.

Hắn nhìn sang Thành:

– Bà sẽ được hạnh phúc vì có một người yêu thương là suốt đời.

Liên cười lớn, hỏi Thành:

– Ông ấy đoán có đúng không anh?

Thành lẩn tránh khéo:

– Ông là chiêm tinh gia, tại sao lại đoán chữ ký?

Liên trả tiền. Bữa ăn lại tiếp tục lặng lẽ tới khi hai người rời tiệm.

Thành thoáng có một quyết định mới, bảo Liên:

– Em ra hiệu sách gần đây mua cho anh một vài thứ cần dùng.

Liên bước theo Thành, tiếng gót giày của nàng gõ xuống bờ hè kêu lách cách.

Buổi trưa hiệu sách đóng cửa, Thành phải năn nỉ mới mua được mấy « tube » sơn màu. Thành hết đồ vẽ từ nửa tháng nay mà chưa có tiền mua. Liên mở ví, mùi nước hoa và phấn bay thơm nức, lấy tiền trả qua mắt cáo của sắt.

Thành kéo Liên đi trong ngạc nhiên:

– Bây giờ anh muốn em về nhà anh.

Liên ngoan ngoãn như một đứa nhỏ. Ít khi nàng trái ý Thành. Một chiếc xe taxi cặp sát lề đường, cánh cửa xe mở sẵn. Thành ngồi cạnh Liên, hai vai sát nhau, tóc Liên tỏa xuống mặt Thành. Chiếc xe rồ máy lắc lư đưa hai người ra khỏi thành phố chạy về miền ngoại ô.

* * *

Liên nhìn đồng sách báo vút đầy bàn và dưới nền nhà. Một chiếc giường cũ kỹ đầy bụi. Tranh vẽ treo khắp tường, xếp đồng ở một góc nhà.

– Trời ơi nhà anh đây à? Em mà ở nhà thế này thì đến chết mất! Sao anh “nghệ sĩ” thế?

Liên dẫn giọng ở hai tiếng nghệ sĩ.

Thành không muốn bị lầm lẫn với cái « mốt » giả làm nghệ sĩ của một số người và Thành khó chịu cả với những người không phân biệt nổi ở đời này những thứ thật với thứ giả. Thành định bảo cho Liên biết rằng sự bề bộn này không phải là cố ý xếp đặt nhưng chỉ vì chàng không còn đủ thì giờ dành cho việc chăm nom nâng niu bản thân mình, nhà cửa mình thật kỹ lưỡng. Nhưng rồi Thành lại thôi, chàng thương Liên, nàng đã xa Thành quá rồi.

Thành cúi húi xếp giá vẽ. Liên reo lên:

– A... anh có đĩa hát lại cả “Tourne-disques” nữa. Có bài “Que Sera Sera” hay “Fontaine des amours” không anh?

Thành không trả lời vì Liên đã tìm thấy câu trả lời ấy khi nàng mở hộp đĩa hát của Thành. Giọng Liên vui:

– Thôi nghe tạm mấy đĩa có này, hôm nào em cho anh mượn bộ đĩa của em, đủ để mở « bal » suốt đêm,

Thành chỉ chiếc ghế đã long mộng, trên thành ghế còn vắt mấy chiếc áo cũ:

– Em ngồi xuống đó và nhìn về phía anh.

Thành nảy ra ý định vẽ cho Liên một bức chân dung để tặng nàng làm quà cưới. Chắc Liên chưa đoán được ý định ấy.

Liên ngồi xuống ghế, hai tay buông thõng. Không vừa ý nàng ngồi xoay lại, hai tay để trên thành ghế, đỡ cằm, Liên nhìn Thành tươi cười:

– Anh có vẽ em thì vẽ cho đẹp, đừng vẽ như lỗi mới bây giờ em trông nó làm sao ấy, mặt người cứ như ma!

Thành một lần muốn chiều ý Liên. Trên nền vải trắng, Thành ghi hình ảnh Liên bằng những đường nét mềm mại, lượn những màu tươi tắn. Liên đẹp lắm. Mái tóc, cặp mắt, đôi môi nàng có những quyến rũ của một bức ảnh màu.

Nhìn khuôn mặt Liên rồi nhìn vào bức họa, Thành không hiểu sao mình bực tức. Cả hai đều không giống Liên mà Thành vẫn giữ hình ảnh trong ký ức. Liên những ngày cùng sống bên Thành, từ khi còn ở nhà quê rồi ra tỉnh và chiến tranh cho đến khi gặp lại nhau trong một chuyến tàu di cư. Thành lấy dao cạo sạch bức tranh vừa vẽ. Chàng vẽ lại. Phải tìm

cho được Liên của chàng ở sau những bể ngoài
lừa dối kia, sau màu phấn, sau hình tóc, một
Liên không phụ thuộc vào thời gian và hoàn
cảnh.

Nét bút của Thành bổ xuống giá vẽ như
những nhát đao. Màu sơn sa sầm giận dữ quần
quai. Thành dùng màu như máu chảy, tay chàng.
bóp các « tube » sơn tường nát ra. Thành thấy
hình Liên hiện dần dần trên khung vải và trên
ghế, Liên bỗng đại hản đi như mất hồn. Thành
đã nhìn bằng hai thứ ánh sáng: một thứ ánh
sáng của mặt trời đưa Thành bắt gặp Liên ngồi
trên ghế và một thứ ánh sáng của tâm tư, của
tin tưởng cấu tạo nên bức chân dung.

Liên mỗi một giục Thành:

– Xong chưa anh, em mỗi lắm rồi.

Tuy chưa xong hản nhưng Thành cũng vẫn
nói:

– Thôi xong rồi, em đứng dậy cho đỡ mỏi.

Liên xách ghế ngồi lại xem Thành vẽ, giữa lúc Thành đang sửa đôi mắt. Thành nghiêng đầu ngắm nghía. Thành lúc nào cũng thấy rõ tâm hồn ấy. Thành rất bằng lòng bức họa của mình. Chàng đặt bút ký tên.

Bỗng Thành nghe tiếng nấc. Liên gục đầu trên vai Thành khóc nức nở. Tiếng Liên như vang lại từ một dĩ vãng thật xa:

– Anh cho em bức họa này. Thôi ngày mai em không muốn...

Giọng nàng nghẹn ngào, đoạn cuối câu nói mất đi không nghe rõ. Thành cũng muốn khóc. Vì từ lâu chàng biết rằng cả hai người đã mất đi những thứ không tìm thấy trở lại được. Nhưng Thành lấy lại bình tĩnh ký xong tên mình, tin rằng mình vừa hoàn thành một tác phẩm và tưởng như đã nói hết với Liên những điều Thành vẫn giữ trong thâm tâm.

Liên khóc, những hình ảnh trên các bức họa trong căn nhà ảm thấp và tối tăm tưởng chừng như đang cử động.

TRẦN THANH HIỆP

HƯỚNG NHÂN LOẠI

DOÃN QUỐC SỸ

THUỞ còn con gái, chị là một cô gái
cầm cung, đúng là một cô gái cầm
cung! Chị vẫn thường nhắc điều này với tất cả
các bè bạn thân tình. Những ngày học, chị từ
nhà (phố Hàng Vôi) đi thẳng đến trường Đông
Chính (đại lộ Đồng Khánh); rồi tan học, vẫn
lộ trình đó ngược chiều mà về. Lúc đi cũng
như lúc về không cả ngoái cổ lại! Ngày nghỉ
chị về trại - trại của đại gia đình họ Lê - ở Thái
Hà Ấp, một khu trại rộng, rộng lắm! Ngày nay
ôn lại trong trí, chị cũng chỉ biết nói thế chứ
không sao ước lượng được diện tích nơi đó là
bao nhiêu mẫu vuông. Xung quanh trại trông

tre, ôi chao, có những bụi tre già cao, thật là cao, thân tre đã ngả màu vàng, lá tre màu úa xác, trông cả bụi tre như con sư tử già ngồi đó nghênh ngang với thời gian. Bên trong lũy tre là dinh cơ của gia đình chị, cùng những dinh cơ khác của các chú, các bác. Dân chúng quanh vùng vẫn quen gọi nơi này: trại của gia đình họ Lê.

Từ phía Hà Nội về trại, chị phải đi thuyền qua một cái đầm vừa dài vừa rộng mà dân hàng ấp vẫn gọi là sông Ấp. Mỗi lần xuống thuyền sang sông chị có cảm tưởng như xuống thuyền tế độ sang đất Phật vì bao bụi bặm, bao âm thanh gợn đục của máy móc, bao ưu tư - người nào mà chẳng có ưu tư - đều ở cả bên này sông, phía Hà Nội. Mỗi khi từ bến thuyền lên bờ và đi vào bóng tre, rõ ràng là chị đi vào thế giới khác, một thế giới thần tiên: cảnh hiền hòa, người hiền hòa. Dinh cơ của gia đình chị cùng các dinh cơ khác của chú bác đều trồng rất nhiều hoa, hai bên lối vào trồng hoa mào gà đỏ tươi, rồi bên trong là hồng, thược dược, cúc... Ông

cụ thân sinh ra chị, người rất hiếu khách, mâm cơm gia đình thường ngày nào cũng có hai hay ba người khách, rất vui vẻ. Rủi hôm vắng khách, ông cụ được dịp ôn lại mọi điểm sơ suất đã qua đem ra hạch mắng vợ con, thành ra cả nhà ai nấy mong ngày nào cũng có khách. Mẹ chị thương chị lắm đã đành, nhưng hình ảnh ăn sâu vào tâm khảm chị nhất là hình ảnh bà nội. Tóc cụ bạc phơ, mắt đã kém, nhưng da thì hồng hào. Cụ chỉ mong chóng đến ngày Chủ nhật hay ngày lễ để các con cháu về trại. Về tới ngõ chị chạy một mạch tới cụ, tựa hồ chạy theo sức hút của nụ cười, nụ cười biết bao là thương mến, hiền từ nở trên môi cụ. Chị tưởng như bà nội mình đã già như thế từ lâu rồi và cũng từ lâu rồi cụ ngồi như thế để đón con cháu từ bên kia thị thành gió bụi trở về.

Ngoài ra còn một hình ảnh thứ hai cũng trung hậu như thế nhưng đượm vẻ trang trọng ngộ nghĩnh: Đó là ông chú, gia đình vẫn gọi là chú Huyện, ông đỗ Cử nhân tại trường thi Nam Định năm Duy Tân thứ ba (1909). Được

bổ Tri huyện Đông Yên (Hưng Yên), rồi Kim Sơn (Ninh Bình), nhưng ông ít để tâm vào công việc hành chính, cả cuộc đời ông ngợp trong một đam mê duy nhất: địa lý. Bước vào cảnh trí nào ông cũng cố soi mói tìm kiếm đâu là con Mộc, đâu là con Hỏa... Đâu là huyết chính, đâu là huyết phụ... Trong thời gian trị nhậm ở Kim Sơn, đã biết bao lần ông đi tới cầu Hàm Rồng, ra đứng giữa cầu nhìn xuống dòng sông Mã thăm thẳm bên dưới với chủ tâm thiết tha là vạn hạnh, gặp khi dòng nước bên dưới xoáy cuộn thành một vũng trũng lớn - đó là lúc thần long há miệng - ông sẽ lao đầu xuống tự táng sống trong miệng rồng cho con cháu đời đời vinh hiển. Nhưng việc thần long há miệng là một việc thiên tải nhất thì, ông nghĩ có lẽ mình còn bạc phước chưa thể gặp lúc đó được. Rồi ông từ quan trở về sống ở trại của đại gia đình họ Lê, nhưng luôn luôn đi đây đi đó tìm những huyết tốt chuẩn bị mai táng cho những người thân trong gia đình và cho chính ông nữa. Việc quan trọng mà ông thúc giục mọi người phải thực hiện bằng được là mua trước một áo quan

bằng gỗ vàng tâm cực tốt và những phiến đá có chạm những hình nổi để xây lăng mộ sau này.

Trở lại chuyện của chị, mỗi khi về Thái Hà Ấp nói chuyện với bà nội xong, chị thường lui tới quanh đây thăm các ông chú, bà bác, các anh em, chị em. Tất cả mọi người niềm nở quý mến chị, chị như ngã từ bàn tay thương yêu này sang bàn tay thương yêu khác. Có lẽ vì vậy chị càng ngày càng đẹp, càng hiền. Rời khỏi nhà các chú, bác, chị đi thơ thẩn bên bờ ao, dưới gốc dừa hay dưới bóng tre, hơi mát thăm thẳm của nước, quện với hơi mát thơm nhẹ của lá cây rồi choàng lấy chị thành một tấm áo khoác vô hình dệt bằng tình thương yêu đặc biệt của thiên nhiên.

Về mùa thu, chị ưa ngồi bên bờ ao, ngay dưới gốc muồng để mặc cho lá muồng nhỏ như vàng diệp, vụn lăn tăn rụng xuống quanh người, chạm phải má phải tay, vương trên vai trên tóc. Chị lắng nghe thấy lòng mình rộng rãi nhưng trống trải buồn buồn. (Về sau này,

khi đã từng trải nhiều trên đường đời, thỉnh thoảng chị vẫn chợt buồn êm ả để thấy mình trở thành trẻ thơ như vậy.)

Vì rất giàu tình cảm nên ở bài học khô khan nhất chị cũng gợi được lên trong lòng một hình ảnh gì.

Chị học sử thời trung cổ Pháp: “Sau khi Đại đế Charlemagne chết (814), con là Louis bất tài nên đế quốc bị xâu xé và phân chia làm ba: Một hoàng thân chiếm phần đất phía Đông sông Rhin tức nước Đức sau này; hoàng thân thứ hai chiếm phần đất phía trên phía Tây gồm các sông Escaut, Meuse, Saône, Rhône tức nước Pháp sau này; hoàng thân thứ ba chiếm khoảng giữa tức gồm cả nước Ý sau này.”

Học đến đây chị ngồi lặng và thấy trong tưởng tượng hình ảnh một cô gái tóc màu hạt dẻ, bất chấp cảnh loạn ly, vương quốc phân chia, đã từ địa phận nước Ý ngày nay vượt rặng Alpes, qua sông Rhône, qua rặng Jura để sang

gặp người yêu tóc vàng đứng đợi nàng bên bờ sông Rhin.

Ngày chị đỗ Tú tài, chị cũng chạy từ ngõ vào báo tin mừng với bà nội và chị không quên được cảm giác vừa êm đềm vừa hãnh diện khi được bà nội ôm lấy chị và vỗ vỗ lên vai âu yếm gọi chị là “cô Tú”.

Chị lại sang báo tin đó với chú Huyện. Bằng một giọng vô cùng trịnh trọng, chú nói với chị:

– Mày còn đỗ cao nữa con ạ, ngôi mộ tiếp phúc cụ tứ đại đối với chú và ngũ đại đối với mày ở cánh đồng làng Tía, Hà Đông đặc địa. Tả thanh long, hữu bạch hổ! Phía Đông tay long thật là dài, nhưng bị con sông máng xiên chéo vào một chút nên con trai chi nhà tuy vẫn làm nên đấy mà có đôi phần chật vật, đến tay hổ phía Tây thì đẹp hoàn toàn; mày còn đỗ cao nữa con ạ!

Rồi tất cả ông chú bà bác trong trại cũng gọi chị là “cô Tú”. Ông anh họ chế:

Ai đi chợ Ấp qua ông

Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa?

Chị thoạt cười ngượng ngáp sau chị cũng liều mà đáp đùa:

Có chồng năm xưa năm xưa

Năm nay chồng bỏ nên chưa có chồng.

Ngay năm đó chị lấy chồng, một nhà luật học xuất chính. Mỗi khi cùng chồng về trại, tới ngõ chị vẫn chạy một mạch tới bà nội trước: cụ vẫn ngồi như thế để đón các cháu ở bên kia thị thành về. Năm đó bà nội yếu lắm, cụ biết trước từ nửa năm là cụ chết. Giờ hấp hối của cụ, có chị ngồi bên.

Bà cô cúi xuống nói với cụ:

– Tất cả mọi việc tang ma chúng con đã chuẩn bị đầy đủ như ý cụ đấy, cụ có dặn gì thêm không?

Cụ hơi mỉm cười tỏ vẻ hài lòng. Chị cúi xuống mắt rơm rớm hỏi thêm một lần:

– Bà có còn dặn gì nữa không?

Chị thấy bà nội thu hết tàn lực để nói một tiếng cuối cùng:

– Thôi...ô...i...i.

Tiếng “Thôi” như không phải thốt ra ở miệng cụ mà là vẳng tới từ một thế giới nào. Rồi cụ chết. Rất bình thản! Nụ cười chờ đón con cháu còn phảng phất trên môi. Chị không khóc nữa vì cảm thấy bà nội với nụ cười hiền hậu của người trở vào sống vĩnh viễn trong lòng chị.

Một năm sau thầy chị mất.

Việc phân kim để mả cho bà nội cũng như cho thầy chị lẽ cố nhiên do chú Huyện phụ trách với tất cả thành kính của ông. Chị thương mẹ từ đấy một mình thui thủi trong dinh cơ

rộng của gia đình, ông anh chị qua Pháp học từ lâu đã thành tài mà không chịu về; còn chị, chị phải theo chồng vào Trung rồi vào Nam. Thoạt đầu là những ngày giàu sang rục rĩ, nhưng sau chồng chị có tham gia hội kín chống thực dân, việc bại lộ phải trốn đi nước ngoài. Chị một mình ở lại nuôi đứa con gái đầu lòng và phải đến ở nhờ trại của gia đình một người bạn thân, trại này gần rừng Tây Ninh bên bờ sông Vàm Cỏ Đông, cảnh trí nhắc nhở lại một phần nào “trại của đại gia đình họ Lê”. Có những hôm máy bay thật thấp như sà xuống dòng sông, gió như lùa vào hồn chị. Hình ảnh bà nội với nụ cười hiền hậu hiện lên khiến những sầu muộn lo âu của cuộc đời bỗng thoáng qua như gió hè; chị thấy tâm hồn trong suốt như con sông ập về mùa thu, gió thu thổi làm say rộn lòng người, nhưng lại làm lắng các dòng sông; chị nhớ những bụi tre già cổ kính rất hiền lành trong những trưa hè nắng gắt, rất thơ mộng trong những đêm trăng sáng và rất bí hiểm - thú bí hiểm chờ che gìn giữ - trong những đêm không trăng sao, gió rít từng hồi. Tất cả những

hình ảnh đó, những kỷ niệm đó vây bọc lấy chị như từng lớp không khí vây bọc lấy trái đất để gìn giữ sự sống nơi đây và ngăn giữ những lực lượng phá hoại từ bên ngoài vũ trụ vào.

Chị đi dạy học kiếm thêm tiền giữ vững mức sống cho con. Chị nhìn nụ cười của con như nụ cười của hy vọng, như nụ cười của tương lai.

Chính quyền thực dân chấm dứt, chị được gặp chồng, nhưng sự tranh chấp địa vị cùng ảnh hưởng của các đảng phái diễn ra dưới một vẻ khác không kém khốc liệt và còn chua xót gấp bội vì là cảnh cốt nhục tương tàn trong lặng lẽ trong nham hiểm.

Một buổi trưa thằng Nam, phó trưởng lớp hốt hoảng chạy đến báo tin với chị:

– Thừa cô, thằng Tiến chết rồi.

Tiến là tên trưởng lớp. Chị hỏi:

– Chết chửa, sao Tiến chết ? Buổi học ban sáng Tiến có đi học mà.

– Thừa cô nó bị bắn, nó bị xử tử, nó phản đảng.

Ồi chao nói chi những câu to chuyện, xử chi quá tàn ác với một tên học sinh còn vị thành niên?

Tội nghiệp thằng Nam mặt xanh như chàm đỏ, đỉnh đầu nó có một u lớn. Thoạt chị tưởng nó vỡ đầu phải rịt thuốc dẫu, té ra đó là óc thằng Tiến bắn tóe tung sang.

Rồi những cảnh đêm hôm cướp bóc, có người chỉ giắt trăm bạc trong mình mà uổng mạng. Đàn gà năm chục con của chị bị chúng bắt giữa ban ngày mà không dám nói gì.

Rồi tiếp tục những tin người này bị xử tử ngay trong ngục, người kia bị xử tử ven rừng hoặc vì tội rắp tâm ở hai lòng. Tất cả những sự giết chóc ghê gớm và công khai đó đều nhân

danh tổ quốc và công lý mà làm.

Hoàn cảnh có hãi hùng, chị có gầy đi nhiều và già đi nhiều hơn nữa, nhưng trí lực rõ ràng không hề bị mòn mỏi, chị thường xuyên được tiếp tế sinh lực bằng nụ cười bất tuyệt của bà nội, cùng bóng mát của lũy tre ấp, hơi mát của sông Ấp. Những hình ảnh đó đã thiết lập vĩnh cửu trong hồn chị để trở thành linh hồn của linh hồn chị.

Nghe lời chồng, chị mang con về Bắc. Chị được gặp lại mẹ. Bà cụ khóc từ trường bay về tới Thái Hà Ấp chỉ vì thấy con gái đen, già, xấu đi.

Đó là vào khoảng giữa năm 1953.

Một tháng sau có tin đảng của chồng chị thắng thế, anh sửa soạn sang Pháp công cán chừng một năm. Biết chị thường thở than về việc trước đây theo đại học dở dang, anh viết thư hỏi chị có muốn cùng sang Âu Châu tiếp tục việc học? Mẹ khuyên chị nên đi Âu Châu nghỉ

mát ngay cho... lại người (cụ không chú trọng đến việc học), đưa con để lại cụ nuôi. Thế là chị đi Âu Châu cùng chồng, thoát ở Pháp ít lâu rồi sửa soạn giấy tờ sang Luân Đôn một mình. Trước khi đặt chân vào đất nước Anh, chị phải mở một ngân khoản tại nhà băng Luân Đôn y như phải đặt tiền cược trước; chị phải ký giấy không được làm việc gì kiếm ra lương tại nước Anh (trừ việc trông con thuê, các bạn bảo chị thế); chị được báo cho biết trước trong ba năm chỉ được vào và ra nước Anh một lần... Quen nếp sống cởi mở ở nước nhà, rồi ở Pháp, chị thoát khó chịu trong lòng nhưng vẫn giữ được bề ngoài bình thản, rất bình thản. Chị ghi tên vào Davie's School theo học ban văn chương. Trong một trò chơi viết giấy kín nặc danh, đã có bạn đồng học ghi về chị: Mrs Placid (Bà Bình Thản).

Chẳng bao lâu mãi miết với văn chương, chị cũng quên khuấy những bức dọc nhỏ đó. Đắm mình trong thế giới văn chương, tâm hồn chị rung lên một hòa điệu nhẹ nhàng mà thanh

khiết. Chị tiếc là mình đã khám phá ra mình hơi muộn. Dù sao - chị nghĩ - muộn còn hơn không.

Chị học cùng lớp với một bà hoàng Đông phương. Đã xa rồi những ngày phong trần, cô độc, kinh hoàng, ngày nay chị khôi phục lại sắc đẹp thuở trước, thuở:

Ai đi chợ Ấp qua sông

Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa.

Chị đẹp mượt mà hơn bà hoàng, chị còn phóng khoáng, thanh thoi, hồn nhiên hơn vì không bị tù trong hàng rào vương giả.

Trong chương trình học, chị đặc biệt chú ý đến giai đoạn hoàng kim của nữ sĩ Anh dưới triều đại Victoria, thế kỷ XIX. Chị mến George Eliot vì bà đã khéo dạy cho thế nhân thấy rằng những tâm hồn bé nhỏ, thấp kém cũng xôn xao vì yêu đương, cũng khổ đau vì suy nghĩ. Đọc văn Eliot, chị cảm thấy náo nức và tình thương

như mở rộng để đón toàn thể nhân loại. Chị là người đàn bà Việt Nam chùng mực, trong sáng nhưng chị có thừa trực giác bén nhạy của người Việt để thông cảm những đam mê cuồng nhiệt tàn phá những tâm hồn đàn bà đã tự buông mình vào vực thẳm tình ái dưới ngòi bút của Emily và Charlote Brontë. Chị rõ ràng thấy mình cũng đa cảm ưa đòi hỏi công bằng xã hội, cũng yêu chồng, yêu trẻ thơ như nữ sĩ Elizabeth Barrett Browning, cũng muốn cùng Christiane Rossetti vươn lên cõi cao cả của Đạo Đức của Trong Sạch...

Chị đã cùng các bạn đi Stralfold-up-on-Avon xem kịch Shakespeare, những vở kịch dưới hình thức quái đản mà thắm tình người. Lúc học gần hết chương trình, chị suy nghĩ thấy mặc dầu thế sự phù du, chị vẫn có thể chiếm lĩnh vĩnh cửu dòng đời bằng cách giữ cho tâm hồn trong trẻo như dòng sông Ấp, thanh bình đơn giản như bóng tre ấp và hiền hòa như bà nội già không biết tự thuở nào, suốt đời ngồi bên cửa đợi con cháu. Niềm vui như làm ấm

lòng chị, mặc dầu trời đã về chiều, khá lạnh, chị cũng ra ngã sáu Piccadilly Circus ngồi quay lưng vào tượng Eros xem người và xe cộ đi lại như mắc cửi, cùng là nhìn những tấm biển quảng cáo làm bằng đèn nê-ông ngũ sắc sáng rực cả ba mặt phố ngã sáu.

Tình cờ chị ngồi bên một thiếu nữ Anh. Nàng là nữ tài tử của một đoàn ca vũ nổi tiếng đã từng biểu diễn tại hầu hết các kinh đô lớn Âu Á. Khuôn mặt nàng hiền dịu khiến chị liên tưởng đến những vần thơ của Elizabeth Barrett Browning. Nàng thủ thỉ nói với chị: “Tôi đi gần khắp thế giới, tôi thấy người ở đâu cũng giống nhau, cũng những tình cảm ấy: Tình cha con, tình gia đình, tình vợ chồng...” Chị gật đầu biểu đồng tình, rồi dịch cho cô bạn đó nghe câu thơ bất hủ của Nguyễn Trãi viết từ tiền bán thế kỷ 15: “Cũng nhân tâm ấy, há thiên lý nào.” Và khi một mình trên đường về, chị đã nhẩm đọc mấy lời thơ của Elizabeth Barrett:

“Thiếp yêu chàng với lòng yêu tha thiết mà

thiếp gửi theo những kẻ thân yêu đã khuất bóng.

Thiếp yêu chàng bằng hơi thở, bằng những nụ cười, bằng những giọt lệ của cả đời thiếp.

Và đúng với ý Thượng đế thì sau khi chết thiếp sẽ yêu chàng hơn nữa.”

Chị đọc những câu thơ trên rất khẽ, trùu mến như đọc thơ của chính mình và trong cùng thẩm tâm hồn, chị thấy chữ “chàng” kia không phải chỉ riêng chồng chị mà chỉ chung cả quê hương với biết bao hình bóng thân yêu.

“Thiếp yêu chàng bằng hơi thở, bằng những nụ cười, bằng những giọt lệ của cả đời thiếp!”

“I love thee with the breath, smiles, tears of all my life.”

Về tới phòng trọ, chị nhận được thơ của chồng từ nước nhà gửi tới. Tình hình chính trị lại một phen thay bậc đổi ngôi. Chồng chị hoàn

toàn đoạn tuyệt với chính giới, trở về nghề luật sư. Con gái chị đã được bà ngoại mang vào Nam cùng với làn sóng người di cư. Chị cho đó đều là những tin vui. Ba tháng sau thi đỗ, chị trở lại Ba Lê đợi ngày về nước sum họp với mẹ, với con, với chồng.

Trong khi chờ đợi chị có dịp đọc mấy tác phẩm của một “giáo chủ” phái hiện sinh vô thần. Chị hã hùi hùng tự hỏi:

- Có thực cuộc đời bi quan đến thế?
- Có thực hiện hữu của con người và của thế giới là vô lý buồn nôn và phiền não?
- Có thực cuộc sống lộn trần chỉ là những khối kỳ quái nhão nhoét hỗn độn trần trướng?
- Có thực là con người hậm hực với nhau, khinh ghét nhau, ghê tởm nhau đến nỗi đi tới kết luận: “Địa ngục chính là những kẻ khác... Đao phủ thủ chính là mỗi người trong chúng ta đối với nhau?”

Không, tâm hồn chị đã bắt rễ để được nuôi nấng tự quê hương với dòng sông, với con thuyền, với bóng tre, với bà nội... Cuộc đời - ít nhất là với chị - không thể thế được. Chị nhớ lại lời chồng trước đây khi phê bình về khía cạnh không hay của văn minh Tây phương:

“Nơi đây người đã nô lệ cho cái do mình phát sinh: máy móc! Rồi người lại kiêu hãnh dùng cái nó nô lệ mình là máy móc để nô lệ hóa kẻ khác!”

Cuộc đời ở đây buồn nôn vì thế chẳng? Dầu sao những tác phẩm kia đối với chị chỉ là cách nhìn chẻ sợi tóc làm tám, cách làm trò quỷ thuật bằng lời. Dùng nó làm phương tiện giải trí chốc lát thì được, quá chuốc lạ mà coi đó làm của báu tức là nhìn một thớ cây mà quên rừng, nhìn sự vận chuyển của một tế bào mà quên cả cuộc sống hỗn nhiên, toàn diện, cụ thể.

Chị đã bỏ lăn lóc mấy cuốn sách trên lò

sưởi như đứa trẻ chán xem trò xiếc và nhớ sữa mẹ.

Bỏ xem “trò xiếc bằng lời”, chị theo người quen về một vùng quê thuộc Ville-neuve-sur-Fère cách Ba Lê chừng 30 cây số. Mùa thu ở đây sao mà đẹp, lá đỏ rực lẫn với màu táo chín.

Cuộc đời đâu có buồn nôn?

Chị gặp một cô gái má đỏ hây đẩy xe cho con đi chơi, đứa con không chống mà có. Mấy bà đứng tuổi âu yếm xoa má, vuốt tóc đứa bé và hỏi đùa người mẹ trẻ: “Thế nào anh ấy vẫn mạnh chứ?” rồi cả đôi bên cùng cười xuê xoa.

Người đâu có nhất thiết tạo thành địa ngục cho nhau, nhất thiết là đao phủ thủ của nhau?

Một tháng sau chị lên máy bay về nước. Mẹ ra tận sân bay đón chị và ôm chị y như bà nội đã ôm chị dạo nào chị vừa đỡ Tú tài. Đứa con gái chị chóng lớn trông thấy; khỏi phải nói nó

mừng được gặp chị như thế nào. Rồi lòng chị rưng rưng chăm chú ngắm mẹ bước đi trước, một tay của chị chồng nắm lấy còn tay kia chị giơ ra nắm dắt đứa con.

Chị trở về nghề dạy học.

Vừa gần hết hè chị nhận được tin buồn: ông chú - chú Huyện - ở lại ngoài Bắc đã bị mang đi đấu tố ở một nơi xa. Họ không tổ chức đấu tố ở ngay ấp vì gần Hà Nội. Chiếc áo quan bằng gỗ vàng tâm của ông bị phá làm bàn học bình dân học vụ, những phiến đá dự định xây quanh mả bị khiêng ra đặt vào những quãng đường lầy lội...

Vừa dịp chồng chị phải lên Banmêthuật cãi một vụ hình tại Tòa án đệ nhất cấp. Chị đã lên xe hơi cùng chồng trong chuyến đi đó để khuây khỏa nỗi lòng.

Suốt dọc đường Sài Gòn-Banmêthuật, mỗi khi ngừng nói chuyện với chồng chị lại suy nghĩ về ông chú vừa bị cộng sản dùng “nhân

dân” hành xử. Chị nghĩ đến chuyện xưa mấy lần ông ra giữa cầu Hàm Rồng sẵn sàng nhảy xuống, ông sẵn sàng hy sinh cho sự thành đạt của con cháu. Nội dung của niềm tin có thể thay đổi tùy nơi chốn, tùy thời đại nhưng thái độ tin ngộ nghĩnh, hồn nhiên, chân thành đó ở vào thời đại nào và ở bất cứ đâu cũng là đáng quý. Chị tin rằng với những vẻ đẹp đó của tâm hồn, cái chết chỉ là một biến chuyển ảo hóa. Cộng sản giết được ông chú chị, nhưng chắc chắn không giết được ước nguyện hy sinh cho con cháu của ông. Cộng sản phá quan tài của ông làm bàn học, quẳng những phiến đá xây mộ của ông ra chỗ lấy lợi nhưng không hủy được nấm mộ thật đẹp với những phiến đá chạm hình nổi uy nghi do ông đã tự xây bằng khát vọng trong bao nhiêu năm thuở sinh thời. Chú Huyện, cũng như bà nội, cũng như thầy chị, cũng như muôn vàn vẻ đẹp tương tự không chết. Trong thế giới tâm linh huyền diệu của nhân loại, những vẻ đẹp đó như đã từng tồn tại từ một quá khứ vời vợi nào và còn tồn tại mãi với thời gian lang thang bất tận để biến thành

những lớp sóng dạt dào của kỷ niệm.

Ngủ ở Banmêthuột, sáng sớm hôm sau chị nghe có tiếng ồn ào bên trại lính: thì ra đêm hôm qua có con rắn lớn ở ven rừng bò vào, nằm dưới một chiếc Jeep, thầy cai trông thấy, lẳng lặng lên xe mở máy cho bánh sau cán lên giữa khúc rắn, các bạn đồng đội của thầy chỉ việc kiểm gậy đập nát đầu rắn. Câu chuyện xôn xao được một lúc buổi sáng rồi dòng đời nơi đây lại thản nhiên trôi qua với tiếng cười đùa của sĩ quan, của binh lính, với tiếng máy xe Jeep, xe GMC nổ rộn ràng, với mùi ét-săng khét nồng... Cái chết của con rắn - cũng như cái chết của biết bao kẻ bất nhân khác trên cõi đời - chẳng còn để lại một tiếng vang nào khác trong lòng người. Sự kiện tâm thường này xảy ra đúng lúc đã giúp chị khám phá được lẽ huyền diệu của sinh tử. Tâm hồn chị mở rộng ra và vững chãi hơn.

Công việc biện hộ tại tòa án xong ngay buổi sáng hôm ấy. Buổi chiều chị theo chồng

lên xe đi thăm một người bạn Đại úy Tiểu đoàn trưởng ở cách Banmêthuôt năm cây số trên con đường vào hồ Lạc Thiện. Câu chuyện bằng hữu hàn huyên mãi đến hai giờ sau mới có thì giờ ra ngắm địa điểm quanh vùng.

Đại bản doanh đóng ngay trên đỉnh một ngọn đồi mà người dân quanh vùng lấy ngay tên của tiểu đoàn để gọi: “Ngọn đồi Tiểu đoàn 5”. Ngay trước mặt chị là một khoảng rừng cỏ cao tới ngang ngực. Khoảng rừng cỏ đó có mất hút ngay vào cả khoảng rừng mênh mông trọn vẹn bao trùm lên các đồi thoai thoải, từng đám rộng những bông cúc rừng đua nở, từng bông như hình bông thược dược nhưng cánh hoa vàng ươm. Chính thứ cúc đại mộc khắp các nẻo cao nguyên vào đạo này làm thành một màu sắc mùa thu ít nơi rõ rệt bằng. Chị được một người lính cho biết thứ cây đó lại là món ăn ưa thích của loài nai nên ngay từ chập tối ở trại lính này đã có thể nghe thấy tiếng nai kêu. Chị ngừng nhìn vòm trời: một màu vàng tía bao la như đương muốn sà xuống ôm gọn lấy

cả vùng rừng núi cao nguyên. Chị theo dõi một bóng mây hiền trôi về phía mặt trời lặn, đẹp một vẻ đẹp hoang vu mà huy hoàng.

Khoảng rừng thấp chạy dài theo dòng suối dưới thung lũng bắt đầu chìm dần vào màu sương bạc vào con đường mòn đất đỏ vắt qua lưng đồi cao gần đấy chỉ còn là một nét quanh co mơ hồ.

Đã có tiếng nai kêu thì phải. Ánh hồng lưu luyến trên đỉnh trời tự xoá nhòa trong cái thăm thẳm của vũ trụ như một ý niệm về hỉ xả. Trong ánh chiều chạng vạng, đỉnh đồi chị đương đứng như cao lên khiến tay chị có thể với chạm sao. Gió chiều thổi lộng và chị nghĩ rằng tóc chị giờ đây đương phơ phất cùng một nhịp với mái tóc cỏ hoa của trái đất trong nhịp đi hải hà của vũ trụ. Trong giây phút thần kỳ đó, chị bỗng thấy mình đẹp tuyệt vời vì tâm hồn đã qui tụ được vào điểm khởi đầu của vũ trụ y như chú Huyện đã gặp được lúc thần long há miệng để lao mình xuống dòng sông Mã. Phải tâm hồn

chị đã quy tụ được vào điểm khởi đầu của vũ trụ, rồi từ điểm nguyên thủy đó hương nhân loại lâng lâng tỏa ra bốn phương tám hướng vô cùng với không gian, vô tận với thời gian.

Chị nghĩ rằng kể từ đây, chị sẽ đẹp mãi mãi.

DOÃN QUỐC SỸ

(Hương nhân loại được in trong tập truyện Gìn vàng giữ ngọc năm 197. do Sáng Tạo xuất bản)

ĐIỆU NHẠC TẮT ĐÈN

Trong bóng tối buồn như mầu tóc rụng

của điệu-nhạc-tắt đèn

lần đầu tiên tôi thở

bằng hơi em

lần đầu tiên tôi ngả mình trên những vì sao đã
chết

gặp nhau trong vũ phiêu vo tròn

lòng tráo trâng giải rộng

bước chân hút lấy bước chân

theo điệu-nhạc-tắt đèn

theo tiếng kèn van nài vài ly rượu mạnh

theo tiếng khóc đêm chồi từ đáy phổi rướn lên

người nhạc sĩ oằn mình

nhắm mắt

lần đầu tiên

khấp ngực tôi rồn chảy nhịp tim em

bóng tối nửa vời quay lưng ra ánh sáng

Gặp nhau cho lạnh tê vũng nhạc

cho hàng mi không ngăn nổi mắt nhìn nhau

cho đôi môi gọt mòn từng mức rượu

cho tôi nói

và cho em không hiểu

– hay hiểu rồi nhưng cố ý làm ngo? –

để tôi chiêm bao ngâm trọn một bài thơ

5000 chữ bằng tên em nổi lại

5000 chữ đo 5000 tê đại

tiêm mỗi đêm vào những móng tay cong

Dù ly nước trà đá lạnh

không gạn nổi màu son

nhưng đã mài dần những bài thơ ngàn lần em
hẹn viết

(những bài thơ chót biến thành cuộc đời

— cuộc đời mờ côi thơ —)

dù vỏ lạc rang

có hợp thành cuồng phong

cũng không xé nổi lớp vải mềm buộc sát lấy
mình em

nhưng đã làm đục khàn câu nói: “em yêu anh
...”

em không là cô nữ sinh

đọc thư người yêu dấu giữa 2 trang nhật ký

tôi không là học sinh

trọn ngày chờ nhau bên cửa sổ

trọn ngày khao khát em đi ngang

vì

trà đá

và vỏ lạc rang

đã biến tình yêu thành một thứ trò đùa nhon
hoắt

Điệu-nhạc-tắt-đèn

đã thấm vào người tôi

nên tôi nhìn em qua bài blue què quặt

nên tôi nhìn em qua cửa kính vỡ tung

bước chân êm êm slow

nụ cười nghiêng nghiêng slow

nhưng

mắt nhìn: calypso!

Chúng mình đã nói với nhau.

bằng tiếng nói của sự thực hỗn hào

bằng tiếng nói cõi truông sống sượng

bằng tiếng nói bản nhơ

— tiếng nói không đánh phấn, thoa son, không đeo mặt nạ —

chúng mình đã dùng những lời cố gắng

những hình ảnh của xe rác loạn màu

vì em và tôi

vì chúng mình

chỉ xa nhau một chiều dài đường chỉ nhỏ

em cầm một đầu

tôi cầm một đầu

nét chỉ gầy căng thẳng

như những lời chúng mình mở rộng cho nhau
xem

Tôi chỉ muốn em cười

sau mẩu khói thuốc vụn mình nghiêng ngả

để quanh chúng ta thành hải cảng về khuya

để một giờ lên cạn

tôi tìm em như thuở trước tìm em

(tìm em vì thói quen nghiện ngáp)

tuy đã nhàu hy vọng,

tuy đã rách chờ trông

tuy biết em đang chết mòn

trong nhà lao ngổ cửa xanh, đỏ, tắt đèn theo
điệu nhạc.

tôi vẫn tìm em

để hôm nay em đến tìm tôi.

130 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

mẫu khăn san lưới lấy màu tóc lạnh

và nụ cười xanh lóe sáng

sau một lớp sương mềm

và ngọn đèn pha chột mắt

nhìn trộm hai đứa chúng mình hôn nhau!

Tôi đánh lừa tôi

cho trọn bài thơ:

tôi yêu em từ vắn lục bát đầu tay

từ bài thất ngôn vỡ luật

từ bài thơ tôi không biết gửi ai

từ bài thơ tôi đưa nhăm cho một người thiếu
nữ

— không thể là em —

từ bài thơ buồn như ánh đèn khuya

lúc tôi đưa em về qua trăm phố vắng

vắng như lòng hai đứa ngồi bên nhau

Cho tới khi ngã ngựa ánh đèn xanh

tôi thầm khen em đẹp

tất cả thơ có cỏ mượt chạy hoang

có cầu quay hoen gỉ

có đường mòn bánh xe

có em (vẫn buồn như tôi yêu)

có bàn tay em gấp ghềnh tự ái

tôi bằng ngang niềm vui

cho tới khi thấy điệu-nhạc-tắt-đèn ngăn cách
chúng ta

Và bất ngờ

tôi yêu em qua điệu-nhạc-tắt-đèn ngán ngủi

khi đưa đem về

qua trăm phố vắng

tôi viết vội bài thơ lên những ánh đèn khuya.

HOÀNG ANH TUẤN

SÁNG TẠO

Tôi vẽ một bức tranh

Cũng không khác, khi anh

vòng tay ôm người đẹp

Ý mừng lung chưa thành.

Ý niệm của yêu đương

Hình thành là chiếc gương

Anh soi mình. Trong đó

đời muôn vạn mảnh đường.

Tôi tự đi tìm tôi,

Trong tiềm thức xa xôi

Tạo muốn từng vũ trụ

Mong hiểu thêm con Người.

Và nếu trong bức tranh

Anh không tìm được anh

Tìm tôi chỉ cho mệt

Bằng lòng: một màu xanh.

THÁI TUẤN

KHÁI NIỆM VỀ CHỦ NGHĨA HIỆN SINH

QUANG NINH

Ít lâu nay một số người đã đề cập đến vấn đề hiện sinh (existentialisme) như giáo sư Nguyễn Văn Trung, tác giả “Biện chứng giải thoát trong Phật giáo”, Tập san Nhân Loại... Chúng tôi, trong phạm vi một bài báo, cố gắng trình bày tổng quát chủ nghĩa hiện sinh để độc giả có ý niệm về một trào lưu tư tưởng hiện đại.

Chủ nghĩa hiện sinh chủ trương vấn đề chính yếu của triết học là chính đời sống cụ thể của con người. Chúng ta những con người qua bao thời đại đi tìm những định nghĩa cho

chính mình. Con người hiện hữu sống một cuộc sống.

Nhưng cuộc sống là gì, chúng ta sống vì lý do và mục đích nào? Sống có ý nghĩa gì đối với con người? Không một triết học nào có thể tuyệt đối không đề cập đến vấn đề đó và không biết đến quan trọng của nó. Nhưng chủ nghĩa hiện sinh đặc biệt lấy cuộc đời thiết thực làm đề tài triết học, không phải để cắt nghĩa như một khách thể ở ngoài nhưng để hiểu và sống.

Triết học là cuộc đời. Trái hẳn với các thuyết khác như Duy lý, Giáo điều, Triết học khách thể, thuyết hiện sinh vùng lên khỏi những bó buộc của hệ thống chủ nghĩa và tràn lan như “một phản ứng Triết lý về con người chống đối sự quá trớn của Triết học ý niệm và Triết học vạn vật” (E. Mounier).

Trong khi các Triết gia khác điển hình là Hegel dùng những lý luận thuần túy chìm vũ trụ và bản ngã con người — cũng là chính bản ngã

họ — trong biến ý niệm trừu tượng (A.D. Ser-tillanges), chủ nghĩa hiện sinh dù con người về chính lòng mình, khảo cứu cá thể con người cụ thể và sinh động, khảo cứu cái tôi chủ thể hữu ngã (Ego, Je) hơn là bản ngã trừu tượng mơ hồ (Ce moi abstrait). Con người tự đặt trước mình để phân tích, tìm hiểu, nhận thức và hành động. Thân phận con người, ngoại giới và tha nhân được phơi trần trước những mổ xét để con người tự định đoạt thái độ và vạch hướng cho số phận.

Trước đây con người phóng ngoại bay nhảy từ sự vật này qua sự vật khác, nhõn nhơ trên những ý niệm hay lang thang trên cánh đồng vũ trụ quên cả chính mình. Khách thể hóa là một tội của ý thức, theo Jaspers, đã làm con người mất chủ thể. Như thế, con người sống nhưng không hiện hữu, vì nếu hiện hữu, con người phải sống cuộc sống của mình không phải như trên sân khấu, như người cuộc đời trong vũ trụ. Nếu trái lại, ta có thể nói như Gabriel Marcel « Mon être n'est pas ma vie ».

Con người chỉ là những kiếp sống trôi lững lờ. Thời gian cuốn người đi. Và nếu tâm trí ta có ý thức điều đó cũng vẫn vĩnh viễn bị phóng thể, ly tâm, vô ngã hóa, mất nhân tính, bị đẩy vào một hỗn độn và hư vô của chính con người.

Khi con người ý thức được hiện hữu, con người đã thấy mình « lù lù » ở đấy rồi, đã bị ném vào giữa cuộc sống, bị vút ở đó. « Hiện hữu có trước bản thể » (*l'existence précède l'essence*). Sống là sống — ở — đời và sống với, con người khi đã có nhận thức về hiện hữu của chính mình, quan sát ngoại giới và tha nhân để tự định đoạt một thái độ. Đời là một đau khổ liên tục do chính nhận thức gây nên.

Mỗi ngày cuộc sống tiến dần vào cõi chết. Chúng ta bị hư vô hóa một giây một ít và sự chết kết thúc hư vô hóa ấy.

Vũ trụ và con người là thừa. Tại sao hiện hữu rồi lại bị mất dần đi Thật vô lý cả sống lẫn chết.

Trước cái buồn mênh mông con người nhìn sang cạnh để tìm một nương tựa, nhưng chính người khác lại là hỏa ngục. (*L'enfer c'est les autres*).

Thành kiến trói buộc con người, giam con người trong những lễ thói và những ý thức hệ tù ngục. Con người bật lên giải phóng « tự vạch một cứu cánh » (Sartre). Vì người là tự do (*L'homme est sa liberté*). Đó là một thái độ. Cũng có những nhà hiện sinh khác, công nhận bi đát của thân phận con người, nhưng cởi mở để cảm thông, lạc quan để xây dựng. Người khác chính là một lời mời gọi yêu đương, đưa đến đối thoại, thông cảm, hòa hợp. Chết không còn là một bóc lột nhưng là một « thử thách » (Jaspers, Gabriel Marcel) để nhận thức giá trị đời sống, để đưa đến một cái gì siêu việt hơn ở ngoài cuộc đời.

Qua hai thái độ, Sartre chia các nhà hiện sinh làm 2 môn phái vô thần (J. P. Sartre, Heidegger, Albert Camus ..) và hữu thần (Jas-

pers, Gabriel Marcel...)

Theo định nghĩa triết học là chính đời sống con người, người ta có thể tìm thấy nguồn gốc thuyết hiện sinh ở những thế kỷ trước, có thể nói từ Saint Bernard, Augustia, Thomas d'Aquin, Pascal, Maine de Biran. Nhưng người phát minh chủ nghĩa hiện sinh hiện đại là Soren Kierkegaard, một triết gia Đan Mạch (1813-1855). Kierkegaard đả phá mạnh mẽ thuyết duy lý, chống đối triết học hệ thống và hô hào tránh xa Hegel. Hegel đã hệ thống hóa thực tại. Kierkegaard cho là không thể có một hệ thống đời sống đóng khung trong những lý luận trừu tượng, cuộc đời muôn màu sinh động sẽ tẻ nhạt, khô khan, không còn một rung động, mong ước hay lo âu. Con người phải sống thực bản ngã của mình. Kierkegaard muốn tự khám phá chân lý và thực hiện chân lý, sống chân lý hơn là tư tưởng về chân lý. Vì chân lý là chính chủ thể: “Chủ quan tính là chân lý” (*La subjectivité est la vérité*). Một đề tài khác căn bản của ông chịu ảnh hưởng tín lý thế phản:

người giáo hữu tự cứu vãn và thực hiện hữu thể của mình bằng Niềm Tin. Niềm Tin chính là vật thể. Tín ngưỡng làm cho ta công nhận tất cả những điều Thượng Đế dạy. Nhưng chẳng có ai có tin tưởng mà không phiền não. Vì con người luôn tự do không thể đề phòng chống với chính sự Tự do của mình. Hôm nay có những tư tưởng thanh cao đưa tâm hồn tôi lên Trời, nhưng ngày mai tôi có thể sa đọa, tội lỗi hơn hết cả mọi người.

Một bậc thầy khác của chủ nghĩa hiện sinh là Martin Heidegger (1889...) người Đức. Đầu tiên tư tưởng của Heidegger hoang mang trước hai ngã đường chủ thể và khách thể. Ông muốn tìm một hòa hợp giữa thuyết chủ thể khép kín chỉ lắng vào sâu thẳm của tâm hồn bỏ rơi vũ trụ và thuyết khách thể tung tăng trên vạn vật quên cả chính con người. Trở về nội tâm con người thấy trống rỗng, vượt ra ngoài chủ thể, con người cũng thấy vắng lạnh. Chỉ có một tổng hợp ngoại giới và tự nội mới tìm được lối thoát “*L'être est synthèse*”. Hiện hữu của vũ trụ

tùy thuộc nhận thức của con người, nhưng con người chỉ tự ý thức khi sống trong vũ trụ không phải như một tương quan đơn giản nhưng một tổng hợp vật thể (synthèse ontologique).

Ở giữa cuộc sống, phần lớn nhân loại ném ngày tháng vào dòng đời và thời gian cuốn đi những sinh hoạt. Không ý thức, không suy nghĩ, “con người đã bị hút vào trong chu kỳ những hoạt động thường nhật” (Les grands courants de la pensée contemporaine — J.M.Grevillot) và bị phóng thể. Do đó không phải “tôi” (Ego, Je) nhưng một “người ta” (On) vô ngã điều khiển nếp sống và chỉ phối cảm nghĩ. Trốn lánh bản ngã và bầu búa lấy ngoại giới, tha nhân, không thể không gây phiền khổ. Lãnh vực của “người ta” là lãnh vực của thất vọng. Sầu não đã lay tỉnh một vài người khỏi tình trạng bị bóc lột và làm cho họ nhận thức cuộc sống thực của họ, cuộc sống không biết do đâu mà có và đã bị kết án chết. Không ai thoát khỏi định mệnh ác nghiệt đó.

Như thế con người có ấn tượng là sinh ra ở hư vô và lại trở về hư vô. “Chúng ta cảm thấy bơi trong trống rỗng. Chúng ta thiếu tất cả thực tại vững chãi. Vật thể nát vụn, sụp đổ và chúng ta mất đi theo chúng. Sống, chết, tiêu tan, tất cả gây buồn cho những kiếp người. “Le frisson de l’angoisse court sans cesse là travers l’être humains” — (Qu’est ce que la métaphysique, page 23).

Từ Kierkegaard qua Heidegger đến J.P. Sartre, thuyết hiện sinh chiếm một địa vị quan trọng trong lịch sử triết học hiện đại. Chính Sartre đã dựng thành một trường phái độc lập và quay quanh Sartre không những có A. Camus (1913) G. Bataille (1807...) nhưng còn bao nhiêu thanh thiếu niên của thế hệ gián tiếp hay trực tiếp chịu ảnh hưởng của Sartre. Ngày nay nói đến thuyết hiện sinh là người ta nghĩ ngay đến Sartre và các tên tuổi khác mờ hắt. Viết văn, làm báo, soạn kịch, xướng ngôn viên phát thanh, Sartre đã đem hết tài năng và dùng mọi hình thức văn nghệ để truyền bá học

thuyết.

Triết học bắt nguồn từ cuộc đời và dùng văn chương để trở về cuộc đời, rung cảm niềm người. Triết học không còn xa lạ, khô khan đối với mọi tầng lớp dân chúng. Nó len lỏi vào tâm hồn và chi phối cuộc sống. Có thể nói những lớp người trẻ của Âu châu thuộc về Sartre, Nhưng không phải chỉ có những tác phẩm văn nghệ (La Nausée, Les mains sales, Huis clos . . .), Sartre cũng đã hệ thống hóa tư tưởng của ông. Trong những tập khảo luận Triết lý (L'Être et le néant, L'existentialisme est un humanisme) tư tưởng đầu tiên của Sartre trước hiện hữu là buồn nôn. Tình cảm buồn nôn tràn dâng trong lòng khi con người cảm thấy chính mình, ngoại giới, tha nhân hiện hữu vô cơ. Con người từ hư vô hiện ra rồi lại hướng về hư vô. Vạn vật chẳng có lý do gì lại là ở đấy. Tất cả là thừa. Quyền sách này, cái bàn này, hàng cây kia đều là thừa. Thừa là tương quan duy nhất tôi đặt được trước vạn vật. Chính tôi cũng thừa. Tôi ước ao tự tiêu tan đi để ít là hủy được một

trong những kiếp sống thừa. Nhưng chính cái chết của tôi cũng thừa . . . Đời đời tôi vẫn chỉ là thừa.

Thừa còn đưa đến một ý niệm khác. Vạn vật không lý do hiện hữu, nó cũng không thật như ta trông thấy. Tất cả chỉ là những vỏ, những cái mã ngoài. Những đặc tính ta gán cho nó những khác biệt, những tương quan liên hệ với xung quanh chỉ hiện hữu bề ngoài. Cạo lần sơn, lột vỏ đi, hoa không còn là hoa, cây không còn là cây. Tất cả, tôi, anh, thế giới chỉ là những “đồng vật sống” nhày nhụa, nhão nhoét, không hình thù, “một thứ một nhẽo lầy nhầy, rất tối tệ, ghê tởm”. Đó là cuộc sống phơi trần đã lột bỏ tất cả những hào nhoáng, những vẻ đẹp giả tạo trí tưởng tượng của ta đã khoác cho nó. Sự thực thô bản ấy làm lòng tôi nôn nao, tôi buồn nôn. “Buồn nôn là một tình cảm ghê tởm, một lộn mửa dè dặt. Chúng ta cảm thấy trước thực tại khi ta ý thức sự vô lý căn bản của nó”.

Thái độ ấy trước cuộc đời đã đưa Sartre

đến những nhật xét về vật-thể-học. Theo Sartre vật-thể là một tự nội (en-soi) thô kệch, im lìm đầy đặc, không hình thù không là gì hết, không biết mình, không biết khách thể. Vật tự nội muốn thoát khỏi thể tĩnh, đã tự xé ra, nứt rạn ra (se fissure) và phát sinh tha quy (le pour-soi) hay nói cách khác, khả năng « xé », « nứt ra » là ý thức: Vì chính sự nổi dậy của tha quy làm cho ta nhận thức hiện hữu của thế giới. Nhưng chính ý thức (tha quy) không là một chất thể, tự nó chỉ là hư vô. Nó chỉ có khi vật tự nội tự « xé ra », và khi hướng về một vật khác nó, ngoài nó, không phải là nó. Tự nội là im lìm vô thức, nhờ ý thức hướng về tự nội để nhận thức nhưng không bao giờ lãnh hội được hoàn toàn tự nội. Do đó ý thức là một khả năng hư vô hóa. Người là ý thức, và chỉ khi ý thức mới là người. « Con người luôn luôn ở ngoài mình; chính vì phóng ngoại và tự thoát ly mình mà người hiện hữu như là người. Người là nỗ lực tự vượt đó và người chỉ có thể lãnh hội sự vật bằng cách tự vượt như thế (L'existentialisme est un humanisme – trang 92). Chia sẻ bị đát giữa

tự nội và tha quy hay nói cách khác nỗ lực tự vượt để nhận thức làm cho con người sâu khổ. Ý thức là nguồn phiền não.

Khi con người ý thức được hiện hữu, cái hiện hữu vô lý thừa, con người đã có đấy rồi: « Hiện hữu có trước bản thể ». Con người tự tạo ra bản tính bằng hành động và tự do vạch cho mình một cứu cánh theo sáng kiến riêng. Cuộc đời là một sự kiện đã rồi. Tôi cũng thế. Nhưng « con người là Tự do », tự do sống và sáng tạo cuộc đời: « Người sáng tạo người ». Sartre giải phóng con người khỏi mọi trói buộc tôn giáo, lễ thói, thành kiến, xã hội, khỏi cả những cái nhìn soi mói của người khác. Bản tính người là Tự do, và người muốn tự do vì Tự do. Nhưng ý nghĩa Tự do là gì? Theo Sartre, Tự do là một khả năng hư vô hóa. Khi con người thoát khỏi tự nội, nghĩa là tự bứt ra để nhận thức, đồng thời con người cũng tự hư vô hóa. « Être pour le pour-soi, c'est néantiser l'en-soi qu'il est. La liberté ne saurait être rien autre que cette néantisation ». Như thế, con người bị sống luôn

luôn ngoài bản thể: « con người bị kết án sống tự do ». (L'Être et le Néant - trang 515).

Con người quan sát khách thể hay trở về với chủ thể đều cảm thấy chán chường, buồn nôn, phiền khổ. Bị ném vào cuộc đời vô nghĩa, con người bức tức trước những hiện hữu vô cơ, thừa thãi.

Tư tưởng của Sartre lan rộng và gây ảnh hưởng lớn. Albert Camus và G. Bataille cùng môn phái với Sartre đã quan niệm vô lý đến cực độ. Camus đã cho chúng ta uống « rượu vô lý » (le vin de l'absurde) và ăn « bánh lãnh đạm » (pain de l'indifférence) để chúng ta coi thường cuộc đời, bất xét tương lai và say sưa hưởng tất cả những lạc thú hiện tại. Bất mãn trước vô lý và bất công của cuộc đời, Camus còn đưa ra một « con người công phần » chống lại với Tạo hóa, với Thiên Chúa mà Camus coi như « Sen Đầm ». Bataille cũng thường nói đến Thiên Chúa bằng một giọng hằn học, bất mãn

và cũng « thanh toán » Thiên Chúa một cách bạo ngược.

Những trình bày trên nr6u cho chúng ta một thái độ trước cuộc đời của những nhà hiện sinh vô thần. Tư tưởng của một Jaspers, một Gabriel Marcel nói lên một lập trường khác đối với cuộc sống.

Theo Jaspers cuộc đời là một tự do nguyên thủy, một đà bột phát tự do (frele Unsprung). Do đó nó mặc một hình thái bị đất. Con người phải luôn luôn muốn và chọn lựa. Cuộc sống là một chinh phục không ngừng. Ở trên đà cuộc sống, con người tự do luôn luôn phải tự quyết định. Tự do, theo Jaspers, trái ngược hẳn với Sartre, không phát sinh trong hư vô, nhưng trong thông cảm với mọi người, trong thông cảm với một Hữu thể tôi cảm thấy sát bên tôi, mỗi khi tôi muốn sống sự tự do của tôi, dù tôi không bao giờ đạt tới Hữu thể đó. Thượng đế là một bản chất siêu phạm, một thực tại tuyệt đối vượt ngoài phạm vi hữu hạn, mọi quan

niệm, mọi nhận thức, nhưng tôi không thể nói là người không hiện hữu. Cuộc đời là thông cảm, cởi mở giữa những con người, để dẹp bớt những hiểu lầm gây bao đau thương.

Quan niệm của G. Marcel sáng tỏ hơn. Triết lý của Marcel được coi như một « chủ nghĩa hiện sinh cơ đốc ». Tư tưởng của Marcel đi từ những sự kiện con người cụ thể đến đối tượng chính là Thượng Đế là Thiên Chúa. Ông vượt qua những người đang sống để nhằm một « Bên kia » con người, mà ông coi như một nâng đỡ thiết yếu cho mọi cuộc sống. Ông viết: “ chính là hướng về một « bên kia » cuộc đời mà tất cả tư tưởng tôi không gì ngăn cản được cứ vươn tới ». Thượng Đế của Triết học cũ là một ý niệm thoát thai từ những hệ thống lý luận. Đối với Gabriel Marcel, Thượng Đế là một Người ở ngay trong đời sống cụ thể. Hiện hữu của ta dính liền với Thượng Đế, một chân lý tuyệt đối khách thể, là lý tưởng mọi đời sống phải tiến tới. Tâm hồn Gabriel rộng mở đón nhận cuộc đời trong một niềm thông cảm bao

la, một kết hợp keo sơn. Con người hiện hữu là do kết quả của Tình Yêu Thiên Chúa. Tất cả anh em khác cùng do một Tình Yêu Cao Cả đó nên hòa hợp trong một thương yêu rộng lớn. Con người phải khám phá sự thực đó và thực hiện trong cuộc sống.

Chết không còn là một bản án, một bóc lột, nhưng là một thông cảm thiết thực, một hòa hợp mật thiết nhất vì con người lúc đó thoát mọi trói buộc hình thức: xác, hoàn cảnh, hành động . . .



Chúng ta đã đi từ Kierkegaard, một Pascal Đan Mạch, Heidegger, một chứng nhân của trường đời đau khổ, đến J.P. Sartre người gieo « buồn nôn » và trạng sự của hư vô, và Camus con người vô lý và công phần. Chúng ta cũng đã tìm hiểu một Jaspers bản khoản chọn lựa, một Marcel cởi mở và hy vọng. Chúng ta đã có một ý niệm về chủ nghĩa hiện sinh, một lý

thuyết đang gây thắc mắc trong tâm hồn nhân loại. Bắt nguồn từ con người, từ cuộc đời phong phú của con người, thuyết hiện sinh bằng hình thức này hay hình thức khác, hữu hay vô thần, đã trở về giữa lòng cuộc sống. Nó đã mọc lên xanh tốt giữa nhân loại, có những hoa tươi thắm nhưng nó cũng có những quả ung thối. Mỗi người có thể giơ tay lên hái quả của nó. Chúng ta cũng lựa chọn bắn khoăn, chín hay xanh, ngọt hay chua? Chúng ta có Tự do và tự do chọn lựa. Cuộc đời mỗi người tùy ở chọn lựa ấy.

QUANG NINH

THƯƠNG NHAU THÌ VỀ

LAN ĐÌNH

NGỮ bình tĩnh chờ đúng đến ngày ba mươi tết mới về Sài Gòn. Chàng ra đi giữa buổi trưa, đem theo những niềm nhớ tiếc rất xa xôi và vô cớ. Chuyển đi không có việc gì cần kíp, vả chăng Ngữ còn muốn kéo dài cuộc hành trình để có đủ thời giờ lấy lại sự thăng bằng cho tâm hồn; nên chàng đã đáp chuyến xe đò chạy chậm như chỉ định chết máy.

Trời khô ráo nhưng lạnh gai gai người. Ngữ chợt nhớ đến những lần tàn đông ở quê hương, vào độ này đang mưa phùn lâm lâm như rắc phấn, mưa nao nao suốt ngày mà chẳng thấm

áo ai bao giờ. Con đường đê từ ngoại ô vào, qua nhà Ngũ, thường có những cụ già quê mặc áo the, quần vải ta, tay cầm ô, tay xách cái mâm đồng mới mua còn bóng nhoáng. Quê hương Ngũ vào độ này thật đã có nhiều phong vị tết.

Chiếc xe đồ cú khi chạy khi ngừng trên dọc đường xuyên qua những khu rừng u-uất và những cánh đồng cỏ dại, bờ gai. Xe tạm dừng ở một châu thành nhỏ bé bên lề quốc lộ. Một cô học trò chừng độ mười sáu, mười bảy tuổi, tay cắp cặp tay xách nón, vội vã bước lên xe. Tuy là lần đầu, Ngũ chợt để ý đến cô học trò ấy, nhưng chàng cũng biết chắc rằng thường ngày nàng vẫn đón xe để đi học ở một ngôi trường cách đó chừng hai, ba cây số. Xe chạy tiếp. Cô học trò mở cặp lấy mấy trang giấy đầy chữ, cầm nón che trước mặt và đọc lẩm nhẩm. Nếu ở trường hợp khác thì Ngũ đã đoán ngay là nàng đang xem lại một bài làm, bài luận chẳng hạn. Nhưng ở trường hợp này, vô cớ mà chàng cứ nhất quyết đó phải là một bài diễn văn để đọc

vào buổi học tất niên trước khi thầy trò tạm biệt.

Không định mà Ngũ cũng nhớ đến một quãng đời niên thiếu, kẻ đã là xa xôi, ở một mái trường ngói tím, tường rêu; những buổi học cuối năm thường có không khí đặc biệt: vừa bồn chồn vừa gượng gạo. Ngũ nhớ nhất là cụ Cử đạo mạo nhưng hiền từ dạy Hán văn. Một lần giáp tết, Ngũ đem pháo xiết rắc đầy xuống nền lớp học; cụ Cử vào giảng bài, mắt kém, xéo phải, pháo nổ lép bép và khói mù lên dưới chân cụ. Cả lớp bùng miệng cười khúc khích. Cụ Cử nhảy tênh tênh lên như ngói phải lửa và gắt gỏng om sòm:

– Chúng mày Những thằng đầu bò, đầu biếu! Đầu bò, đầu biếu!

Chỉ thế thôi, cụ Cử lại nguôi giận ngay và trịnh trọng giảng bài. Cụ khoa tay, làm một vòng lớn trên bảng:

– Trông đây này: An, Nữ khú, Thỉ nhập vi Gia. Nhớ chưa?

Ngũ nhìn kỹ lại cô học trò đang ngồi trước mặt chàng, rồi chợt nhớ đến Đông – cô em họ chàng – và Tâm – em gái Huân, bạn chàng. Hồi Ngũ còn ở nhà, Đông và Tâm mới trên dưới mười tuổi gì đó thôi. Mỗi lần Ngũ về chơi nhà Đông ở làng Mậu Dương, chàng chỉ hay trên túc Đông, Đông không làm sao được, lại chạy ra dây bao lơn bên cạnh hàng cau, ngồi bệt xuống sân gạch, hai chân dẩy đánh đập, khóc suốt mướt. Nhưng Ngũ ra dỗ dành thì Đông lại làm lành ngay. Mỗi lần Huân ở Hà Nội về nghỉ hè hay nghỉ tết, Tâm lại xách nón đến nhà Ngũ, đứng nghiêng người rất là ngượng ngịu ngoài khung cửa, một tay cầm nón cọ khế vào chân, một tay giơ lên quá đầu không biết để làm gì, và thỏ thẻ:

– Anh em đã về, mời anh lại chơi.

Lần nào Ngũ cũng nói kéo dài để trêu Tâm:

– Thí... a... cư... a... đấ... y...!

Tâm lại chạy biến ra đường, nói phụng phịu:

– Kệ anh đấy, em không biết đâu!

Thế mà tháng trước, Ngũ gặp Huân; hai người nói chuyện lan man rồi tự nhiên Huân tính thăm và nhắc Ngũ rằng Tâm năm nay đã mười chín tuổi. Tâm đã mười chín tuổi thì Đông cũng lớn bằng ấy rồi. Chóng quá. Từ ngày Ngũ đi xa, có khi nào nhớ đến Đông và Tâm, chàng chỉ nhớ họ là hai cô bé thơ ngây và nhí nhảnh của dạo nào. Bây giờ chàng mới giật mình, thì ra đã ngót mười năm trôi đi trong chớp mắt! Ngũ nghĩ lẫn thẩn; sau này chàng về, biết có còn nhận ra được Đông và Tâm không? Cả Đông và Tâm cũng có còn nhận ra được chàng không? Chàng và họ có còn là anh em như ngày nào nữa không? Chắc là mất rồi. Lần này là lần thứ bao nhiêu, Ngũ không rõ nữa, chàng lại bùi ngùi nhớ tiếc những sự mất mát

dần dà.

Chiếc xe lại ngừng ở khu phố lá ven đường. Một bà cụ già đến sáu bảy mươi tuổi, vai khoác cái địu vải, tay bế đứa cháu gái chắc chỉ mới biết chững; đang loay hoay mở cánh cửa sau xe, mãi mà không được. Cô học trò vươn nhanh tay ra, giúp bà cụ đẩy cái chốt sắt, rồi lại rút vội tay vào như một cử chỉ thâm lén. Tuy thế, Ngũ cũng kịp nhận thấy bàn tay mềm mại và trắng trẻo chiu cong trên cánh cửa xe. Chàng liếc nhanh cô học trò thì gặp lúc nàng cũng đang nhìn chàng. Chàng mỉm cười băng quơ. Nàng nhìn chàng trách móc. Đôi mắt nhìn trách móc bao giờ cũng đẹp khác thường. Giá mà nàng cũng cười như Ngũ, đừng nhìn trách móc, thì đã chẳng có điều gì làm Ngũ phải nghĩ ngợi. Bà cụ bế cháu lên ngồi cạnh Ngũ. Xe lại chạy tiếp. Từ đó, mỗi lần xe dên lên hay chiu xuống trên những đoạn đường lồi lõm, bà cụ lại xốc nách đứa cháu gái, dứ nó ra khỏi lòng và nói dọa trong nụ cười hiền hậu không răng:

– Nè, té nè!

Lần nào cũng như lần nào, đứa bé thích chí, lại cười lên như nắc nẻ. Cảnh hai bà cháu đùa rồn nhau làm Ngũ nhớ đến mẹ chàng với hai cháu Thoa và Thúy ở nhà.

Mẹ Ngũ hiếm hoi, chỉ còn chị Ngũ và chàng là con út. Chị Ngũ đã đi ở riêng, nhưng được cái, các cụ thông gia với mẹ Ngũ là chỗ thân tình, hơn nữa, các cụ ấy lại đông con trai, người nào cũng đã có vợ rồi nên những ngày giỗ chạp hay tết nhất, chị Ngũ thường được phép về bên ngoại. Dạo trước, vào độ này, mỗi lần Ngũ từ Hà Nội về nhà ở dưới tỉnh ăn tết, lần nào chị Ngũ cũng dắt cháu Thoa và cháu Thúy ra tận bến tàu thủy đón chàng. Như vậy đã thành thói quen. Tàu vào bến, Ngũ xách va-li ra cửa mạn, việc trước nhất là phải nhìn suốt lượt đám người đứng lô nhô trên bờ cát, xem chị và các cháu ở đâu. Ngũ vội vàng ngả mũ phất phất cho chị trông thấy. Chị reo lên và cầm tay các cháu vời vời. Con đồ mạn cập bờ,

Ngũ vừa nháy lên bên, chị đã nói ngay một câu rất quen thuộc và rất âu yếm:

– Để va-li đấy, chị xách cho. Bế cháu, nó đang mừng cậu.

Cháu Thúy nhào ra theo Ngũ, úp hai bàn tay xinh nhỏ và ngọt thơm lên mũi chàng, reo thích bấm be. Cháu Thoa níu chặt lấy quần Ngũ, giằng tay Ngũ, hỏi chuyện lú lo, cười tíu tí. Chị xách hành lý. Ngũ dắt cháu Thoa và bế cháu Thúy. Hai chị em đi sóng đôi, thung thỉnh trên giải đường cát trắng phơi phới vòng vèo giữa đôi hàng cây gạo xanh mơn mớn, vào trong tỉnh. Chị thủ thỉ chuyện nhà, chuyện buôn bán; Ngũ kể lại việc học hành thi cử, cho đến tận nhà. Hai chị em vừa về đến cửa, mẹ đã lật đật chạy ra, hôn hờ xoa đầu và nắm tay Ngũ y như những ngày chàng còn bé lắm. Mẹ lại nói một câu cũ kỹ đến không biết tự bao giờ:

– Đấy, ở nhà đẻ cũng đã xếp đặt đầu vào đấy cả rồi. Con xem còn chỗ nào chưa vừa ý thì cho thu dọn lại.

Công việc của Ngũ thu dọn chỉ là giải lại cái khăn bàn cho phẳng phiu, treo lại khung ảnh gia đình cho ngay ngắn, nắn lại bình hoa cho đều màu mỹ thuật hơn. Rồi Ngũ hí hoáy viết câu đối xuân vừa nghĩ được mấy hôm trước. Chàng lấy cuộn giấy hồng điều, đo, kẻ, rọc thành hai mảnh thật cân xứng. Chàng viết câu đối bằng chữ quốc ngữ, nhưng viết giống nét chữ nho, nên mới trông ai cũng phải nhầm. Hồi ấy, Ngũ còn niên thiếu nên tự tạo được cái gì là đặc ý lắm. Chàng đã thường vui niềm vui « tự kỷ văn chương » rất là mãn nguyện.

Đêm trừ tịch, dù trời mưa hay tạnh, thời tiết chỉ lạnh cái lạnh mơn man ngoài da thịt cho thêm ấm trong lòng. Mọi người trong gia đình ngồi quây quần chung quanh bếp lửa bánh chưng đặt ngay ở giữa nhà. Mẹ chăm nom nôi bánh cho bánh khỏi hấy. Chị cặm cùi thái xu

hào và hoa cải để sửa soạn làm cỗ tết. Ngũ bế cháu Thúy đang ngủ trong lòng. Hai bàn tay cháu nhỏ xiu, nắm khít lại và ấp lên đôi má tròn mịn. Cháu thở nhẹ nhàng ấm áp, thơm thơm mùi sữa nóng; cái miệng chúm chím đôi khi lại hờm hóp mê bú trong giấc ngủ. Cháu Thoa ngồi dựa đầu vào tay Ngũ, lú lo hỏi chuyện không đâu:

– Cậu ơi! Cây dù ý cậu mua cho cháu bao nhiêu chiếc thế hằng cậu?

– Cậu ơi! Mẹ cháu vừa đem cho cháu cáy vái đâm đặng mà trắng lăm cơ cậu ạ! Mai năm mới cháu mặc cho cậu xeng có xun không cậu nhé!

Môi cháu cứ cong lên đến là dễ yêu. Đôi má của cháu bụ bẫm hồng tươi lên trong ánh lửa. Cặp mắt của cháu đen nhánh, phản ánh than hồng, ngồi lên những tia sáng vui mừng và lóng lánh như hai hạt bi ve.

– Cậu ơi! Thía cậu đã gói cho cháu cái bánh chưng bé tí chưa?

Ngũ chưa kịp trả lời thì mẹ đã mở vung nồi bánh, nhân thể thăm chừng, nhắc một mối lạt làm dấu lên:

– Đây, cậu đã gói cho Thoa rồi này, chờ mãi mới chín.

Rồi mẹ hỏi âu yếm:

– Cậu mua dù cho Thoa, mua kẹo sữa, kẹo súc-cù-là cho Thoa lại luộc cả bánh chưng bé tí cho Thoa nữa; thế Thoa có yêu cậu không? Yêu nhất hay là yêu thế nào?

Thoa ngẫm nghĩ mãi rồi mới trả lời ngập ngừng:

– ... Cháu yêu bà nhất.., yêu mẹ cháu nhất ... cả cậu, cháu cũng yêu nhất!

Cả nhà cười rộ lên làm Thoa then phải dẫu mặt vào ngực Ngũ. Chị ngừng tay thái đồ nấu, vừa cười vừa nói như phân trần để chữa then cho Thoa:

– Con gái tôi công bằng thế còn gì?

Chắc là mẹ cũng cảm động vì hạnh phúc của gia đình, mẹ hướng về chân dung thầy Ngũ trên bàn thờ và khấn thầm:

– Lạy gia tiên phù hộ cho mẹ con tôi được luôn luôn đẹp mặt bằng người.

Những lần như thế, bao giờ Ngũ cũng vui nhè nhẹ, buồn nhè nhẹ. Chàng nhìn theo mẹ lên bàn thờ, vòng hương cháy đậm đà tỏa khói thơm ngậy ngất, thầy Ngũ nghiêm nghị nhưng hiền từ, đã mất đi từ ngày Ngũ còn bé lắm, để lại một đoạn đường dài gánh vác cho mẹ Ngũ, biết bao nhiêu là vất vả gieo neo trong những cơn biến đổi. Ngũ nhìn mẹ. Mẹ vẫn hồng hào khỏe mạnh. Nhưng mỗi lần xuân đến, hình

như tóc mẹ lại bạc thêm một ít, da trán và da má mẹ lại răn thêm nhiều nét nữa. Lòng Ngũ se sắt, bùi ngùi, chỉ mong sao sớm được gánh vác bốn phận gia đình để mẹ được nhàn hạ tuổi già. Nhưng khi Ngũ trưởng thành lại là lúc chàng đã đi xa rồi.

Chiếc xe đồ dùng lại trước cổng ngôi trường bên quốc lộ. Cô học trò lặng lẽ xuống xe và đi nhanh vào con đường sỏi trắng rợp bóng những tàn cây. Ngũ nhìn theo nàng và nghĩ rằng con đường chàng đi đến đây đã mất một người bạn đồng hành. Chiếc xe đồ chạy tiếp rồi lại dừng. Bà cụ già bế cháu và khoác địu, xuống xe, đi tắt tười vào con đường đất đỏ về phía khu xóm lá ngoài xa có nhiều ngọn cau và ngọn dừa vươn lên lấp lánh. Ngũ nhìn theo bà cụ và nghĩ rằng hai bà cháu về quê ăn tết. Lòng chàng vui dần, vui dần và buồn gọn gọn.

Xe tới bến chính thì trời đã về chiều. Ngũ đi làm lủi vào con đường nhựa im phăng phắc giữa hai hàng cây sấu; lòng còn vương nhắc

hình ảnh cô học trò và hai bà cháu vừa gặp ở dọc đường, họ cứ như cái ngoặc níu chàng về quãng đời êm đẹp ngày xưa. Ngũ dỗi mắt về phía xa, vùng đồng ruộng ngoại ô, những nếp nhà mái ngói, tường cây nằm cù mì bên những luống hoa cúc vạn thọ vàng chói trong nắng chiều; con đường cát vàng phơi mình giữa hai cánh lúa xanh rờn, đẹp như giải lụa màu mỡ gà; xa hơn nữa, một khúc sông đào lóng lánh, rung rinh luồn. dưới nhịp cầu gỗ cong veo. Ngũ nhớ nhà xiết kể.

Ngũ rẽ vào con đường ngõ ẩm ướt lượn giữa hai hàng cây me đại lò xoà. Khu chợ lá ở ngã ba đường xóm hầy còn đông như mới họp, Người ta chen lấn, cười nói và cãi nhau inh ỏi. Mùi cá tanh lợm. Tiếng gà vịt kêu oang oác. Lá bánh vương vãi trên đường bùn. Ngũ chợt nhớ lại những phiên chợ tết ở nhà quê. Chàng thấy ngay khung cảnh: những dãy quán tranh xiêu vẹo, những cái chõng tre ọp ẹp đầy ắp hàng hóa không thứ tự, những chùm giải rút bện bằng chỉ ngũ sắc treo lòng thòng, những cậu bé để

tóc trái đào đứng ngay người trước ngôi hàng bán tranh con lợn, con gà, cóc dạy học; trong sự ồn ào tấp nập ấy, thỉnh thoảng lại dội lên một tiếng pháo lẻ làm ai đó giật mình, chu chéo, có khi, chửi rủa. Ngũ mỉm cười.

Ngũ dùng lại trước căn nhà gỗ cao lêu nghêu như cái chuồng chim, trên đầu đôi cột gỗ thấp lè tè ở hai bên hàng rào nửa bao trước cửa để hai cái ống sữa trồng cúc vạn thọ. Ánh đèn dầu trong nhà lù mù, hiu hắt. Một thiếu phụ đứng tuổi đầy đà vừa ở đầu hiện ra, chợt nhìn thấy Ngũ, hất hàm:

– Thầy kiểm ai

Ngũ khẽ gật đầu, nhìn nhanh thiếu phụ. Bà ta béo vuông như một cánh phản, búi tóc ngược, mặc cái áo xanh lè như áo bà đồng, và đi đôi guốc cao gót nhỏ quả khiến hai bàn chân to dần dần như sừng lên. Thiếu phụ đã đứng bên trong hàng dậu, hai tay xiết vào đùi, xéch ống quần lên, nhỏ toẹt bãi nước trâu sang bên cạnh, và nhắc lại:

– Thầy kiểm ai?

Ngũ đặt cái va-li xuống đất:

– Chào bà chủ. Tôi đến thăm vợ chồng anh Huân.

Thiếu phụ nói như buột miệng trong tiếng cười ròn rã làm rung cả người:

– Ố!.. Té ra thầy là thầy Ngũ đó phải hôn? Hèn chi mà thầy cô cứ nhắc tới hoài!

Ngũ mỉm cười. Bà chủ nhà gọi với vào bên trong:

– Cô hai ơi, có khách quý nè!

An ở dưới bếp chạy lên, một tay cầm đôi đũa, reo lớn:

– A! Anh Ngũ!

Ngũ lảng lảng theo An vào nhà. Chàng

nhìn chăm chú vào đôi vai An gầy choắt làm cái áo cánh như rộng thêm ra, và mái tóc lâu ngày không được uốn lại phờ phạc như tóc người vừa ốm dậy. Bất giác, Ngũ khẽ thở dài. Huân ở trên gác xuống, dừng lại lưng chừng cầu thang, mỉm cười thân mật:

– Ăn gì chưa?

Ngũ vúi vào tay vịn lên gác:

– Xong cả rồi.

An đứng dưới nhà, nói vọng lên

– Anh để nhà tôi cất quần áo đi cho.

Ngũ khẽ lắc đầu:

– Tôi đến thăm “hai người” rồi lại đi ngay bây giờ.

Cả hai vợ chồng cùng hỏi:

– Đi đâu? Ở đây chứ còn đi đâu?

An đứng sau lưng Ngũ, khẽ nháy chồng. Huân giựt nhanh cái va-li của Ngũ, chạy biến lên gác, cất vào tủ, khóa nghiêng lại. Ngũ bật cười khẽ, uể oải ngồi xuống chiếc giường ọp ẹp, quần áo ngổn ngang. Chàng nghịch ngợm cầm cái bàn là lia nhanh trên tấm mền:

– Đang là quần áo mặc tết, phải không?

Huân đang trải cái khăn hoa bằng vải nhựa lên mặt bàn mọt, ngừng lên cười, rất buồn:

– Xong rồi!

Ngũ râu rĩ ngắm Huân đang lúi húi bên ngọn nến, tóc xõa xuống gương mặt hốc hác, cái áo thun rách một mảng lớn để hở chỗ cạnh sườn rõ xương. Bất giác, Ngũ chép miệng:

– Bàn thờ đầy hủ?

Huân ngừng lên bờ ngõ, rồi cũng chép miệng khôi hài:

– Bàn thờ đấy!

Ngũ không biết làm gì, lại đứng lên, đi loanh quanh trong căn gác, làm sàn gỗ rung rinh như sắp gãy, để hờ nhiều kẻ, trông rõ cả ánh đèn nhà dưới. Huân vừa xuống thang vừa nói:

– Ngồi dưới nhé, mình xuống bếp phụ với An, làm cỗ.

Ngũ lảng lạng gật đầu, đi chậm rãi ra hiên. Khu chợ lá ở đầu ngõ đã thừa người, trong ánh đèn nhòa nhạt, như những con gì đang cựa quậy trong các áo vá chằng đụp. Cặp vợ chồng trẻ, chồng mặc bộ quần áo tây cũ, có vẻ vừa đi làm về; vợ mặc áo cánh, quần đen, một tay xách cái lẵng mây, một tay quàng qua lưng chồng; họ đi thơ thẩn hết hàng này sang hàng khác, mãi chả mua gì. Tuy không có bằng chứng nào

chính đáng mà Ngũ vẫn cho rằng họ là đôi vợ chồng tư chức nghèo; có lẽ người chồng đã phải châu chực đến gần hết ngày cuối năm mới vay được lương tết, về rủ vợ đi sắm sửa. Bác phu xích lô, đun xe ghêch vào bờ dậu rìa đường, rồi mân mê cái nón, đứng phân vân trước hàng mút kẹo. Ngũ liên tưởng đến căn nhà lá lụp xụp ở hẻm ngõ nào đó, vợ con hắt đang ngồi râu rĩ trên ngưỡng cửa, khẩn thắm cho buổi làm tất niên của hắt được nhiều tiền. Một bà cụ lưng còng như sắp ngã xuống, vừa ở đâu ra, dắt thằng bé độ chừng năm, sáu tuổi, đến trước ngôi hàng bán giày dép trẻ con. Thằng bé mặc quần đùi đen, cởi trần, đứng nép vào bà cụ, tay vuốt vào sâu giày xinh xắn treo trên cột, và nói gì trong nụ cười thơ dại. Ngũ đoán, nó là cháu nội của bà cụ; hoặc nó mồ côi, hoặc bố mẹ nó là dân lao động, rất nghèo; bà cụ thương cháu đã dốc hết số tiền dành dụm mua giày cho nó để nó khỏi tủi thân với con nhà người. Ngũ cho mình có lý, bởi vì chỉ có những người nghèo sơ xác thì mới đi sắm tết vào lúc này, như là bòn một những cái thừa thãi, cặn bã

của thiên hạ. Tự nhiên hai khóe mắt Ngũ rung mạnh. Chàng vừa chợt nghĩ đến một kỷ niệm đau buồn trong quãng đời thơ ấu.

Mười lăm năm về trước. Mẹ Ngũ vừa đoạn tang chồng, mẹ còn trẻ; Ngũ cũng còn bé, mới đang học lớp sơ đẳng.

Buổi chiều ba mươi tết năm ấy, mẹ Ngũ vừa về chợ, Ngũ vừa về học; hai mẹ con dắt nhau ra phố đến một hiệu giày. Mẹ hỏi Ngũ thích đôi nào. Ngũ ngắm nghía và so sánh mãi rồi bằng lòng đôi săng-đan đen, trên hai quai chéo đính hai bông cúc xinh xắn, trắng ngần. Mẹ mỉm cười âu yếm tỏ ý đã đoán trước được sự chọn lựa của con, Ngũ còn nhớ nụ cười ấy đến tận bây giờ, nụ cười của mẹ thương con. Mẹ trả giá rồi giở hầu bao, đếm từng đồng. Không biết bao nhiêu tiền, Ngũ quên mất. Chàng chỉ nhớ, bấy giờ mình không vui mấy, vì thấy mẹ trả tiền đôi giày xong thì trong túi tiền chẳng còn đồng nào. Về nhà, mẹ đặt Ngũ ngồi trên ghế cao, mẹ quỳ dưới đất, đi thử giày cho con,

và nghiêng ghé ngấm nghĩa mãi. Giữa lúc ấy, chợt ngoài cổng có tiếng ai réo róc. Mẹ Ngũ có vẻ lúng túng. Hai mẹ con cùng nhìn nhanh ra ngoài. Một người đàn bà, người đàn bà ấy nếu không già đi thì bây giờ gặp lại Ngũ vẫn còn nhớ, bà chủ nợ của mẹ Ngũ. Bà ta hầm hầm xấn vào nhà, xỉa xói và mắng nhiếc mẹ Ngũ rất thậm tệ. Mẹ Ngũ ngật nghẹo khất nợ. Không biết mẹ nợ những bao nhiêu mà mụ kia cứ nhất định đòi lấy đồ trừ. Mụ chợt nhìn thấy đôi dép mới của Ngũ, bắt mẹ Ngũ phải gán nợ cho bằng được. Ngũ còn nhớ mãi câu nói thiếu não của mẹ:

– Thừa bà, túng bán về nhiều chứ một đôi dép có đáng là bao? Năm hết, tết đến, tôi mua cho cháu nó mừng . . .

Bà chủ nợ vội cong cớn cướp lời:

– Mừng gì!

Bà ta xấn xỏ tháo nghiêng lấy đôi dép của

Ngũ. Mẹ Ngũ hoảng hốt gào lên:

– Con tôi cũng như con bà, sao bà nỡ làm thế?

Bà chủ nợ xô mẹ Ngũ ngã xuống phản, rồi đi nhanh ra cổng. Ngũ tủi thân, khóc bật lên. Mẹ tưởng Ngũ tiếc đôi giày, nên ôm ghì Ngũ vào lòng, dỗ nín. Nhưng thực ra Ngũ đã khóc vì thương mẹ bị người ta xỉ vả, ức hiếp. Hai mẹ con ôm nhau, khóc thút thít. Nhà vắng, không dầu đèn. Hàng xóm đang già giò ăn tết, tiếng chày vang lên chan chát, nghe nhức cả lòng! Mùi bánh chưng ở nhà ai thoảng về ngai ngái... Mẹ Ngũ chợt nhớ, đi thắp đèn, hương lên bàn thờ thầy Ngũ. Mẹ vừa khấn vừa khóc thảm thiết. Cho đến lúc ngoài đường đã không còn ai đi lại, mẹ Ngũ mới dám mở đôi thúng giấu ở góc nhà, lấy ra vài nải chuối, dăm ba quả bòng, mấy nén bánh chưng và ít nhiều đồ nấu lật vật. Cơm canh cúng thầy Ngũ xong thì trời đã khá khuya. Hai mẹ con ngồi ăn thầm trong ánh đèn dầu tù mù, ăn cơm chan với nước mắt. Tuổi trẻ

chóng quên, lát sau, mẹ bế Ngũ đi ngủ; nằm trong chăn ấm lòng mẹ, Ngũ đã quên khuấy sự xảy ra ban chiều, rồi ngủ, ngủ thật say tự bao giờ không biết.

Nửa đêm, tiếng pháo giao thừa ngoài phố nổ khét lẹt, Ngũ giật mình choàng tỉnh, thấy nóng ở má; Ngũ sờ lên mặt mẹ, mẹ đang khóc: thì ra từ chập tối đến giờ mẹ vẫn thức và khóc thầm.

Năm Ngũ mười tám tuổi, mẹ chàng đã gây dựng xong một cơ nghiệp khá vững vàng, cơ nghiệp bằng mồ hôi, nước mắt thì vừa lúc mẹ đã già rồi. Những lần trong câu chuyện vui, mẹ thường bảo Ngũ:

– Sau này, Ngũ đừng lấy vợ con các bà chủ nợ, thất đức lắm. Để mẹ xin cho một cô nào thật là phúc hậu.

Ngũ thở dài, và chợt nghĩ đến bà cụ Lang ở xóm Bàn Cờ, đang mong chàng như mẹ mong

con. Chàng quay vội vào nhà, vừa lúc Huân và An đang lên gác. Huân ngồi nhanh xuống chiếc ghế đầu, trước tấm gương con, chải vội mớ tóc khô như mớ rơm. An mặc xong áo dài, rút khăn mùi xoa buộc tóc gọn về sau gáy, và tươi cười:

– Anh Ngũ ở nhà nhé, chúng tôi ra phố mua cái này.

Ngũ quay về phía Huân:

– Còn mua cái gì nữa?

Huân chỉ gật gù bí mật. An vuốt lại tà áo răn, cười hồn nhiên:

– Hai đứa đi mua hoa đây, may ra còn, chứ tết nhất mà chẳng có ít nhiều màu sắc thì buồn chết.

Ngũ khoa hai tay như phân bua:

– Còn tôi phải đi tắm tất niên mới được. Hai người cho tôi mượn chìa khóa để lấy quần áo thay.

Huân mỉm cười âu yếm với vợ:

– Ủ, em đưa cho anh ấy đi. Bây giờ muộn thế này, còn trốn đi đằng trời!

Hai vợ chồng dắt nhau xuống cầu thang. Ngũ xóc nhẹ chùm chìa khóa trong bàn tay và trở ra ngoài hiên, Huân và An đã ra tới đường ngõ, cùng nhìn lên, vẫy Ngũ. Ngũ lặng lẽ mỉm cười, chàng chợt nhớ lại đôi vợ chồng tư chúc vừa rồi, mà thương Huân và An đến sót sa. Ngũ trở vào nhà đứng do dự trước tủ áo, mãi chàng mới chặc lưỡi, mở khóa.

Ngũ xách va-li, đi như chạy xuống cầu thang. Bà chủ nhà đang nằm lơ đãng trên tấm phản, vùng ngồi dậy:

– Thày không ở đây ăn tết với thầy cô đó sao?

Ngũ vừa đi nhanh ra cửa vừa nói:

– Có chứ ạ! Tôi đi đàng này một lát, rồi trở lại ngay.

Ngũ bước thoăn thoắt trên con đường tro đá lượn giữa hai dãy nhà đóng cửa im im. Ánh đèn vàng vọt thoát qua những kẽ ván, buồn thê thiết. Mùi nhang thơm ngan ngát làm chàng nhớ tiếc cái khung cảnh gia đình xum họp trong đêm trừ tịch. Chàng lại thấy thương bà cụ Lang xiết kể. Có lẽ bây giờ bà cụ đang ngồi âu sầu trước cái rương phủ tờ giấy hồng điều làm bàn thờ, ba nén hương cắm vào cái ống bơ đựng gạo, khuôn mặt răn reo nhòa đi sau làn khói mong manh. Ngũ bước nhanh thêm. Lâu lắm chàng chưa gặp một người. Cuộc đời bà cụ Lang hiển hiện trong tâm trí chàng. Bà cụ gần bảy mươi tuổi, người nhỏ choắt như nhánh cây khô mục, cả đời buôn thúng, bán mẹt; con trai chết, con gái lấy chồng giàu nhưng ở xa và không bao giờ đoái hoài đến mẹ. Bà cụ sống âm thầm trong khu phố xác xơ bên cạnh đường xe

lửa, kiếm ăn lần hồi bằng những buổi chợ, nhật nhạnh từng đồng hào. Ngủ sót sa nghĩ đến cái gánh hàng là vốn liếng, là sinh kế của bà cụ: Đôi thúng đầy mẹt, hàng lô những chai lọ lằng nhằng lít nhít: quả bồ kết, bắc đèn, măng khô... Đạo Ngủ còn làm việc ở đô thành, trọ khu Bàn Cờ, chàng đã đứng hàng giờ để ngắm bà cụ bán hàng. Sáng sớm, bà cụ quấy gánh đến góc hiên ngôi hàng tạp hóa, ngôi nhờ. Việc trước nhất, rút mảnh giấy xi măng cài ở chân quang, căng bốn góc bằng bốn đoạn dây thừng buộc vào bất cứ chỗ nào chung quanh, làm cái mái tùm hum để che nắng; rồi ngồi bó gối giữa đôi thúng, gương mặt đăm chiêu, đôi mắt hom hem nhìn lơ đãng những người qua lại. Lâu lắm mới có người ghé vào hàng bà cụ, mua vài hào bồ kết, đồng bắc đèn, hay vài đồng thuốc đau mắt; mà những khách hàng ấy cũng chỉ là hạng người tiểu tụy, long đong. Những buổi ế hàng, bà cụ chả biết làm gì, lại bới rúm gạo đựng trong nón nhật thóc để riêng vào cái chôn bát; rồi sau đó, xiết vỏ chấu trong lòng bàn tay. Xế chiều, bà cụ buồn rầu lật cái vỉ cói đầy trên mẹt, đếm lại số

tiền bán hàng trong ngày, chỉ có lèo tèo năm ba đồng bạc lẻ, xếp lại, giắt vào hầu bao. Cho đến khi chợ đã hết người, phố xá đã lên đèn, bà cụ mới tháo mảnh giấy xi măng xuống, cài vào chân quang và lồng quang gánh, đi lầm lũi vào ngõ xóm. Thật là một cuộc đời đeo đẳng, lay lắt như ngọn đèn sắp tắt. Đạo ấy, đã thành thường lệ, sáng nào trước khi đi làm Ngũ cũng đem cốc nước chè nóng đặt tận tay bà cụ. Chỉ có thế mà chàng và bà cụ trở nên thân thiết. Sau này Ngũ đi làm xa, bà cụ đã nhớ chàng đến phát khóc.

Ngũ đã ra đến đường nhựa. Đèn đường sáng quá như xối vào tâm óc chàng những tiếng âm vang. Ngũ đang đi cầm cúi trên hè phố, bỗng một dây pháo dài ngoằng từ trên tầng lầu thứ ba thả chùng xuống; gã thanh niên xúng xính trong bộ quần áo ngủ sặc sỡ, cầm nén hương, lách cửa, bước ra. Tràng pháo nổ thét lẹt. Tiếng nổ ganh đua nhau, truyền từ đầu phố xuống cuối phố và lan đi khắp đô thành. Xác giấy hồng vang văng tung toé trong ánh đèn như hoa rơi

tới tấp trong gió cuốn. Mùi thuốc pháo khét lẹt. Ngũ bàng hoàng, liếc nhanh đồng hồ. Giao thừa rồi. Chỉ còn một mình Ngũ ngoài đường. Chàng đi hoang mang trong những chuỗi dài tiếng nổ ròn rã, những xác pháo tung bay tơi bời, khói trắng miên man. Hình dáng Ngũ mờ đi và xiêu vẹo như cái bóng chập chờn. Chàng nghĩ thầm: mình đã đón giao thừa giữa đường thì không biết cuộc đời năm nay sẽ ra sao?

LAN ĐÌNH

TÌNH YÊU, TÌNH BẠN, MÙA XUÂN

I

Chiều nào buồn hơn nữa em

Tia lửa cuối cùng

Đôi mắt nhá nhem

Chiều nào buồn hơn nữa em

Bắc thổi lạnh lùng

Xao xuyến mái hiên

Anh không em đi ra giữa cánh đồng

184 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Gió chiều lướt trên ngọn cỏ

Bóng tối ồ ạt đuổi theo chân

Ngước mắt tìm chuyến tàu xuân

Bao giờ em về em nhỉ?

Lá non mơ nhún nhảy trên cành

Đã bao lần anh thầm tự hỏi

Tình yêu tình bạn mùa xuân

Mai một em về sao nhớ nhung?

II

Em nhớ không nếu không mặt trời,

Trái đất mang hình hài địa ngục

Nước tách nguồn mất hút giữa trùng dương

Ngày vắng vặc ánh sao đêm

Sương khuya rơi mãi mãi

Nếu không em nếu không nụ cười

Làm sao cúi đầu cho một chuỗi hôn?

Làm sao ngẩng mặt tìm nơi hò hẹn?

Tâm sự cuốn tròn trong trái tim

Như gói cốm dẹp nằm giữa lòng tay đẹp

Biết ai tri âm mà trao gửi hờ em?

Như hạt mầm sắp thui

Lỡ sinh trên đất hoang cần cỗi...

III

Bởi vậy anh van em

186 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Lần thứ nhất của tuổi hai mươi

Anh van em trở về

Anh hiến thân làm hộ vệ cho em

Giang đôi cánh tay Vạn lý trường thành

Chặn đứng làn sóng người điên đại

Mười ngón tay bằng mười lớp rào

Mười ngón tay dựng mười cổng chào

Trên con đường chông gai hiểm trở

Từng giờ từng phút thấp thỏm đợi em

Dù thân thể nhúc nhối ê chề

Anh đứng mãi góc phố chờ người bạn

Anh đứng mãi cuối đường đón người yêu

Em thừa biết kiếp sống dài lâu bao nhiêu

Không gian thì mệnh mông vô tận

Thần thời gian thoăn thoắt bay đi

Trước hay sau

Nhanh hay chậm

Dù thương nhau yêu nhau đắm say

Dù quăn quít như hoa lá trời mây

Dù đam mê tự do hơn chim rừng cá biển

Anh và cuộc đời (tình yêu tình bạn)

Thuận hòa cho mấy cũng chia tay.

IV

Một lần nữa anh van em trở lại

188 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Anh sẽ đưa em đi thăm nhân loại

Dừng chân từng ngưỡng cửa

Bắt tay từng mặt người

Sung sướng đến ngào nghen

Lời chào không hổ thẹn

Lời chào không đắn đo

Rắc gieo đầy nụ cười

Hạnh phúc hòa ánh sáng

Hạnh phúc hòa nước Cửu Long Đồng Nai

Chảy tràn vào đáy mắt

Ngập lụt từng thớ thịt trái tim

Những cô gái không dám nhìn thẳng cuộc đời

Cắm đầu viết thư chối từ nghĩa sống

Sau một đêm lao mình vào ác mộng

Bỗng choàng dậy kinh hoàng

Vẻ mặt còn ngái ngủ

Lòng nghi ngại hoang mang

Đôi mắt lệ mờ hoen dần hé mở

Then gài cổng tháo rời

Bóng thần chết hốt hoảng

Người chưa chết mạnh dạn đứng lên

Mười ngón tay khô gầy sờ soạng

Đón em

Nắm lấy em

190 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Nghe chim vành khuyên kể lễ chuyện tình
duyên

Bên khung cửa sổ

Mặt trời thức giấc ngã mình trên bãi cỏ

Vạn triệu bàn tay vun bón tình yêu

Gió mới reo vui

Nắng mới lên tươi như màu áo cưới

Một thứ kỳ hoa vừa nở ngát thơm

V

Em biết không

Anh sống giữa thành phố điêu tàn

Em phải về giúp anh dựng lại

Anh hì hà hì hục

Tay phải mang gạch ngói

Tay trái mang tình thương

Em đỡ ván cầm đinh

Nhà cất xong em bảo anh trồng hoa

Anh vạng lời không cần suy nghĩ

Anh nai lưng san bằng đồn lũy

Mỗi mô đất, mỗi chiến hào

Mỗi khu phố anh tạo một công viên

Có cây xanh khoe lá biếc

Có bướm trắng bốn hoa hương

Trẻ con đùa nghịch quanh vòi nước

Tia nước rung rinh mềm dịu

Em bảo anh còn thiếu

Anh ngỡ ngác (thật tình anh chưa hiểu)

Em khẽ vung tay: vườn rợp cánh bồ câu

Anh trở mắt nhìn sung sướng xiết bao

Đời ngắm bằng đôi mắt màu da trời

Đời trang điểm bằng nụ cười duyên dáng.

VI

Em biết không

Anh quyết sống bằng trọn vẹn đời anh

Giữa niềm hoan hỉ, giữa mối cảm tình

Giữa thành kiến tỵ hiềm thù ghét

Ai thù ghét anh thử hỏi em có biết

Anh tin chắc họ không phải là em

Mặt họ người, lòng họ quỷ quái

Tay họ mang đầy bóng tối

Em biết không anh chưa dám nặng lời

Dù để trách mắng trẻ con hư hỏng

Hay nói với một thế giới thấp hơn

(Con chó con mèo

Con bò con ngựa)

Anh vừa bảo em

Anh quyết sống bằng trọn vẹn đời anh

Từ đôi ba cảm giác an toàn

Qua trăm nghìn nỗi lo âu thắc mắc

Từ những làng mạc hiền lành

Xóm nhỏ dọc bờ Tiền Giang Hậu Giang

Mơ màng sông Hương đất Thừa Thiên

Qua thị thành đau xót biên giới đóng cửa

Rào gai trói chặt tâm hồn

(Nhu Poznan nhu Nicosie

Từ Budapest qua Algérie...)

Tình cảm con người chưa sứt mẻ

Ý muốn giải phóng nấu nung bàn chân nô lệ

Anh quyết sống ngoài lớp tuổi thanh xuân

Cố nhiên là vẫn nhớ đến em

Muốn nói tiếng nói ấm áp rất quen

Muốn nhìn cái nhìn thôi miên ngây ngất

Làm tiếng dội lời em ca em hát

Để tìm lại bè bạn lạc đường

Để nâng đỡ bước chân vấp ngã

Nối tiếp cho nhau nhiều thêm nhiều thêm hơi
thở

Để cùng đòi lại xứ sở quê hương

Tia sáng khóe mắt mài kim

Mạch máu về tim se chỉ

Máu nước mắt hòa nhau thủ thi

Tay cầm tay khâu vá vết thương

Vẫn biết đời có thể chán chường xấu xa

Đời có thể toàn hoa thơm trái ngọt

196 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

(Tùy em tùy anh tùy bè bạn chúng ta)

Anh quyết sống ra người nên người

Chưa liều lĩnh nhưng không hời hợt

Sớm mai thanh bình xế chiều bão táp

Buổi trưa đói khát buổi tối no nê

Trận cười không dứt tiếng khóc mưa rào

Giữa hạt mưa lóc lên vài đóm lửa

Nóng nung rét buốt cay đắng ngọt ngào

Suối nước trắng phau hay ngẫu đục

Con đường đất quanh co lầy lội

Con đường trải đá rộng thênh thang

Người xa về nét mặt hân hoan

Người gần đi mắt đắm chiều nghĩ ngợi

Bầy trâu bước nặng nề lầm lũi

Mục đồng nhịp hát nghêu ngao

Trên đường sắt chuyến tàu điện chạy

Toa ba chứa đầy hành khách

Toa nhất thừa thớt bóng người

Rừng im hơi suốt đêm dấy loạn

Người săn mồi chưa biết mồi đang rình

Rừng vui nhộn nhìn nai vàng nhẩy múa

Rừng êm ả nghe chim hót líu lo

Rừng vắng chim như đồng quê vắng bướm

Đời vô duyên không nhạc không thơ

198 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Như biển lặng sóng như sông vắng thuyền

Mùa xuân thiếu én như anh thiếu em

Cây trụi lá đột chết héo trên cành non

Như bếp lửa không than không khói

Anh đang sống hẹn sẽ còn sống mãi

Có gì than thở có gì buồn tủi hờ em?

Dù chưa được như sao hôm sao mai

Lúc mờ lúc tỏ lúc hồi sinh

Dù chưa được như khối nước lòng sông

Có lớn có ròng ra khơi còn trở lại

Tuy chưa bằng trái đất hay một tùy tinh

Cũng quay quanh mặt trời

Hết ngày đến đêm quá khuya lại sáng

Mùa xuân làm trẻ trung tình yêu tình bạn

Hoàng hôn làm dấu báo hiệu bình minh.

VII

Anh đã trao em tất cả tâm tình

Còn đây những lời chân thành sau chót

Hy vọng rót tràn trề vào chén ngọc

Sao em chưa về uống một chút rượu ngon?

Để mừng nhân loại nên đôi nên bạn

Không chỉ bấy nhiêu buổi mưa dầm nắng ráo

Thế giới mai sau gồm đủ bốn mùa

Còn bốn kỳ hoa: lan cúc sen mai

Anh muốn nhìn trăng sao không cảm thấy lẻ loi

Anh muốn nhìn đời bằng đôi mắt bồ câu

Anh muốn nghe tình đời náo nức tình vui

Khối ảo ảnh chìm sâu trong dĩ vãng

Anh thèm khát (vì sao chưa thỏa mãn?)

Hạnh phúc hòa nước Cửu Long Đồng Nai

Trái đất sống một ngày rất dài rất sáng

Trái tim không bao giờ khô cạn yêu thương

Anh cần gặp em dù em ở nơi đâu

Anh có mặt khắp đầu ghềnh cuối bãi

Vàng trán trời cao đáy mắt biển sâu

Anh đón em dù phải đợi đến bao lâu

Từ trong lòng đời ra ngoài cửa mộng

Anh phá vỡ lao tù tuyệt vọng

Nắm chặt niềm tin mãi ngóng trông em

HOÀNG BẢO VIỆT

ĐẰNG SAU

NGUYỄN SA

NHỮN G người văn nghệ bao giờ cũng sống trong tình cảm thích thú khi tác phẩm sáng tạo được thể hiện. Họ thường lấy làm bằng lòng. Tôi nghĩ như thế. Tôi đoán chắc rằng người thi sĩ nào cũng thích ngồi chép lại tác phẩm vừa hoàn tất. Có khi ở phòng riêng. Có khi ở giảng đường, thư viện. Nhưng thế nào họ cũng phải ngồi đấy để bày biện những dòng chữ trang trọng lên một tờ giấy mới. Nhìn những dòng chữ đoạn nghiêm ấy tôi thường tưởng nghĩ đến hình ảnh một người con trai sắp lập gia đình lo toan kê dọn, trang hoàng gian buồng ngủ. Có khi tôi nghĩ đến người con

gái dậy thì thêu tên người yêu lên mảnh khăn tay trắng. Tất nhiên có người không chép lại tác phẩm mình một cách trang trọng bao giờ. Anh xé một tờ giấy nào đó. Có thể là trang giấy học trò. Anh ném lên đấy những dòng chữ vội vã, nhanh thoáng gần như phóng túng, bừa bãi. Nhưng trong sự phóng túng, bừa bãi ấy tôi nhìn thấy ngay một vẻ dàn xếp, giả tạo. Sự phóng túng lựa chọn trong nét chữ nhằm mục tiêu rõ rệt: làm cho bài thơ « thơ hơn ». Sự bừa bãi, phóng túng ấy nguy trang.

Nhưng ở những dòng chữ, dù đoan nghiêm, dù bừa bãi lựa chọn, bao giờ một ý nghĩa cũng được toát lộ, đập vào mắt tôi như ánh sáng của một vì sao: sự bằng lòng của người văn nghệ.

Sự bằng lòng trước tác phẩm thể hiện có thể phát lộ dưới thiên hình vạn trạng. Có người uống một cốc Whisky ngon. Người khác chọn một tách cà phê đặc, một chiếc máy chữ. Tôi thường châm lên một điếu thuốc lá và ngâm ngời nhiều phút nhiều giây. Người họa

sĩ ở cách nhà tôi hai quãng đường không ngâm ngợi trước tác phẩm hội họa. Hẳn không hút thuốc, uống rượu hay cà phê. Nhưng hẳn vội vã tháo cởi bức tranh cũ ra khỏi thân gỗ mà lồng vội vào đấy khuôn vải mới còn chất nặng và thơm phức những nét vẽ, đường sơn. Xong xuôi hẳn treo bức tranh lên tường, ở một chỗ chọn lọc. Rồi hẳn ngồi, cũng ở một chỗ chọn lọc, sau khi mở to cánh cửa sổ, mà ngắm, mà nhìn. Hẳn ngồi nhìn như thế mà gật gù cái đầu đằng trước mặt bức tranh.

Ở cái đầu gật gù ấy tôi cũng nhìn thấy sự bằng lòng, thích thú. ở hẳn cũng như ở bất cứ người văn nghệ nào tôi cũng nhìn thấy sự viên mãn lồ lộ trước tác phẩm hoàn tất, thể hiện trọn vẹn, tràn đầy.

* * *

Một người bạn văn bảo tôi rằng chỉ khi viết là thích thú. « Viết xong chán ngay ». Anh nói như thế. Tôi nghĩ rằng anh đã thành thật nhưng

ý tưởng đến từ một nhận định vội vàng. Tác phẩm hoàn tất không thể tức khắc đưa tới chán chường. Tôi đồng ý rằng có những bản văn, bài thơ, bức họa ngay khi được thể hiện không hề đem lại cho người văn nghệ một sự bằng lòng nhỏ bé nào cả. Khi phải viết vội một bài văn cho số báo ra kịp ngày tôi đã sống trong một tình cảm ân hận, hối tiếc. Bản văn, dưới mắt tôi, thường mang hình ảnh của một đứa con bị ruồng bỏ, ghẻ lạnh. Thường thì mỗi khi số báo được in xong tôi vẫn đem đến biếu những người bạn thân thiết không làm văn nghệ nhưng yêu mến văn nghệ. Nhưng với những số báo chứa đựng những tác phẩm vội vã tôi vẫn ngần ngại. Và tôi nghĩ rằng người hội họa vẽ vội cho đủ số tranh tối thiểu để kịp ngày triển lãm cũng sống trong niềm tội lỗi tương tự. Tác phẩm cầu thả tất nhiên không thể đưa đến viên mãn được.

Nhưng đây là những trường hợp riêng rẽ, lẻ loi. Những tác phẩm được thể hiện không đúng ngày đúng tháng ấy không phải là những tác phẩm duy nhất của cuộc đời sáng tạo.

Chúng chỉ là những cuộc trác táng bất thường của tinh thần. Ở đây, tôi muốn nói đến những tác phẩm đã được nung nấu trong thời gian. Phải, những tác phẩm đã được dưỡng nuôi bằng chiều sâu của những đêm thao thức, về bùng cháy của tâm hồn bao giờ cũng được đón nhận trên những ngón tay cứng chiều, yêu mến. Nói đến tình yêu mến này tôi nghĩ đến những người văn nghệ cúi đầu kiên nhẫn sửa lại từng lỗi in nhỏ mà ẩn công để quên trên tờ giấy in thử lần đầu. Có người sửa hai, ba lần. Có người sửa đến bốn, năm lần mà còn sống trong e ngại. Năm ngoái những công việc của cuộc đời không cho phép tôi về kịp để nhìn bản văn của mình trước khi máy lên khuôn. Lúc về thì máy đang chạy. Tôi đã phải đòi máy dừng lại để sửa một dòng chữ in sai. Ẩn công ngần ngại. Ông chủ nhà in nói về sự phức tạp kỹ thuật nếu máy in dừng lại. Đặng Lê Kim ngần ngại, Mai Thảo cũng tỏ ý lo âu số báo Xuân sẽ không ra được kịp ngày. Và tôi phải dùng biện pháp mạnh: làm mặt giận. Sau cùng mọi người chiều ý tôi nhưng những cặp mắt ấy

đã nhìn tôi như một đứa trẻ con khó tính. Tôi chắc rằng người thợ in sẽ nghĩ ngợi: bọn văn nghệ gàn thật. Nhưng với tôi, lúc ấy chỉ có một ý nghĩ: nhất định phải sửa lại lỗi in này. In sai như thế câu văn sẽ mất nghĩa. Bài văn sẽ không ra bài văn nữa. Tác phẩm ấy không còn đúng là tác phẩm của tôi. Người đọc sẽ hiểu khác đi. Họ không bắt gặp điều mà tôi muốn gửi tới họ. Họ sẽ hiểu nhầm tôi. Tôi sẽ bị biến thể dưới mắt họ. Tôi không còn là tôi nữa bởi vì nó, tác phẩm ấy, không còn đúng là tác-phẩm-tôi. Nó không còn là tôi nữa.

* * *

Nhưng tình cảm mến yêu mà mỗi người văn nghệ dành dùm để bao bọc lấy tác phẩm của mình sớm muộn cũng tan biến. Vải lụa che phủ cơ thể đứa con trau chút sẽ mòn, rách. Sự viên mãn sẽ tàn lụi. Tôi không nói về những tác phẩm thời niên thiếu mà người văn nghệ giấu kín trong lòng riêng vì nét vụng dại rõ ràng. Tôi muốn đề cập đến những bài thơ đăng trong

số báo tháng trước, quyển sách mới phát hành; phòng triển lãm cuối mùa xuân năm ngoái. Tờ báo in xong, quyển sách gửi tặng, phòng tranh bế mạc, người văn nghệ liền thấy chán tác phẩm của mình. Sự thích thú hôm qua vụt đi mất. Nó đi thế nào? Bằng cánh vôi vã của chim trời? Bằng ngón chân người đàn bà bạc tình? Không biết. Nhưng chắc rằng nó không còn ở đấy, ở trong cặp mắt nhìn bức tranh, nhìn cuốn sách, tờ báo ấy nữa.

Có người bạn văn chất chứa ở gian phòng ngủ của anh nhiều sách và báo, từng chồng. Những cuốn sách của anh không có một chỗ đứng nào trong tủ sách. Những bức tranh của người hội họa bị đày ải vào một lãnh cung. Có thể là góc bếp, góc buồng nghĩa là những khoảng không gian xấu số. Cả tấm khung gỗ bức tranh cũ cũng phải cởi bỏ, nhường lại vì khung gỗ còn có một ích lợi thực tiễn. Tóm lại tác phẩm hiện lên trước mắt người văn nghệ với bóng dáng của một người tình nhân cũ. Mỗi đường nét quả quen thuộc của khuôn mặt, của

cơ thể đột nhiên thành quê kệch, vụng về. Tình cảm chán chường ấy càng rõ rệt hơn nữa khi người văn nghệ nói. Hỏi họ về một tác phẩm cũ, một bức tranh hay một bài thơ ta thường được nghe những câu trả lời gạt đi: « vẽ đã ba năm rồi », « làm đã lâu rồi », « viết từ mấy năm nay ».

Nhưng tại sao họ lại trả lời như thế? Tại sao lại phải nhấn mạnh. « viết đã lâu », « vẽ đã lâu rồi »? Tại sao khi nhìn lại đằng sau sự chán nản lại xâm chiếm người văn nghệ? Tác phẩm ấy, trước đây, tôi đã ngồi trong đêm khuya để thể hiện. Tôi đã nghĩ trong day rút: phải viết bằng được. Tôi là tác phẩm sắp được thể hiện đó. Không làm xong, tôi không còn là tôi nữa¹. Tác phẩm, trong giờ phút sáng tạo, là hào quang, là ánh sáng. Bấy giờ có nó rồi đấy. Nhìn lại đằng sau bóng tối xâm nhập lấy tôi. Tại sao?

Tất nhiên sự chán chường, ghẻ lạnh trước tác phẩm cũ không có tính cách liên tục. Thoảng

¹ Xem «Sự cô độc thiết yếu » - Sáng Tạo số 20, tháng 5-1958.

có lúc người văn nghệ lại cảm thấy mến yêu. Người họa sĩ gặp người yêu tranh « có mắt hội họa » nhắc nhở đến đường nét, màu sắc của một tác phẩm bán đứt từ lâu chắc hẳn sẽ bằng lòng. Người làm thơ bắt gặp một người con gái lạ mặt đọc một bài thơ xa cũ hoặc nắn nót thơ mình trên cuốn vở học trò sẽ sung sướng vô cùng. Tôi lại đột nhiên yêu mến tác phẩm của tôi. Tôi lại đột nhiên tìm thấy tôi và tài năng tôi. Nhưng tôi chỉ tìm thấy tác phẩm ấy với vẻ sống động của nó trong mắt người khác. Tôi chỉ tìm thấy tôi ở trong mắt người khác. Còn ngồi đây, một mình, tôi nhìn lại tác phẩm ở đằng sau, sự chán nản, bóng tối vẫn ở đấy. Tại sao?

* * *

Có người giản dị sẽ trả lời với lòng mình: bởi thời gian đã trôi qua làm cho những tác phẩm mới mẻ ấy cũ đi. Và có lẽ cũng bởi vì người văn nghệ đã làm được những tác phẩm mới xúc tích hơn, hay hơn cho nên « có mới nới cũ ». Yếu tố thời gian tôi chắc là có một ảnh

hưởng thật mạnh mẽ đến tình cảm chán nản, không mãn nguyện khi nhìn lại đằng sau. Yếu tố tiến bộ cũng có thể có được. Nhưng tất cả vấn đề không phải chỉ có thế.

Sự « chán tác phẩm cũ » này có một nguồn gốc thật sâu xa. Nó là dấu hiệu của một sự lo âu thôi thúc, mãnh liệt. Khi người họa sĩ nói « vẽ từ ba năm » người nhà văn, nhà thơ nói « viết đã hai năm rồi », « từ mấy tháng » những người văn nghệ ấy muốn nói: bây giờ tôi không sáng tác hoàn toàn như thế. Sự sáng tạo của tôi, tác phẩm ngày hôm nay khác nhiều. Như thế nghĩa là tác phẩm hôm qua không hoàn toàn là tôi nữa. Nó không phản ánh trung thành cái tôi hiện tại nữa. Nó không phải là tôi. Giữa tôi và tác phẩm ở đằng sau ấy có một khoảng ngăn cách. Có thể là chân không. Có thể là hư vô. Nhưng nhất định có một khoảng ngăn cách. Tác phẩm, trước đây, tôi cho rằng nó đúng là tôi; bây giờ nó không đúng là tôi nữa. Như vậy một sự kiện rõ rệt hiện ra trước mặt tôi: Tôi không còn là cái mà tôi đã là nữa. Giữa tôi và

tôi một khoảng chân không đã xen vào. Sự lo âu thối thúc toát ra từ chỗ chia cắt ấy rồi vụt lên như gió lốc trong không gian, nước xoáy ở biển khơi. Tất nhiên tôi vẫn xác nhận với người đời và với tôi rằng tác phẩm ấy là tác phẩm của tôi. Nhưng khi nhận rằng tác phẩm của tôi sự lo âu lại xen lẫn rõ rệt hơn nữa. Tác phẩm mà trước đây tôi say sưa, yêu mến. Tôi đã khoe bạn bè để người ta nhìn thấy tôi, tôi đã chữa bản thảo để người ta đừng nhìn nhầm tôi bởi vì tác phẩm ấy là tôi. Bây giờ nó chỉ còn là tác phẩm của tôi. Nó là của tôi tức là tôi còn là một cái gì khác tác phẩm ấy. Tất một lời: tác phẩm ấy không còn là tôi nữa bởi vì tôi đã ý thức được rằng nó là của tôi, tôi đã ý thức được về nó như một đối tượng.

Tôi vẫn ý thức được về sự hiện hữu của cái bàn ở trước mặt tôi, đám mây ở chân trời mà tôi không lo âu bởi vì những sự kiện ấy luôn luôn là đối tượng, là cái mà ý thức tôi hướng về đó. Tác phẩm của tôi trước đây là tôi, bây giờ chỉ còn là tác phẩm của tôi. Nó không còn là

tôi nữa. Vậy thì tôi lo âu chính vì tôi không còn là cái mà tôi đã là nữa.

* * *

Và sự lo âu, nguồn gốc sâu xa của tình cảm chán nản khi tôi nhìn lại đằng sau, nhìn lại tác phẩm không phải là dấu hiệu của đồ vỡ. Trái lại. Tôi nhớ lời một nhà văn già nói với tôi khi tôi đưa đến cho anh xem những tác phẩm đầu tay: « Phải biết chán ghét, ruồng rẫy tác phẩm của mình mới viết cái mới được. » Nhà văn đã nói lên một kinh nghiệm. Thô sơ nhưng không sai nhầm. Chán ghét tác phẩm của mình không phải là phương pháp giả tạo kịch cớm để tỏ ra mình tài giỏi. Người văn nghệ không mãi nguyện thật sự về tác phẩm cũ của mình sống trong một niềm im lặng. Bởi vì thái độ không bằng lòng về tác phẩm cũ là thái độ đối lập với sự hãnh tiến. Người phô bày ồn ào sự khinh ghét của mình với tác phẩm cũ là người muốn nói to cho người khác rõ: bây giờ tôi giỏi hơn. Hẳn là sự hãnh tiến hiện hình. Nhà văn già tất

nhiên muốn nói đến người văn nghệ không
mãn nguyện về tác phẩm của mình một cách
thành thật. Tôi cũng chỉ bàn đến người lo âu
thật sự. Trong niềm lo âu ấy chỉ có hẩn và hẩn.
Chỉ có tôi và tôi. Chỉ có người văn nghệ buồn
chán, không mãn nguyện khi nhìn về đằng sau
bởi vì không tìm thấy mình. Cho nên phải đi
tìm mình ở một chỗ khác. Ở đằng trước mặt.
Tôi là tác phẩm sắp được thể hiện bây giờ chứ
không phải tác phẩm ở đằng sau ấy. Rồi thì tác
phẩm hôm nay cũng lại sẽ lùi về đằng sau. Sự lo
âu thôi thúc lại đưa đến sự buồn chán, không
mãn nguyện. Tôi lại phải nhìn về trước mặt: có
một ngọn đèn, điều thuốc, thân bút và tờ giấy
trắng.

Sự sáng tạo như vậy, mặc hình ảnh một
dòng sông chảy đến vô cùng.

NGUYỄN SA

(trích Nhận định hiện tượng luận về Sự Sáng
Tạo)

NHỮNG HẠT BA-DẶNG CỦA NIÊM

MAI TRUNG TĨNH

CUỐI năm 46, vì hoàn cảnh gia đình, Hiền phải ra làm con nuôi một người bác họ ngoài Đông Triều. Ngày bỏ Hà Nội, mấy em Hiền nhìn Hiền mà khóc. Thấy mẹ Hiền không muốn có mặt ở nhà trong lúc tiễn chân con. Người bác của Hiền là một ông chủ sự bưu điện địa hạt đó từ hồi Nhật chưa đảo chính Pháp. Một tháng trước, bác gái của Hiền qua Hà Nội chơi thấy hoàn cảnh của thầy mẹ Hiền, đồng thời hai bác lại không có con giai, nên bác gái ngỏ ý xin thầy mẹ Hiền cho Hiền làm con nuôi.

Ở chưa được một tháng, nỗi nhớ nhà hãy còn ám ảnh Hiền thì một buổi chiều vào lúc cả huyện Đông Triều vừa lên đèn bác Hiền được tin Hà Nội nổ súng chống Pháp. Và bác đã gọi Hiền đến mà bảo:

– Bây giờ thì cháu không thể về Hà Nội với thầy mẹ cháu được nữa. Người ta bắt đầu tấn công Pháp. Ở Hà Nội bây giờ đang có loạn thì cháu cứ yên trí ở đây với hai bác, khu này dù sao cũng còn khó khăn Pháp mới tới được. Cháu cũng đừng buồn. Bác sẽ bảo chị Niêm dạy cháu học thêm.

Hiền bỏ ra ngoài cửa, đứng nhìn về phía xa có mấy đám lửa đốt trên đỉnh núi mạn Bắc. Hiền đứng tựa vào cánh cửa nghe mắt mình cay cay muốn khóc. Hiền tưởng tượng đám lửa lập lòe đằng chân trời kia như lửa của Hà Nội trong đó gia đình Hiền đang là những nạn nhân.

Từ buổi đó, Hiền chắc rằng mình sẽ khó

có ngày gặp lại thầy mẹ. Luật của chiến tranh là tàn sát, chia ly, chết chóc và thê thảm. Con người đã đau khổ trong chiến tranh chắc chắn cũng đã lớn lên trong chiến tranh. Lịch sử nhân loại có được cũng là do ở những trận tương tranh kéo dài nhiều năm không thềm kể. Và mối buồn của Hiền cũng theo ngày tháng mà qua đi, Hiền sống với người con gái tên Niêm, hai người đã coi nhau như ruột thịt. Hai bác của Hiền chỉ có ba người con. Hai người chị đã lấy chồng. Vợ chồng người chị cả hiện ở Nam Định. Còn người chị thứ về ở với bố mẹ chồng ở Sơn Tây từ ngày được tin chồng mất tích trên Yên Bái trong một cuộc chạm súng giữa các đảng phái. Niêm là con út, nàng được mười bảy tuổi, hơn Hiền ba tuổi.

Nhà bưu điện xây trên sườn một ngọn núi trông xuống mặt lộ. Ngay cửa có thêm xuống đường bằng xi măng. Đằng sau nhà là một dãy cây ba-dăng. Nhìn lên cao nữa là cánh cổng Quân y viện, Phía tay trái là Đồn Cao nằm chót vót trên đỉnh núi, có đường vòng cho xe chạy

men theo sườn. Dưới chân núi là một bãi cỏ hoang rộng lớn. Vì ở miền núi nên buổi sáng thường có sương lạnh. Tuy vậy Hiền dậy rất sớm và hay đứng bên dãy xương rồng trước cửa sổ ngó xuống lộ. Từng đoàn người từ mạn Đông Khê đi lên. Họ tới chợ cách đó chừng một cây số đường. Buổi chiều Hiền thường ra sau nhà nhặt những hạt ba-dăng về cho Niêm. Niêm thích chơi thứ hạt này. Buổi tối Niêm dạy Hiền học và hát. Ngay từ hồi Việt Minh khởi nghĩa, Niêm đã có cái thú chép nhạc vào một quyển vở dày khổ lớn. Đến lúc Hiền ra tới ngoài này thì quyển nhạc của Niêm đã không còn một trang trắng. Chữ Niêm rất đẹp và bay bướm. Giọng Niêm ca thì trong và cao. Niêm có ca cho Hiền nghe những đêm trên Đồn Cao có cuộc vui, họ vẫn mời Niêm lên hát. Những khi trở về nửa đêm trời rất lạnh mà Niêm thì vui thích vô cùng. Hiền có hỏi tại sao Niêm lại thích hát cho họ nghe ở trên ấy thì Niêm khẽ mỉm cười bảo nàng thích được nghe những tiếng vỗ tay ca tụng và những đôi mắt nhìn cảm mến của mọi người. Hiền bắt đầu không

muốn Niêm kể thêm về những đêm giúp vui của nàng giữa những người bộ đội mặc áo trấn thủ. Nhiều đêm sực thức giấc vào nửa khuya, lắng nghe tiếng đại bác ì ầm vọng về từ mạn núi Đèo và nghe tiếng xe hơi chạy bằng than chở nặng nề đạn dược từ Đồn Cao đi xuống, Hiền muốn chạy sang buồng Niêm đánh thức nàng dậy cùng nghe. Nhưng rồi Hiền lại chỉ nằm trong giường và nghe lấy một mình. Anh bỗng khóc. Hiền hiểu rằng thấy mẹ sinh anh trong lúc nghèo khổ bệnh tật và anh đang lớn lên trong thời tao loạn. Hiền chợt nghĩ đến tương lai cuộc đời mình. Hiền úp mặt xuống gối khóc nhỏ rồi lại thiếp đi lúc nào không hay.

Mùa xuân năm đó, chiến dịch vẫn chưa lan tới vùng này, nhưng bộ đội kéo về có vẻ đông hơn. Để qua thì giờ, hai bác Hiền xuất ít vốn cho Niêm mở một quán ăn dưới phố. Niêm thuê một căn nhà ngay mặt đường mỗi tháng hai trăm. Niêm làm bánh tôm, bánh rán và vài thứ bánh ngọt. Hiền xuống giúp Niêm trông coi cửa hàng. Bác gái thì chạy đi chạy về.

Trong thời kỳ này, Hiền ngẫu quen với một viên Tiểu đoàn trưởng. Hắn đến ăn bánh tôm vào buổi sáng tại cửa hàng. Hắn hay nhìn Niêm đang khom mình rán những chiếc bánh ở phía trong. Niêm mảnh khảnh nhưng rất duyên dáng. Mặt Niêm lúc nào cũng như mang một mối buồn phảng phất xa vời. Hiền bắt đầu không thích cái nhìn của hắn. Một hôm Hiền đem chuyện ấy nói với Niêm, nàng chỉ im lặng không trả lời mà cũng không có gì thay đổi trên nét mặt. Anh khó chịu vì cái tính ít biểu lộ của Niêm. Hiền để ý không ngày nào là không có mặt hắn ở cửa hàng. Hắn đến từ bảy giờ rưỡi đến chín giờ mới chịu đứng lên ra về. Niêm thì vẫn ngồi ở trong nào có biết gì. Một buổi chiều, Hiền lang thang lên Quân y viện xem họ đánh bóng rổ thì gặp viên Tiểu đoàn trưởng. Hắn rủ Hiền xuống phố. Hiền được biết bản tên Viện. Hắn chỉ huy bộ đội ở đây.

Trông hắn Hiền biết ngay hắn là người nhiều kinh nghiệm và đầy đặn sương gió. Mặt hắn đen sạm, đôi mắt sáng và sắc, hai cánh tay

rắn khỏe và có một hai vết sẹo. Hấn rủ Hiền đi ăn ở ngoài chợ và dò hỏi tên Niêm. Hiền muốn bỏ hấn ở lại, trở về một mình. Hiền nhất định không nói tên Niêm và tự nhiên Hiền thương hại Niêm. Buổi tối hôm ấy, ngồi đối diện Niêm đang đan dở chiếc áo len màu đỏ, Hiền cứ định nói cho Niêm nghe câu chuyện buổi chiều nhưng rồi mấy lần sắp nói, Hiền lại như bị một cái gì chặn lại. Hiền thì thấy Niêm ngây thơ dịu dàng vô cùng. Hiền muốn nghe Niêm hát để phá tan cái không khí lạnh lẽo, căm nín này. Và Hiền đã bảo Niêm hát cho Hiền nghe. Niêm hát bài « Chiến sĩ mùa đông ». Đêm khuya vào giường, Hiền muốn mình được làm chiến sĩ giữa mùa đông có gió thổi lạnh lùng và sẽ có một chiếc áo len người ta gửi lên từ hậu tuyến.

Hôm sau, Hiền gặp Viện đi từ trên Đồn Cao xuống. Hấn có một chiếc xe Jeep đặc biệt dành riêng. Hấn ngồi bên cạnh viên tài xế mặc quân phục. Hấn quán chiếc chăn bông ngang người. Thấy Hiền đang vờ vẩn dưới phố, Viện gọi anh lại rồi rủ đi lên công binh xưởng Chí

Linh mạn Phả Lại lấy thêm đạn dược. Hiền thấy hấn ra chiều quý mến Hiền như em thì cũng tỏ vẻ vui mừng mặc dầu đôi lúc nghĩ lại, Hiền vẫn thấy ghét hấn. Ngồi trên xe, Hiền chợt để ý đến chiếc chăn và hỏi hấn. Viện trả lời để đề phòng những cuộc ám sát bất trắc. Hiền hơi rùng mình. Có lần Hiền nói thẳng với Viện là anh không muốn Viện cứ mang chiếc chăn đó trên mình. Tại sao cuộc đời cứ có nhiều bất trắc để người ta phải đề phòng? Và Hiền bảo với Viện anh thích ra nằm ngoài bãi cỏ ở trên đồi vào những buổi chiều yên tĩnh, đến khi về sẽ có nhiều hạt ba-dăng cho Niêm. Viện mỉm cười cho Hiền thật ngây thơ và hấn bảo Hiền hấn không thể bỏ được chiếc chăn đó. Một sớm một chiều hấn có thể bị Việt gian ám sát và hấn sẽ lìa bỏ cuộc đời. Trong thời chiến, thân phận con người thật mỏng manh. Người ta phải sống ra ngoài những điều mẹ cha đã dạy. Người ta cảm thấy lớn lên trong chính con người mình và khác lạ.

Đến tối mịt, Viện mới đưa Hiền về. Hấn

để xe dưới lộ rồi dẫn Hiền vào tận nhà. Bác Hiền có ý không bằng lòng, còn Niêm vẫn ngồi đan ở một góc giường im lặng nhìn Hiền rồi lại cúi xuống ngay. Hiền biết Niêm muốn mắng Hiền nhưng vì có mặt Viện nên nàng cố làm như không để ý đến. Hiền muốn chạy ngay lại bên Niêm khóc mà xin lỗi. Nhưng rồi Hiền chỉ chạy vào buồng trong nằm vật lên giường nhắm mắt lại. Hiền muốn khóc và bảo cho Niêm biết Hiền không thích thái độ thờ ơ giả tạo ấy, Những điều giận dữ cần phải nói thẳng thắn và những niềm vui sướng trong đời cần phải thổ lộ.

Nửa đêm, Hiền lên cơn sốt vì bị lạnh ở dọc đường. Hiền thiếp đi mê man. Niêm nghe thấy tiếng ú ở mê sảng của Hiền, chạy sang lấy thuốc và lay tỉnh Hiền dậy. Niêm đỡ Hiền trong vòng tay rồi đưa nước và thuốc cho Hiền uống. Trong cơn mơ tỉnh bàng hoàng, Hiền thấy lơ mơ mặt Niêm gần sát mặt mình. Niêm vừa đưa thuốc Hiền uống vừa nhìn anh nửa như muốn trách nửa lại thương hại. Rồi Hiền

nằm xuống ngủ li bì. Hai hôm liền bệnh của Hiền không rút, Niêm lên Quân y viện mời bác sĩ Triệu xuống chữa cho Hiền. Ba ngày sau Hiền khỏi hẳn. Từ đấy, Triệu thường xuống chơi và hay rủ Hiền sang bệnh viện. Hiền đã được chứng kiến những người bị đạn cụt chân, cụt tay máu me bê bết cả chiếc xe hàng thường chạy từ mạn Phả Lại về. Triệu nói cho Hiền hay những người đó đi thuyền và bị máy bay địch bắn. Triệu đã giúp những người đó khỏi chết, tự nhiên Hiền thấy yêu quý Triệu hẳn lên. Rồi Hiền quên không nhớ tới. Viện nữa. Vả lại hẳn đi đâu một dạo không thấy có mặt tại huyện, nên bây giờ chỉ còn có Triệu và Niêm là hai người thường ở bên cạnh Hiền mỗi ngày.

Nhưng rồi Hiền lại không thích Triệu vì độ này Triệu thường đến chơi nhà Niêm, viện có thăm hai bác của Hiền để nói chuyện với Niêm. Hiền không thấy Triệu còn rủ anh đi chơi nữa. Hiền chán nản đem theo con chó Nhật của Viện cho lên đồi ba-dăng để dạy nó biết tha mồi. Hiền ném một hòn gạch đi và con

chó lao nhanh về phía trước ngậm hòn gạch đem về cho chủ. Hiền vuốt đầu chó rồi ngồi xuống cỏ mà nghe buổi chiều đang hết. Hiền dạo này càng buồn vì không thấy Niêm nhờ lấy hạt ba-dăng. Anh bỏ không lên Quân y viện và cũng không muốn gặp mặt Triệu. Bây giờ Triệu thường xuống nhà Niêm vào buổi chiều ngồi nói chuyện với bác Hiền, những lúc ấy Niêm ngồi đang áo gần đấy, Hiền không thèm nghe, bỏ đi lên đồi chơi với con chó Nhật.

Tết đã qua từ lâu mà vẫn không thấy Viện trở về. Hiền bắt đầu thấy nhớ hần. Lúc này Hiền lại muốn có mặt Viện ở đây để hần sẽ rủ Hiền đi chơi. Niêm thì không xuống phố nữa. Cửa hàng cũng đã đóng vì nghe chiến dịch sắp tới gần. Buổi tối là lúc Hiền nghĩ ngợi nhiều nhất. Năm ấy Hiền mười lăm. Anh bắt đầu để ý đến tuổi của mình. Hiền lại đau khổ vì nỗi nhớ nhà vừa thức dậy một lần nữa. Đến tháng ba thì Viện ở đâu về. Hần đem theo hai viên đội Lê dương võ trang đầy đủ. Hần để hai viên đội trong một ngôi nhà gạch cao và

thoáng phía gần cầu Đạm. Một buổi trưa, Viện đánh xe lại rủ Hiền lên xem mặt hai thằng Lê dương mới đầu còn sợ và ghét sự có mặt của họ ở đây, nhưng rồi Hiền cũng nhảy lên ngồi bên cạnh Viện mà đi. Hôm nay Hiền để ý thấy Viện không có tài xế, hẳn phải lái lấy và hẳn đã bỏ chiếc chăn bông mọi ngày vẫn quấn quanh mình. Hiền được hai viên đội kia quý mến. Một tên bế Hiền lên lòng và cho Hiền một hộp thịt hộp, một ít kẹo ngon lành mà Hiền chưa từng được ăn trong đời. Hiền hỏi Viện thì hẳn bảo hai viên đội đã đào ngũ vượt qua sông. Họ đã chán cuộc chiến tranh bẩn thỉu này và bây giờ họ muốn được yên tĩnh trong quãng ngày còn lại. Họ đào ngũ mong một đời sống được nâng niu, chiều chuộng.

Hiền không biết tiếng Pháp nhưng anh cứ nói chuyện với hai viên đội.

Hiền hỏi về quê hương, gia đình, vợ con họ. Hai viên đội Lê dương trở mắt nhìn Hiền để có đoán bằng dáng điệu, nhưng bất lực. Đến

khi Viện dịch lại những câu hỏi của Hiền cho hai tên ngoại quốc nghe thì Hiền thấy họ buồn, mặt xịu xuống, cùng ánh mắt như muốn khóc. Ngoài kia, con sông buổi chiều chảy yên lặng. Phía trước mặt là một quả núi cây cối um tùm dày đặc. Hiền đứng bên cạnh hai viên đội đang nhìn ra mặt sông. Viện cùng dựa vào tường nhìn vợ vẫn ra ngoài trời. Hiền muốn có một chiếc tàu để trả lại hai người cho quê hương họ. Anh nghĩ đến những đêm tiếng súng ngoài núi Đèo, những thân người đầy máu. Người ta không thể bỏ quê hương mà đi được. Quê hương là xương là máu, bỏ quê hương là không còn muốn mình có chỗ đứng, là không muốn mình còn là mình. Và Hiền đã nhớ Hà Nội cùng một lúc. Trên trời, các vì sao đã bắt đầu nhấp nháy. Hiền tưởng tượng những vì sao kia cùng tiếc thương cho những người cầm súng để rồi sẽ chết đến vô lý, tội nghiệp. Người ta sẽ xa lạ lạc lõng, đáng nguyên rủa khi không được chết trên mảnh đất quê hương và cho quê hương trong một nghĩa tốt đẹp. Hiền đôi lần ngó ý với Viện là anh muốn bỏ đi tìm thầy mẹ và các

em. Nhưng Viện tìm cách ngăn cản ý định của Hiền. Chiều chiều Viện cho Hiền ra ngoài bãi cỏ dưới chân Đồn Cao xem Viện dạy bộ đội sử dụng súng bắn tạc đạn. Hiền nhận thấy những lúc này đều có mặt của viên đội Tây. Họ mặc thường phục và đứng nói chuyện bằng tiếng Pháp với Viện.

Sự đi lại của Triệu ngày một thêm khăng khít. Triệu đã bắt đầu ngồi nói chuyện với Niêm một mình. Hai bác của Hiền dạo này lại yếu nên chỉ ở buồng trong. Hôm mới đây, được lệnh trên, Quân y viện phải dọn vào trại Nong cách Đông Triều mấy cây số. Triệu có xuống báo tin cho hai bác Hiền hay. Tất cả đều di chuyển vào trong đó. Quân y viện sẽ để trống hoàn toàn. Nhưng riêng Triệu xin ở lại cho đến phút cuối cùng. Hẳn bảo bây giờ cũng không có gì trầm trọng trong tình trạng của bệnh nhân. Đồng thời Triệu ngỏ ý với hai bác Hiền cho hẳn ở lại nhà trong một thời gian. Hai bác Hiền đã nể mà phải để cho hẳn tạm trú. Những ngày ở đây, hẳn thường lang thang vợ vẫn xuống phố

hoặc lên Đồn Cao đánh bài với mấy viên tiểu đội trưởng trên đó. Có nhiều đêm, Hiền đã vào giường từ lâu nhưng chưa ngủ, còn hai bác và Niêm thì đã say giấc ở buồng trong, Triệu mới lò dò về. Hắn sách chiếc đèn đất từ Đồn Cao xuống. Vào đến buồng, hắn nghiêng mình thổi tắt đèn. Hắn lên giường ở cuối phòng. Con chó Nhật của Hiền đã lớn ngời chồm chồm giữa nhà. Hiền thấy mắt nó long lanh trong đêm tối thì Hiền vững dạ mà ngủ. Hiền chỉ muốn có một vụ trộm nào đó để thấy rõ chiến công của nó. Rồi Hiền ngủ đi giữa lúc con chó đứng dầy lững thững ra cửa.

Một buổi chiều, Viện rủ Hiền với hai tên đội Tây lên Đồn Cao xem diễn kịch. Trong lúc trên sân khấu đang diễn một vở kịch nêu cao tinh thần ái quốc, Hiền bỗng thấy Viện nghiêm nét mặt và hỏi Hiền về Triệu. Hắn hỏi từ cử chỉ đến ngôn ngữ, thói quen của Triệu. Hiền bỡ ngỡ không hiểu. Hiền nghĩ rằng hai người có lẽ xích mích với nhau nên Viện mới dò la Triệu như vậy. Hiền kêu chán và bỏ ra về. Về

đến nhà Hiền không thấy Niêm và Triệu đâu. Anh ra sân, leo lên một mòm đá nhìn xuống dãy đồi phía sau Quân y viện thì thấy hai người đang nằm tay nhau chậm bước giữa gió chiều. Hiền tự nhiên thấy đau khổ, tức tối đến tột độ. Anh bỏ lên Đồn Cao tìm Viện và nói với hắn Triệu đáng ghét. Viện chỉ cười rồi kéo Hiền vào phòng hắn ăn cơm bữa tối. Hiền tức cũng không muốn về nhà, anh nhận ở lại ăn với Viện. Đến chín giờ khuya Hiền mới về. Hiền chỉ thấy Niêm ngồi một mình đan chiếc áo len, nét mặt thản nhiên như không một chuyện gì xảy đến. Hiền biết giờ này Triệu đã sách đèn lên Đồn Cao mà sát phạt. Hiền tìm cách lại gần Niêm. Anh thấy cần phải nói với Niêm những tức bực của mình. Hiền bắt đầu:

– Sao, chị đan mãi mà chưa xong cái áo ấy cơ à?

– Chị đan chậm lắm, có thức khuya đan cho chóng xong. Mà khuya rồi sao Hiền không đi ngủ đi, thức làm gì?

Hiền nhìn Niêm:

– Buổi chiều Hiền buồn quá định về tìm chị bảo chị hát một bài nghe nhưng không thấy. Mà dạo này sao chị lại không hát nữa? Chị Niêm, hát bây giờ vậy.

– Thôi khuya rồi, để khi khác.

Hiền dần từng tiếng:

– Như vậy là chị Niêm ghét và khinh tôi. Từ bây giờ tôi không muốn chị hát một bài nào nữa.

Niêm sửng sốt:

– Ồ hay! Hiền hay nhỉ. Có khế chứ không, để cho hai bác ngủ chứ?

– Tôi biết chị sẽ không muốn hát nữa. Nhất là hát để cho tôi nghe thôi. Chị biết không, từ ngày tôi ra đây, tôi đã linh cảm thấy rằng tôi sẽ

đau khổ nhiều. Tôi thấy cô đơn vào buổi tối và tôi chỉ muốn nghe tiếng ca của chị cùng được ngồi nhìn chị hát. Tôi tự nhiên thích như thế, không hiểu sao. Thuở nhỏ tôi ít được nghe tiếng hát, tôi chỉ còn nhớ những bữa cơm nghèo túng và tiếng máy bay nửa đêm bắt tôi tỉnh giấc để dò dẫm đi theo mọi người ra một cái hầm trú ẩn gần nhà, những xe bò chất đầy xác người sáng sáng đi về phía ngoại ô. Lúc bấy giờ tôi tưởng rằng cuộc đời là như vậy. Chị phải hiểu cho tôi. Đến khi ra đây ở với chị, tôi lơ mơ thấy rằng cuộc đời còn có thể cho tôi những giọng ca tiếng hát như thế. Nhưng rồi từ ngày anh Triệu đến, tôi không còn được cái ước mong giản dị đầm ấm ấy nữa. Chị thôi không hát và bắt đầu có những phút nghĩ ngợi. Còn tôi, tôi đã bỏ đi chơi với những người mà thật ra tôi không thích. Nhưng biết làm thế nào khi chị bắt đầu rời bỏ cái thú ấy để nhận một cái thú lớn hơn. Tôi nói thật với chị, tôi không muốn sự có mặt của anh Triệu ở đây. Anh ta là một người hững hờ, giả tạo. Anh ta sống không thật, tôi nghĩ như thế không biết có đúng không. Mọi người

ở đây như không có gì liên lạc, ràng buộc với đời sống của anh ta. Anh ta chữa bệnh chỉ là bổn phận tất nhiên. Tôi, tôi vẫn cảm thấy anh Triệu đang che giấu một cái gì.

Niềm chợt nhìn Hiền nghiêm nghị:

– Sao Hiền lại nói thế? Chị có ghét Hiền đâu...

Hiền cướp lời:

– Chị không ghét, nhưng chị không biết... không hiểu tôi... tôi cần chị, tôi...

Giữa lúc đó tiếng dép của Triệu lệt sệt từ buồng ngoài bước vào. Hiền ngừng nói, vờ cúi xuống giở mấy trang ở quyển nhạc để trước mặt. Niềm thì cúi xuống tiếp tục đàn. Hiền ngừng lên nhìn Triệu rồi đứng dậy đi về phía giường của mình. Sau đó, Niềm cũng đi nằm ngay.

Từ hôm sau, Hiền sống những ngày buồn vô cùng. Hiền bỏ đi chơi với thằng bạn dưới phố. Tên nó là Tuyền. Tuyền rủ Hiền ra sông câu rồi xuống thuyền con sang dãy núi bên kia cầu Đạm chơi. Mỗi lần đi, Hiền đều đem theo con chó Nhật. Bố mẹ Tuyền ở dưới Đông Khê, cách huyện 4, 5 cây số. Tuyền đưa Hiền về nhà chơi. Bố mẹ Tuyền rất thích Hiền. Hai người thường rủ nhau ra sân nhà thờ ở gần nhà Tuyền, chỉ qua vài hàng dâu là trông thấy cái cổng đục tắt để vào nhà thờ. Cha Ngoạn là người trông nom nhà thờ này. Tuyền làm hai con gụ lớn, đưa cho Hiền một. Cha Ngoạn hay gặp Tuyền với Hiền chơi quay ở sân gạch. Cha người dong dỏng cao, mặt hóp và đen. Cha Ngoạn thường hay cười với Hiền và Tuyền mỗi khi cha làm lễ xong. Tuy không theo đạo, Hiền cùng Tuyền hay đi dự lễ vào sáng sớm, lúc mọi người chưa ra đồng làm việc. Cha Ngoạn vẫn gọi Hiền vào buồng riêng của cha và cho Hiền ăn bánh. Cha khuyên Hiền theo đạo, Hiền tự nhiên không muốn theo và anh muốn sống theo ý mình. Cha Ngoạn có giảng về Chúa cho Hiền bảo

Hiền phải tin vào Ngài, vì lúc nào Ngài cũng ở bên cạnh Hiền và che chở cho Hiền. Anh có vào nhà thờ buổi chiều để nghe người ta đọc kinh.

Đến ngày thứ sáu, Hiền muốn về huyện kéo sợ hai bác mong. Chiều hôm ấy, Hiền định ra bộ, theo con lộ chính mà về thì bỗng nhiên nghe thấy nhiều tiếng súng bắn ngoài phía cầu Đạm. Rồi từng loạt đại liên lẫn đại bác vang rền. Hiền biết Tây đã tấn công bất ngờ. Hiền biết mình bị nghẽn đường không về được và Hiền rơm nước mắt nghĩ đến hai bác, đến Niêm. Anh ra cổng làng trông về phía huyện chỉ thấy khói lên mịt mù. Đến sẩm tối thì tiếng súng đã ngớt. Hiền chợt nghĩ đến Tuyền và chạy bộ đi tìm. Ra đến đầu làng thì thấy hai người đang khiêng một cái xác từ ngoài đồng vào. Đến nơi Hiền chợt nhận thấy Tuyền đã chết trên tay hai người thợ cày. Anh thảng thốt gọi tên Tuyền rồi nhìn bạn khóc. Người ta kéo đến nhà cha mẹ Tuyền chia buồn. Một người cô của Tuyền bảo Hiền ra nhà thờ mời cha Ngoạn vào làm lễ sức

dầu thiêng liêng cho Tuyền, Hiền gặt đi. Hiền bảo với người cô ấy bây giờ Tuyền đã chết và anh đã mất một người bạn. Cha Ngoạn không thể làm cho Tuyền sống lại được, như thế viên đạn trong ngực Tuyền vẫn còn là kẻ thù không diệt được của Hiền.

Hiền nghĩ rằng tất cả đều không thể làm cho Tuyền sống lại. Con người ta phải chết để nhận rõ mình chỉ là người. Hiền nghĩ lại lời cha Ngoạn giảng về Chúa là đấng có thể ban cho ta những điều ta cầu nguyện. Nhưng Hiền biết chắc rằng Chúa giờ đây vẫn không làm cho tiếng súng ngoài kia ngừng được và Tuyền của Hiền sống lại để hai người lại ra sân nhà thờ chơi quay dưới bức tượng tử bi của Ngài. Hiền muốn đem Tuyền chôn ngay và mình được đi sau chiếc quan tài của bạn mà khóc. Hiền khóc cho bạn hay khóc cho mình, lúc ấy Hiền chỉ thấy nước mắt mình chảy ra và từ đây Hiền sẽ không còn gặp được Tuyền.

Chôn cất bạn xong, đến nửa đêm Hiền lại

ra nhìn về phía huyện và anh nhận thấy trên Đồn Cao có ánh điện thấp. Hiền buồn rầu để kịp nghĩ rằng Pháp đã chiếm được huyện. Bây giờ hai bác với Niêm chạy về đâu? Hiền cũng thoáng nghĩ đến Triệu và anh tưởng như Triệu đã trúng đạn không chạy kịp vào trại Nong được. Ngay lúc đó, Hiền chợt hồi hận với chính mình.

Ít ngày sau, được tin địch rút hẳn, Hiền mới dò dẫm về. Hiền đi qua cánh đồng làng có nhiều quạ đen đậu và anh chợt thấy dăm bảy ngôi mộ mới đắp. Hiền nghĩ đến những người vừa ngã xuống. Chiến tranh với những người sớm lìa bỏ cuộc đời. Tại sao Hiền lại phải đi trên cánh đồng đầy quạ với những mùi tử thần, bom đạn chung quanh giữa tuổi trẻ này?

Hiền cố quên rào bước ra phía quốc lộ. Đến nơi Hiền thấy Viện đang ngơ ngác thu dọn chiến trường. Hiền chợt nhìn nhà giây thép đổ sập mất một nửa mặt ngoài. Hiền đứng lặng đi một phút, như đã chết. Rồi sực tỉnh, Hiền chạy

vội đến Viện hỏi hẩn về cuộc đánh nhau ngày nọ và anh chê hẩn hèn kém nên thất bại. Hẩn nín thinh như chịu lỗi cùng Hiền. Lúc hỏi đến gia đình hai bác, Viện cho hay hai bác đã chạy kịp vào trại Nong, còn Triệu với Niêm bị bắn chết ngoài cầu Đạm. Triệu là một tên Việt gian, hẩn đã làm gián điệp cho Pháp bấy lâu ở Đông Triều. Hẩn với Niêm, định trốn xuống tàu Pháp ra Hải Phòng, nhưng bị bọn Viện theo dõi bắn chết cả hai người. Hiền muốn đánh cho Viện một cái tát lúc bấy giờ, nhưng không hiểu sao lại thôi. Hiền nói như mất hồn:

– Anh đưa tôi đến xem mộ của chị Niêm.

Viện đưa Hiền ra cầu Đạm. Mộ của Niêm nằm trên một gò đất cao ráo, bên cạnh là mộ của Triệu. Hiền đứng lặng không khóc được nữa. Anh nhìn trân trân vào ngôi mộ Niêm, đất còn mới. Một phút, Hiền quay lại nói với Viện:

– Tôi đã nói đúng. Hẩn phải chết!

Tiếng Viện ở đằng sau.

– Cả chị Niêm của Hiền.

Hiền vội quay mặt đi một lát, rồi quay lại nhìn thẳng vào mặt Viện, giọng run run cảm động:

– Chị Niêm vô tội, chị Niêm vô tội. Anh nghe rõ chứ? Cũng như tôi, nhưng may mà tôi chưa chết. Tôi cảm thấy bây giờ thì hết cả. Tôi không thích một ai ở gần tôi nữa, kể cả anh. Các người đã dự quá nhiều vào cuộc đời của tôi cũng như của chị Niêm, và như vậy các người đều đáng phỉ nhổ.

Rồi Hiền thất thểu bỏ đi. Viện đứng sững nhìn bóng Hiền xuống đường không nói được gì.

* * *

Sau Hiền ra Hải Phòng làm cho một hãng

buôn. Hiền có trở về Đông Triều mang theo một số tiền để xây mộ cho Niêm. Hiền nhớ lại cảm giác lúc đứng trước mộ Niêm cùng với Viện chiều hôm ấy. Khi đó, Hiền thấy rõ mình đã yêu Niêm từ lâu. Và tuổi trẻ của Hiền đã hết.

MAI TRUNG TĨNH

BÀI KÝ NIỆM

Tôi nhớ người thôi hết mùa xuân
đường đi nghe mắt đã âm thầm
chân buồn lên đống đôi chiều nắng
mang lá xanh còn gây tiếc thương
Thủa ấy tôi về ngang đất cũ
ngày thơ ngây cũng đẹp như hồn
người đi trên những con đường đó
lòng cũng lên mùi cỏ mới thơm

Em áo còn bay nhiều ước hẹn
giấc mơ đời ngọt vị buâng khuâng
năm tay dài mãi niềm lưu luyến
chân chậm đường như đến ngại ngần
Tôi gửi đời tôi trong tóc ấy
ôm người chưa chắc nổi vòng lưng
chiếc hôn đầu chết trên vầng trán
môi đã nghìn năm biết tủi hờn
Tôi nhớ người thôi hết đời tôi
đường đi không kết nổi câu cười
buồn hoang đến nửa thời thơ dại
trong những chiều ai mang áo phơi

NGỰ TRỊ

Mang trong mắt bao nhiêu lời tình tự

Thửa ta về mùa đông dài phố cũ

Đi bên nhau hồn chậm với vai gần

Tiếng ca buồn ôi khúc hát thanh xuân

Ta dừng lại và nghe chiều rét mướt

Em mười sáu, tuổi kiều thơm dịu ngọt

Chiều đời êm áo lụa mát bàn tay

Tình song song phơi với dấu chân bay

Đi rất chậm sợ ngày vui chóng hết

Thửa ta về mấy con đường lá chết

Mùa đông làm xơ xác những xương khô

Người hoang mang sầu lẫn dấu sương mù

Hơi thở nóng gọi dồn lên triền mắt

Tim đập mạnh như vỡ niềm khao khát

Ta nín hờn cho tình nhẹ nhàng trôi

Tay ước mong không dám níu vai người

Môi chờ đợi vẫn nguyên văng trán ấy

Ngực thê thiết còn ngàn đời thơ đại

Chút xuân đầu chưa đủ ấm lần vai

Giờ cách xa, màu dạn với đêm dầy

Tay đã với bao nhiêu niềm nhục nhã

Môi đã nhận trăm ngàn lần sỉ vả

Ngực đại khờ hơi thở đã nồng tanh

Tiếng ca buồn ôi khúc hát thanh xuân

Ta vẫn nhận trong những chiều rét mướt

Thuở ta về giấc mơ nào dịu ngọt

Bước chân đời sao đã cách xa nhau

Em biết không hồn tử chiếc hôn đầu

Trong những lần mùa đông dài phố cũ

Mà sớm Nam giao hay còn chiều sông Ngự

Ta vẫn tưởng mình đang kiếm tìm nhau

THỬA LÀM THƠ YÊU EM

Thửa làm thơ yêu em

giời mưa chưa ướt áo

hoa cúc vàng chân thêm

gió may lưng bờ dậu

chiều sương đầy bốn phía

lòng anh mấy cách xa

tiếng đời đi rất nhẹ

nhịp sầu lên thiết tha

thửa làm thơ yêu em

cả giòng sông thương nhớ

cả vai cầu tay nghiêng

tương tư trời thành phố

anh đi rồi lại đến

bài thơ không hết lời

bao nhiêu lần hò hẹn

sớm chiều sao xa xôi

mười bảy năm chợt thức

bây giờ là bao giờ

bàn tay trên mái tóc

nghìn sau còn băng quơ

THƠ CHIỀU PHỐ

Thuyền ai trên sông Hương

lòng tôi trên sông Hương

đầy nửa dòng nắng muộn

đầy một hồn nhớ thương

Tay ai trên vai cầu

lòng tôi trên vai cầu

gió chiều bay tà áo

tay vịn về đến đầu

Mây chia trời vỹ dạ

tiếng hát nào dâng buồn

sương lan rồi mấy ngả
sâu cũng vây đời luôn
Mấy lần em buộc tóc
trời rét như chiều này
vệ đường khô tiếng guốc
lưng áo chùng heo may
Cây im nghiêng lòng phố
chiều mây trôi với người
mình anh về gác trọ
mình anh sâu riêng thôi

VÀ TÊN MỘT NGƯỜI RIÊNG

người đi qua đời tôi

nghe những chiều đông sâu

mưa mù lên mấy vai

mây mù lên mấy giờ

giỏ mù lên mấy biển

người đi qua đời tôi

hồn lưng miến rét mướt

đường bay đầy lá mùa

vàng xưa đầy dưới chân

lòng vắng như ngày chờ

xa dần như lãng quên
lời ca giờ chưa cất
người ngàn khơi không về
chiều âm vang tiếng sóng
mây trời như ngày đi
mắt trông dài gió cát
muôn trùng ai nói gì
lời ca giờ chưa cất
bàn tay đầy khói sương
người đi qua đời tôi
nghe những lời linh hồn
phi lao dài tiếng reo

lên những lời âm thầm

trên lối về nghĩa trang

trong mộ phần tối đen

người đi qua đời tôi

không nhớ gì sao người

em đi qua đời anh

không nhớ gì sao em

TRẦN DẠ TỪ

30 THÁNG CHẠP

Chiều cuối năm phiên chợ tàn

Đi lang thang và ăn ở nhà một thằng bạn

Nhớ người thơ ngủ ngoài nghĩa địa

Đi lễ Lăng ông xin thẻ

Định mệnh dậy lao đao

Thương tình nhân bé nhỏ

Đôi mắt buồn khung cửa hoàng hôn

Bước trở về xe buýt đẩy người

Thành phố như xa lạ

254 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Và mình thì bỏ ngõ băng khuâng

Một vài tiếng pháo nổ, trẻ con cười hơn hờ

Tìm một rạp chiếu bóng xem phim cuối của
chương trình năm mới

Rồi như mọi khi ngủ trên căn gác ngói không
trần

Sáng hôm sau mặt trời đánh thức dậy

Không đi ăn phở

Mùng một tết ở đây giấc ngủ đây

NGÀY ĐẦU NĂM

Pháo nổ tiếng một

Giấc ngủ hôm nay dài thương nhớ

Không đi ra ngoài phố

Nghe nhạc máy trâu thanh

Tiếng hát người danh ca từng say mê

Tiếng hát người trở về

Chuyến buýt ra ngoại ô

Dòng sông nước vừa rút hết

Nhớ người tình khó gặp gỡ

Để làm gì, không biết

Ngọn cây đầy tiếng chim sẻ

Những đứa trẻ con không đánh nhau

Đường hẻm như ngập xác hoa đào

Những cái pháo đã nổ

Bắt đầu bằng hơi thở

Những kẻ yêu nhau

Nghe xôn xao đầu ngõ

ĐI TRỐN

Một mình trên gác nhỏ

Thành phố như người mù

Tiếng hát ai cô quạnh

Ngõ hẹp đêm bơ vơ

Cuộc đời người đi trốn

Thời gian những ảo hình

Ngoài sông gió lồng lộn

Buổi tối buồn đau tim

Nhớ nhung đầy bóng đêm

Mùi bùn xông nồng tanh

Dạ lan đầy đêm xanh

Em ơi bàn tay nhỏ

Khúc nhạc buồn Chopin

Nằm im nghe đêm vắng

Sự nín câm tròn vành

Nôn mưa cuộc đời hoang

Và không buồn không khóc

Núi rừng gầy rét mướt

258 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Chủ nhật phố đông người

Ở đây đèn điện tắt

HÀNH TRÌNH

Con tàu lắc, cuộc đời

Đêm sâu mờ bóng tối

Núi rừng đứng bơ vơ

Tôi đi, em chờ đợi

Những bạo hành nhảy múa

Giấc ngủ buồn trống không

Không gian như thương nhớ

Mùa hạ đêm sáng trắng

Từng ga và từng ga

Những đổi thay nhỏ bé

Lữ hành không cảm xúc

Tôi buồn như tuổi thơ

Lên rừng tìm bản ngã

Nước sông chảy dưới cầu

Người đi và người đến

Tháng ngày chật đờn đau

VƯƠNG TÂN

LÂN SÀI-GOÒNG

THÁI BẠCH

 Ở mỗi lần tết đến, ở thủ đô Sài-goòng cũng như ở các tỉnh miền Nam, nhân dân lại tổ chức những cuộc múa lân để chào mừng năm mới và đón tiết xuân sang. Đây cũng là một tục lệ địa phương khác hẳn với hai miền Trung – Bắc.

Ở Bắc và ở Trung cũng có tục múa lân. Nhưng chỉ múa vào dịp tết Trung thu và gọi là múa sư tử, chứ không gọi là múa lân và chơi vào dịp tết Nguyên đán như đồng bào miền Nam.

Vậy múa lân đúng hay là múa sư tử đúng?

Và tại sao lại có múa lân?

Đồng bào miền Nam múa lân vào dịp Nguyên đán đúng, hay đồng bào Trung – Bắc múa sư tử vào ngày Trung thu đúng?

MÚA LÂN ĐÚNG, HAY LÀ MÚA SƯ TỬ ĐÚNG?

Theo thiện ý tôi thì gọi múa lân đúng hơn là gọi múa sư tử. Vì cái đầu của con thú này khi người ta làm đem ra múa, có một cái sừng ở trên thì hẳn là không phải thú dáng của một con sư tử. Con lân, chúng ta không được thấy, song căn cứ vào sách Ngũ-đế-kỷ của con cháu các cụ Thần Nông, Hoàng Đế thì hình dáng của nó là “mã đề nhất cước”, tức móng ngựa một sừng, nó rất lạnh, đi không bao giờ dẫm gót lên sinh vật. Còn sư tử, chúng ta đã từng mục kích rõ ràng trong gánh hát xiếc của Tạ Duy Hiển, hay ở trong sở thú Sài-goòng. Nó

là một con vật dữ tợn hay ăn thịt sống hơn cả những beo cạp; đầu có bờm rậm, móng như móng chó, khi nó nhe răng thật là ghê sợ, tiếng nó thét lên mọi vật đều khiếp hãi. Sự tử cái không có bờm nhưng oai danh hơn con đực, bởi nó được mệnh tiếng thế gian đem ví với người đàn bà có máu đả ghen. Nó đâu có sừng như cái đầu mà người ta làm ra để múa? Và sự tử chỉ tượng trưng cho hung hãn dữ tợn thì hỏi làm sao lại được các vị Thánh xưa đặt ra để múa vào những ngày xuân hay ngày lễ Trung thu?

TẠI SAO CÓ MÚA LÂN?

Tục lệ múa lân ở nước ta có đã từ lâu. Ngày nay không ai còn nhớ được từ đời nào, ngoại trừ các cụ đồ Tây, đồ Nho ở trường Bác cổ. Nhưng có điều chắc chắn là tục lệ này phát xuất từ Trung Hoa, người mình thấy hay hay nên cũng để cho du nhập.

Tục lệ này đặt ra là một hình thức chơi múa, đồng thời cầu cho trong nước có thánh nhân ra đời để thiên hạ được thái bình. Theo sử ký của Trung Hoa, lân là vật tượng trưng cho thái bình thịnh trị. Sách Tam hoàng ngũ đế nói lân ra đời vào thời đại Hoàng đế Hiên viên, cách đây khoảng độ 5 ngàn năm, và chỉ khi nào trong nước có thánh nhân thì lân mới ra đời. Lân ra đời là một điềm tốt, báo cho trăm họ sẽ được âu ca lạc nghiệp.

Theo sử chép thì ở Trung Hoa chỉ có hai lần có lân ra, một lần như trên, và một lần vào thời Khổng phu Tử. Lần sau này, lân ra đời bị người kiếm củi không biết, đánh què một chân.

Khổng phu Tử cho con lân này là điềm ứng vào mình nên ngài sa nước mắt, rồi từ đó ngài nghỉ ở nhà để sáng tác kinh Xuân Thu, không đi chu du liệt quốc nữa. Ngài luận rằng lân bị đánh què, tức là lân ra không gặp thời, mà lân không gặp thời tức nhiên mình cũng không gặp thời, không gặp thời thì đi đến nước nào,

đem thuyết chính trị của mình ra nói cũng chỉ uổng công thôi. Khổng phu Tử bắt đầu làm kinh Xuân Thu từ năm ngài thấy có muông lân, nên kinh Xuân Thu, một tác phẩm mà Quan Vân Trường đời Tam quốc thích thú say mê nhất, còn có tên gọi là Lân Kinh nữa. Song có thuyết lại chép khác: Ngài đang viết kinh Xuân Thu, thấy lân ra đời bị đánh què một chân, nên Ngài buồn, rồi thôi không viết nữa.

Sự tích muông lân là thế, nên người đời sau cứ mỗi năm tết đến bày ra múa lân để cầu mong trời đất năm ấy sẽ sinh ra thánh nhân, cho thiên hạ được ấm no thái bình. Tục lệ này có ý nghĩa là vậy và phát sinh ở Trung Hoa, sau đó mới tràn sang nước ta.

MÚA LÂN VÀO TẾT TRÚNG THU ĐÚNG HAY VÀO NGUYỄN ĐÁN ĐÚNG

Theo các sách truyền của Trung Hoa, lân là một vật dã thú, mình nai đuôi trâu và ngay ở trên đầu có một cái sừng thật. Con đực gọi là

lân, con cái gọi là Kỳ, đầu không có sừng.

Sách Từ nguyên lại chép thêm, lân là một vật hình dáng như trên và có lông ngũ sắc, không ăn cỏ tươi, không ăn thịt sống, nhưng cũng không nói rõ là lân thích ăn những thứ gì.

Đó là con lân trong sách vở Trung Hoa, còn ở Việt Nam ta thì con lân lại khác. Theo tục truyền nước ta xưa có bắt được một cặp kỳ lân và đem sang tặng nước Trung Hoa. Cặp kỳ lân này mình như mình trâu, tai như tai voi, chân như chân chó, không có lông, chỉ có vẩy như vẩy cá.

Nhưng dù sao, tục múa lân cũng là theo điển tích con lân ở bên nước “con trời”, và nhằm vào mục đích như trên đã nói.

Theo thiển ý thì múa lân tổ chức vào dịp tết Trung thu không đúng. Vì lân tượng trưng cho điềm trời sinh thánh thì việc cầu nguyện ấy phải để vào đầu năm mới đúng với ý nghĩa.

Còn chơi vào dịp Trung thu như đồng bào Trung – Bắc, hỏi ra cũng chưa ai có thể trả lời chắc chắn và bảo đảm là tại lý do nào.

MÚA LÂN XƯA Ở SÀI-GOÒNG

Ở Sài-goòng, cách đây chừng 40 năm về trước, có ba điệu múa lân: múa hồng nhan, múa lân và múa con hầu. Điệu múa con hầu thường do người Hoa kiều múa. Song hầu là gì? Thật ra không ai biết rõ, ngay đến cả những người thuộc dòng cụ Bàn Cổ sang đây.

Trong ba điệu múa trên, đồng bào Sài-goòng thường thích múa lân hơn hết, vì múa lân là một lối chơi tập đoàn có tổ chức, có chương trình, chứa đầy nghệ thuật và ý nghĩa.

Lúc mới đầu, tính chất cuộc múa lân là vậy. Song lâu ngày, vật đổi sao dời, múa lân dần dần mất hẳn ý nghĩa, mà chỉ còn nhắm vào mục đích múa lân để lấy tiền là quan trọng. Cũng như danh từ luân lý và đạo đức, lâu ngày đã trở

thành những tiếng thông thường cho những kẻ tàn bạo lạm dụng để che giấu hành động và bộ mặt giả dối của chúng mà gạt lừa thiên hạ.

Bởi thế, chúng ta cũng không nên lấy làm lạ khi nhắc lại các cuộc múa lân xưa ở miền Nam, nhất là ở Sài-goòng – Chợ lớn, đã trở nên những thú chơi không phải dễ và kém phần nguy hiểm. Vì muốn tổ chức một cuộc múa lân phải là những tay “anh chị bụi”; bấy em út dưới trướng phải có gan, có võ, dám sống chết khi đem đầu lân ra múa để phụng sự cho một mục đích.

LÂN ĐÁNH RÁP LÁ CÀ

Như tết năm 1924, mấy anh “cặp rắng²” ở nhà máy cửa bên Khánh Hội có sự xích mích thù oán với vài tay anh chị bụi ở Vĩnh Hội, liền tổ chức một cuộc múa lân để thừa dịp trả thù.

2 tiếng Pháp - caporal: quân hàm hạ sĩ, cai. Đầu thời Pháp thuộc cũng được dùng trong dân sự: cai thợ

Với sự tổ chức này, lẽ tất nhiên các tay “anh chị bự” ở Khánh Hội phải xếp đặt hết sức chu đáo. Trong bọn có sẵn sàng những tay võ nghệ cao cường với những thứ khí giới bén nhọn. Cuộc tổ chức này hết sức bí mật, nhưng có lẽ bị gián điệp đối phương chui vào nên các tay anh chị ở Vĩnh Hội cũng bí mật chuẩn bị để sẵn sàng nghinh địch. Thế là một cuộc múa lân thảm hại và kinh khủng diễn ra. Từ lân múa để cầu nguyện thái bình, bỗng trở thành lân đâm máu.

Mồng một tết, các “anh chị” mắc cúng ông bà, mắc đi mừng tuổi. Tối mồng hai, các “anh chị” mới tụ họp đàn em, tổ chức một tiệc no say gọi là “tổng tửu Đơn hùng Tín” và ngày mồng ba, con lân râu bạc ra đời. Pháo đốt, cờ phất, trống rung, vang động cả một vùng.

Trước mặt con lân có một người cầm trái châu đưa cho lân giỡn. Người này chẳng phải nói thì ai cũng hiểu là tay cao đệ nhất trong đoàn. Sau lân, kẻ gây người kéo, rầm rộ một

đoàn có cả mấy chục anh. Kim búa dao mác lúc đó chưa xuất hiện, tất cả những thứ khí giới này còn ngụy trang, giấu trong đầu lân khi gặp địch thủ mới đưa ra sử dụng.

Mới ra, lân Khánh Hội bình tĩnh và hiên ngang đi múa các ngã đường. Nghệ thuật múa hay. Hai bên đường công chúng đứng xem động nghệt, tiếng vỗ tay hoan nghênh không thua gì tiếng pháo.

Chiều lại, lân đi dọc theo đường Bồ sông (Quai de la Marne) tiến thẳng tới nhà một “anh chị” đối phương. Anh này xông ra. Người nhà biết ý kéo trở lại nhưng bọn anh em đã tóe ra. Hai bên rập chiến. Phe Vĩnh Hội chọc thủng trống, xé cờ lệnh của đoàn lân Khánh Hội và dùng dao búa đánh rập lá cà.

Phe Khánh Hội phản công. Hai bên đánh vui như mưa bắc. Năm bảy người ngã xuống, nằm nghiêng ngả ở chiến trường. Nhà cầm quyền được tin cấp báo, phải hỏa tốc đến điều

cả hai phe về bóc mở cuộc điều tra. Kết quả trận đấu lần này làm ba người tử trận, bốn mươi người bị thương.

LÂN BỊ CẤM VÀ NHỮNG LÂN PHƯỚC THIỆN

Sau cuộc múa lân đổ máu năm 1924, luôn 6, 7 năm sau, nhà đương cuộc cấm không cho ai được phép múa lân ở Sài-goòng – Chợ lớn.

Ngày giờ thắm thoát, mãi đến năm 1930 trở đi, bóng dáng con lân mới lại được xuất hiện ở thủ đô hòn ngọc viễn đông trong các cuộc lễ lớn mà phần nhiều thuộc về phước thiện.

Cũng vì vụ án lân khi trước mà nhiều anh em mộ điệu múa lân phải đến nhờ ông Hộ trưởng xin giùm phép, phải lấy danh dự mà bảo đảm là không để xảy ra chuyện gì làm mất công nhà cầm quyền và múa lân cốt ý chỉ để kiếm tiền cho mấy hội phước thiện! Nhờ có sự can thiệp của mấy ông Hộ trưởng, sau này

phong trào múa lân mới lại phục hưng ở Sài-goòng – Chợ lớn.

Tuy nhiên, nhà cầm quyền lúc đó cũng lấy làm sợ các cuộc múa lân lắm, nhất là khi ấy phong trào cách mạng ở các tỉnh miền Nam lại nhen nhúm nổi dậy. Biết đâu những đoàn múa lân lại chẳng hóa ra những đoàn biểu tình và bạo động. Vì thế, mỗi lần cho phép là cả một lần điều tra, và mỗi lần có đám lân xuất hiện là có ngay những thám tử và ma tà trà trộn canh chừng.

MÚA LÂN NGÀY NAY

Và từ năm 1930 đến nay, tết năm nào ở Sài-goòng – Chợ lớn cũng có những cuộc múa lân. Song có điều nghệ thuật múa kém nên không khoái mắt cho lắm.

Trước kia, mỗi khi có cuộc múa lân, người ta thường phải hội họp, các đàn em trong đoàn lại để tính cho thợ mã làm cách nào bong cái

đầu lân cho to cho khỏe và cho chắc chắn, dao mác đâm vào cũng không bể, phải giấu được những khí giới của anh em cần dùng. Rồi tới hàm râu của con lân là biểu hiệu cho sự khiêm nhường hay khiêu khích.

Râu đỏ hay râu pha màu muối tiêu, không cứng mà cũng không mềm là phục tùng.

Còn râu bạc là tượng trưng xác lão. Hễ khi có lân râu bạc ra thì tức là có chuyện khiêu khích, giả tử như lân Khánh Hội năm 1924.

Khi tính việc bong đầu lân xong rồi, mới tính việc phân công phân nhiệm. Ai múa, ai giữ đuôi . . . ai chỉ huy, ai trợ chiến. Mỗi người giữ một trách nhiệm, ai nấy đều phải thao luyện cho thuần thục trước một tháng. Rồi tới khi múa ở đâu phải phân định ranh giới. Mỗi con lân có một địa hạt riêng, hễ lấn sang tức là khiêu khích, là muốn sinh sự và gây chiến.

Và ngày nay, sở dĩ múa lân còn tồn tại là nhờ ở chỗ còn ít người quan niệm ngày tết có lân đến nhà thì may mắn, mặc dù là lân giả. Cũng sẽ trường tồn nếu trên cao kia còn có những buộc tiền đỏ bé và vài cây xà-lách xanh tươi.

THÁI BẠCH

XÁC CHẾT

THAO TRƯỜNG

Đã từ hai ngày Hy nằm như chết. Cái án tù chung thân bám lấy anh không thể giải thích. Người ta bắt được anh nằm ngất lịm, tay còn cầm chiếc búa dính máu, cạnh xác một người đàn bà. Nước cống vấy lên khắp người chị và người Hy. Nói rằng có cuộc vật lộn trước khi một người buông xuôi tay vĩnh viễn và một người buông xuôi tay cho chiếc còng sắt khóa lại, Hy thấy vô lý hết sức. Tuy đã lãnh án, tuy đã nhận tội sát nhân, Hy vẫn ngỡ ngỡ rằng mình không thể nào làm như thế. Hy không thể có cái hành động cầm búa bổ vào đầu Lim.

Lim là gái hoàn lương nhưng có vài điểm rất khả ái. Nàng tự nhiên đến nỗi tưởng rằng xung quanh ai cũng thông cảm và quý mến mình. Một hôm Hy dẫn Lim đi phố mua đồ, về dọc đường gặp Lộ; Lộ mời hai người đi ăn cơm. Hy chưa kịp nói thì Lim đã tươi cười:

– Thôi xin phép anh. Chúng tôi phải về bảy giờ. Chiều rồi. Về bây giờ còn phải tắm cho anh ấy nữa. Khi khác.

Hy có cái sung sướng là được người vợ săn sóc từng ly từng tí. Nhiều lúc Hy được nuông chiều như trẻ con. Mỗi ngày Lim bắt Hy nằm trong bốn tấm, nàng kỳ cọ cho anh như hồi nhỏ mẹ anh chăm lo cho anh vậy.

Lim vừa xoa xà phòng trên tóc Hy vừa nói:

– Anh cúi đầu xuống một tí để em gội tóc nào. Đã lười, em tắm cho lại còn . . . làm bộ.

Những lúc đó Hy chỉ cười thụ hưởng.

Bây giờ thì Lim chết rồi. Lim chết dễ dãi không kịp phản nản. Hy nhớ lại cái lúc bị đánh tỉnh dậy, xung quanh ồn ào những tiếng người, những người điều tra. Ánh đèn chớp của máy ảnh loé sáng làm quáng mắt Hy. Cái thể xác trắng bệch nằm cạnh phuy nước là Lim. Nàng ngoẹo đầu như những lúc gối trên tay Hy. Mắt nhắm khít thản nhiên và môi thì thâm lại hiển lành. Lim nằm chết một cách rất hòa bình. Chỉ có Hy là sống tù đầy. Hy không thể hiểu được vị sao Lim lại có thể chết dễ dãi như vậy. Mà lại chết vì lưỡi búa của Hy, chết vì cánh tay vẫn hằng ôm ấp vuốt ve Lim, khiến Hy phải sống giam hãm như một giấc mộng. Thật vô lý. Hy tưởng rằng không phải Hy giết chết nàng. Hy cũng nói như vậy với những người điều tra. Nhưng họ hỏi lại:

– Ngoài anh và bà ta còn có ai trong buồng tắm? Anh đã giả vờ ngắt đi nhưng còn cái búa trong tay. Cái búa dính máu.

Hy không trả lời được, thì đúng chỉ có Hy

và Lim trong buồng tắm. Nghĩ thế nên Hy có hơi nghi ngờ mình. Biết đâu cái phút ấy chợt Hy nổi điên, làm ác rồi ngất đi. Nhưng như thế thì tàn nhẫn quá. Hy mà giết Lim ư? Trước kia Hy còn có thể chân thành yêu Lim ngay lần đầu gặp nàng ở một xóm lầy lội tối tăm trong một căn nhà đèn dầu. Căn nhà có những tấm ri-dô hoa quây quanh những chiếc giường. Những mối tình chân thật còn khởi đầu được từ những chiếc giường ấy thì không thể là những mối tình chóng tàn phai. Chỉ có giả dối mới không đảm bảo được gì. Những tấm lòng vốn sa đọa đã biết chân thật và vì chân thật chấp nhận sự cần thiết nhau thì không thể một sớm một chiều, một giây một phút thù ghét nhau đến độ phải làm ác.

Hy gặp Lim trong xóm lầy ấy và hai người đã giết nhau ra khỏi ngõ tối.

Đến ngoài đường sáng, Hy ôm Lim hôn rất lâu rồi nói:

– Anh bằng lòng em.

Lim ngồi xuống buộc lại giấy giày cho Hy, nàng nói nhỏ sát mặt đất:

– Em cũng chờ tù lâu.

Gặp nhau như thế. Yêu nhau như thế. Mà lại giết nhau như thế được sao?

Lúc đứng ở vành móng ngựa nghe biện lý buộc tội, Hy ngơ ngác không hiểu; rồi những lời ông ta nói, những lý lẽ ông ta đưa ra, dần dần Hy thấy có lý. Sau cùng thì Hy tưởng mình có tội thật. Hy bắt đầu tin rằng mình đã giết Lim. Hy thấy ghê sợ mình, tên sát nhân dã man.

Nhưng khi nghe tuyên án tù chung thân thì Hy buồn nôn ngay. Hy lại cảm thấy là vô lý. Không thể là Hy, Hy vẫn yêu Lim chân thành. Hai người còn yêu nhau chân thành. Đừng buộc tội tôi như thế, ở bên kia Lim có thể hiểu lầm và nàng sẽ không còn dễ dãi được nữa.

Hy mất Lim và mất luôn cả một đời. Mất mà không hiểu tại sao. Mất mà không biết lý do. Mất lại còn bị buộc tội là tự ý vứt đi, tự ý hủy bỏ.

Hy quan niệm sống là yêu và suy tưởng. Không yêu và không suy tưởng chỉ là xác chết. Bây giờ tình yêu đã bị cái “không hiểu tại sao” làm mất đi. Còn suy tư thì đành rằng vẫn suy tư rồi, buộc phải suy tư, nhưng ở trong một khối không gian vuông vắn nhỏ bé tối tăm, chỉ có một cửa sổ rào sắt, cộng với cái bút rứt khó hiểu về tội trạng của mình, Hy thấy suy tư chỉ đưa đến một ý kiến kết thúc. Hy chưa là thầy ma, nhưng Hy là một thể xác hấp hối. Sự hấp hối còn buồn hơn là chết hẳn. Mà chết hẳn nhiều khi lại hào hứng.

Ba trạng thái: sống, hấp hối và chết, chỉ có hai cách dùng được. Hấp hối không ai chấp nhận. Nhất là thứ hấp hối tinh thần. (Bên kia sông đang hấp hối, họ chối bỏ tình yêu).

Hy nhìn khoảng trời vuông và xanh độc nhất. Hình ảnh cuối cùng ngoài đời còn lại với Hy cũng không trọn vẹn. Biết khi chết, tình yêu của Lim có còn trọn vẹn không? Hy chịu không hiểu nổi, cả Lim, cả người điều tra và cả mình.

* * *

Lại nói về Lộ, kể từ khi Lim và Hy ở với nhau, Lộ là bạn thân của gia đình ấy.

Trước kia hắn là người đón khách cho Lim. Hắn chạy xích lô và mang về căn nhà trong xóm tối om cho Lim những người rạo rục. Ngày ấy, đêm đến, Lim nằm trong nhà chờ tiếng xích lô máy của hắn dừng bên ngoài ngõ. Mỗi lần nghe được cái tiếng nổ quen thuộc Lim, vội vàng trỗi dậy, vội vàng xoa một lớp phấn, vội vàng sửa lại mái tóc, đón chờ người không hẹn trước.

Cánh cửa mở ra rồi khép lại vội vàng. Ngọn

đèn dầu mờ thêm. Và tấm màn hoa buông xuống. Chỉ còn những tiếng rì rầm đứt đoạn. Bên ngoài chiếc xích-lô máy nổ vô tư. Lộ châm một điếu thuốc lá rồi cho xe chạy.

Vậy mà hấn và Lim là một đôi tình nhân. Hấn không phải chu cấp tiền cho nàng. Hấn chạy xích lô-máy và nhớ đến Lim là đủ!

Có lần Lim ngỏ ý về ở chung với hấn, chấm rút sự làm việc ban đêm và hai người ích kỷ thật sự. Nhưng hấn không có ý kiến gì cho Lim, và mọi việc lại tiếp diễn không ngăn cấm. Hấn vẫn tiếp tục đưa về cho Lim những người khách, một điếu thuốc được đốt lên trước khi xích-lô máy chuyển bánh, hấn đi không bận tâm gì.

Có một buổi tối hấn đưa về một người khách. Người ấy là Hy.

Cánh cửa lần này không khép ngay lại. Nàng nhìn Hy khác hơn mọi cái nhìn. Hy không sỗ

sàng và cũng không cảm lạnh. Hy nhẹ nhàng ngồi xuống ghế. Lim nhìn thấy ở Hy một tâm hồn chân thật, dễ dãi và bao dung, ở ngay đôi mắt và ở ngay cái cử chỉ ngồi xuống của Hy. Lim tin được như vậy.

Hy thì yêu ngay Lim, yêu cái bặm môi, yêu cái chớp chớp mắt của nàng. Lim bẻ tay kêu răng rắc đứng im trước mặt Hy.

Hy dịu dàng:

– Mình nên để cửa ngõ nói chuyện.

Lim gật đầu ngồi xuống ghế cạnh Hy:

– Người nào cũng muốn khép ngay lại. Chỉ có anh mở toang ra.

Hy cười bằng tất cả các giác quan:

– Thật à? Ở nhà anh vẫn mở toang ra như thế!

- Nhà anh khác.
- Khác gì, mở để chờ.
- Chờ ai?
- Em.

Lim cảm động, tuy nàng đã nghe biết bao người nói thế.

- Em bằng lòng mở toang cửa thế này chứ?

Lim gật đầu:

- Tại anh cả.
- Và có thể phải mở mãi mãi không cần che đậy.

Nửa đêm đó, Lộ chở một người khách nữa tới nhưng cánh cửa mở toang, đèn vẫn sáng, Lim thì không còn ở nhà.

Hy đã đưa Lim ra khỏi ngõ để về nhà anh. Cửa nhà Hy mở đón Lim vào. Và cửa tâm hồn hai người cũng mở rộng để nhốt nhau vào trong. Mỗi tình thật tâm thường đắm thắm.

* * *

Lộ vẫn đến chơi với hai người. Hấn không có ý nghĩ gì về cái gia đình nho nhỏ ấy. Mà hấn cũng không có ý nghĩ gì về người con gái trong ngõ tối ngày nọ. Hấn chỉ là người bạn dửng dưng.

Nhưng Hy có đôi khi tưởng rằng Lộ đi giữa hai người. Còn Lim thì nàng cho rằng Lộ là người tốt, trước kia Lộ đã giúp đỡ nàng những cái bản thủ cần thiết.

Sau hôm Lim về với Hy, Lộ đến tìm Lim và nói với nàng lúc này hấn rạo rức.

Mọi khi thì Lim tươi cười sẵn sàng trả hấn. Lần này nàng tư lự chối từ:

– Anh giúp đỡ Lim hơi nhiều.

– Đúng thế.

– Nhưng anh có thể giúp Lim một lần nữa

...

– Đúng thế.

– ... Lần chót. Lim lấy chồng rồi.

Lộ à một tiếng, gật gật đầu mấy cái:

– Em yêu thật?

Lim cũng gật gật đầu mấy cái. Cười.

Lộ cười theo. Chiều hôm sau Lộ mời vợ chồng Lim đi ăn cơm. Rồi từ đó, mỗi chiều chủ nhật Lộ thường ăn cơm chung ba người và hẳn không bao giờ nhìn Lim nữa. Hẳn thản nhiên với Lim như thản nhiên với những người khách đi xe hẳn. Có bao giờ nghĩ tới những người

đã đi xe mình? Có bao giờ nghĩ đến người đã chung sống với mình? Hỡi những người yêu nhau như sinh nhai! Hỡi những người không sống với nhau bằng tâm hồn! Thì chỉ một câu nói của Lim làm mọi việc thay đổi. Một câu nói khe khẽ đủ để tâm hồn Lộ trở về với hấn. Hấn chợt là người có được tình cảm.

Câu Lim nói là lời vô tình, là lời tự nhiên, nhưng đã làm Lộ buồn. Có một lúc hấn khám phá ra là hấn yêu Lim. Sau đó hấn ghen. Hấn giận Lim lắm. Hấn cho rằng Lim tàn nhẫn dễ thay đổi, Lim không còn là người con gái trong trắng như hồi là người tình hấn trong ngõ hẹp.

Hấn nhớ mang máng, có xách búa đến nhà Lim. Và lén vào buồng tắm.

– ... về bây giờ còn phải tắm cho anh ấy. . .

* * *

Báo hàng ngày có đăng tin như thế này: “... theo bản cáo trạng thì hung thủ có vật lộn với nạn nhân và có lẽ hắn đã bị nòng đập mảnh gỗ đập phuy nước vào gáy lúc hắn cầm búa bổ xuống. Đầu nạn nhân vỡ còn gáy hắn sưng to. Hung thủ bị bắt khi chưa tỉnh ...”

Lộ không hiểu gì nữa, hắn điên lên. Lim chết rồi! Chết chả ra làm sao cả. Hắn uống say mềm cho quên hết những điều vô lý đó. Nhớ gì bây giờ, thắc mắc gì bây giờ trong khi hắn không biết suy tưởng và không còn người yêu. Hắn ăn, hắn uống, hắn ngủ, hắn chơi bời như một con heo. Hắn là một tử thi cựa quậy. Hắn là một xác chết chưa thối.

Hy cũng không còn tình yêu. Anh cũng chả hiểu gì nên anh cũng chả buồn suy tư nữa. Trong tù, anh gục đầu xuống ngực ngủ rưng rức không biết rằng những mùa xuân bên ngoài qua đi, qua đi.

Trong này hay ngoài ấy thì có hơn gì người
đã chết.

THAO TRƯỜNG

MÙA XUÂN CĂN GÁC ĐẦY NGƯỜI

VƯƠNG TÂN

ĐỨNG trước vũng nước mênh mông
Nghĩa cau mày bức tức. Đêm hôm
qua nước đã vào nhà chàng mang đi mất mấy
đôi guốc, ai ngờ chiều nay nước lại ngăn đường
chàng về nhà như thế này! Chiều thứ bảy phải
đi làm, ngồi trong căn phòng ngọt ngọt đến tức
thở với những sổ sách kế toán, Nghĩa cúi kính
vô cùng. Nghĩ đến những chiều thứ bảy cùng
lũ bạn lang thang trên đại lộ đầy áo màu, ngợp
mùi nước hoa, chàng chỉ muốn thôi việc.

Nhưng rồi Nghĩa đã dần được sự tức giận, chàng rùng mình nghĩ lại những ngày không có sở làm phải đi vay tiền bạn bè rồi vào thư viện hoặc ra sở thú ngồi cho hết ngày để đóng kịch với gia đình như vẫn đi làm như thường, tất cả thật buồn chán.

Một chiếc xe đạp vút qua, nước bắn tung lên, Nghĩa cúi đầu nhìn xuống chiếc quần trắng lấm tẩm nước bắn, chàng phẫn nộ đầy ngực.

– Ê . . .

Gã con trai đi xe đạp thấy Nghĩa gọi quay đầu lại mỉm cười, rồi đạp xe nhanh thêm. Trời buổi chiều đứng gió, oi bức ngọt ngọt và nắng vẫn chưa hết gắt. Sự bức tức tràn đầy, Nghĩa văng tục một câu rồi lùi lại bước lên thêm một căn nhà ven lộ, cúi xuống vén quần cởi giày, bỗng chàng cảm thấy thèm muốn một chiếc xe đạp. Cởi giày xong, Nghĩa nhỏ nước bọt tỏ ý khinh bỉ ước muốn tầm thường của mình.

– Thầy này kỳ quá, làm dơ hết “trơn” hè nhà tôi.

Nghĩa im lặng và ném một cái nhìn hằn học về phía người đàn bà. Rồi tiếng nói the thé của người đàn bà khiến chàng buột mồm nói một câu tục tĩu, không chủ ý. Người đàn bà càng to tiếng và ở trong nhà đi ra một gã đàn ông mặt đỏ như tôm dậu. Nghĩa biết mình vô lý, một tay sách giày một tay vén quần lội nước đi về nhà thật nhanh. Nghe to tiếng ở đầu ngõ, mẹ Nghĩa và cô em gái chàng ở trong nhà chạy thốc ra. Khi nhận thấy vợ chồng người đầu xóm chửi người thân của mình, mẹ và em Nghĩa trả lời chống đối ngay. Nghĩa cúi đầu bước vào nhà, trèo lên gác. Căn gác mái tôn, trần lá gồi nóng như một lò lửa nhưng Nghĩa không có một cảm giác nào và chàng nằm ườn ra chiếc chiếu rải trên mặt sàn, chỗ chàng vẫn ngủ ban đêm. Tiếng cãi nhau ở đầu ngõ thêm gay gắt. Nghĩa nằm bất động trên sàn gác, chàng nghĩ tới những trận chửi lộn và đập nhau thường xuyên trong hẻm này.

Nhà Hai thợ nề hay có chuyện sổ sất vào khoảng mười giờ tối, giờ mà đài phát thanh thường có hát tuồng, thiên hạ đổ xô ra chiếc máy phóng thanh của phòng Thông tin đầu ngõ, nên ít ai để ý đến sự lộn xộn trong gia đình hần. Hần uống rượu say rồi đánh vợ, vì vợ hần mang tiền đi đánh bài cào, ăn nem nướng và quên mua đồ ăn nấu cơm cho hần ăn.

Ngày nào cũng thế, Hai thợ nề đánh vợ chán rồi ra tiệm ăn cơm và lăm lũi trở về đi ngủ để sáng hôm sau lại đi mần. Đến trưa hần mang tiền về cho vợ, tối lại tái diễn tấn bi kịch hôm trước.

Nhà Tư xe buýt trái lại cãi nhau đánh nhau rất khuya. Thường thường cứ mười hai rưỡi, một giờ vợ Tư xe buýt đi bán vịt lộn trở về là gây sự với chồng. Câu truyện thường xoay quanh những người con gái. Nếu chồng mà lên tiếng thì mụ đả liên, mụ vừa đánh vừa kêu làng nước; giờ này khuya quá nên hàng xóm láng giềng cũng im lặng và không can thiệp.

Vụ đánh lộn diễn ra khoảng mười lăm phút rồi chấm dứt.

* * *

Trong giấc ngủ nặng nề và mệt nhọc Nghĩa thấy mình trèo lên cầu, – chiếc cầu vòng cao vút – chàng đứng tựa vào thành cầu và nhìn xuống công viên cạnh bờ sông sát chân cầu. Công viên lúc ấy vào buổi chiều đầy gió mát và bóng râm, những hàng ghế đá hỗn nhiên, những cặp tình nhân âu yếm tươi vui và dòng sông thì đầy nước. Nghĩa mỉm cười, chàng vừa thoáng thấy cô gái hàng xóm bé nhỏ hằng ngày vẫn mặc đồ bà ba trắng đi học, khởi hành một lúc với chàng và đi cùng đường một quãng dài theo dọc bờ sông, khi vào tới thành phố mỗi người một ngã. Cô gái đang nhớ như đùa nghịch với lũ em bên một bãi cỏ, bộ bà ba trắng trông thật mát mắt. Tâm hồn Nghĩa lâng lâng, mặt sông rộng, trời xanh hiền dịu và con đường vắng vẻ, tất cả lồng lộng một vẻ đẹp mộc mạc. Nghĩa cúi đầu, chàng ao ước có được

một người vợ như cô gái mặc đồ bà ba trắng, ý nghĩ đỏ làm Nghĩa mỉm cười.

* * *

Một chiếc ô-tô ngừng lại ở ngã tư lúc có đèn đỏ báo hiệu. Nghĩa qua đường chậm rãi, chàng đi giữa hai vạch sơn trắng. Không khí buổi sang chủ nhật ồn ào, trời nắng to và đứng gió, những thân hình mềm mại ẩn trong những lớp áo màu, những dáng đi thướt tha, tất cả làm ngợp mắt. Gã bạn Nghĩa, mặt vuông đầu hớt cao, bước lên tới vỉa hè nhăn mặt:

– Chúng mình vô lý thật, đi chơi chẳng có mục đích gì hết mà mỗi cả chân.

– Không làm như vậy thì làm sao tiêu hết được những ngày tháng trống rỗng này... À mày có ngửi thấy mùi gì không? Mùi Chanel, mùi Nuits d'orient thơm quá đi thôi.

– Lại nhớ người yêu hử?

Thành cười to và mắt tròn tròn:

– Tao ngán tụi con gái quá, chúng thật tầm thường và nhỏ mọn!

Thành nghĩ tới khu nghĩa trang Bắc-việt. Những buổi đẹp trời Thành và Hảo đi sóng đôi trên con đường rêu phong nằm dưới rặng thông cao vút, chung quanh cỏ úa đìu hiu. Gió thổi mạnh tà áo vàng của Hảo cuốn lấy người Thành. Bỗng nhiên Thành hỏi:

– Tại sao Hảo lại yêu anh?

Hảo cười, hàm răng trắng bóng phơi giữa đôi môi mọng đỏ:

– Hảo yêu anh, vì tụi bạn Hảo đứa nào cũng có “bồ”, Hảo không có ai nên yêu anh!

Thành nhú mảy, gần đấy có tiếng động cơ ầm ầm nổi lên, một đoàn phi cơ vừa cất cánh và tiếng máy gào lên xé không gian.

– Á Vân cho rơi Tâm rồi đi lấy chàng Thống thật lạ . . .

– Em thấy Vân như thế có lẽ hay, lấy Tâm thì tầm thường cuộc đời mình đi chứ ích gì.

Nghĩa và Thành đang đi đứng sững lại, bờ sông ở trước mặt. Dòng sông đầy nước và gió hiu hiu mát. Mấy chiếc thuyền chài lượn đi lượn lại, đôi ba cái xuống máy ngược xuôi làm sóng vỗ vào bờ rồn rập. Nắng trong như thủy tinh.

– Tao có cái vé số tìm đâu được tờ báo bây giờ?

Nghĩa vẫn cứ cái vô lý, tự nhiên nói một câu cộc lốc như vậy rồi im.

– Lại hàng bản xổ số.

– Trúng số một cái cũng hay đấy nhỉ.

Buột mồm nói rồi, Nghĩa mới thấy câu nói của mình thật ngu si. Cuộc đời cứ cái điệu trông chờ, cậy mong này thì chẳng mấy chốc mà chàng sẽ bị đập vùi sinh thối...

Hai người lặng lẽ trở về phố Tự Do và thân thể mỗi rã rời. Những ngày cuối năm nghỉ việc thật buồn. Đi qua một tiệm giải khát quen thuộc, Nghĩa bỗng thấy nhớ không khí âm nhạc và đàn bà cùng những chiếc bàn « tin » ngộ nghĩnh. Nhìn vào tiệm nước Nghĩa bắt gặp cô gái chiêu đãi mỉm cười — người con gái có một hồi chàng say mê. Nghĩa cúi đầu lặng lẽ đi bên bạn. Hè phố chan hòa nắng và cổ Nghĩa se lại, Thành cũng không hơn.

– Vào thăm Monique mày.

– Ừ thì đi.

Hai người ghé vào tiệm sách của thành phố và liếc qua mấy tờ báo mới. Cô gái bán hàng người Âu thật dễ thương. Xem qua vài cuốn

sách mới tới bằng đường hàng không, những con chữ xinh xắn ngoạn mục, chiếc bìà trình bày trang nhã và mùi giấy sếp thơm phức.

* * *

Tối hôm chủ nhật, Nghĩa và Thành cùng mấy gã bạn đi chơi đến mười hai giờ đêm. Chiếc số trúng năm trăm đã được bán lại lấy bốn trăm rưỡi. Món tiền nhỏ mọn đó biến thành một bữa cơm Tây linh đình.

Nghĩa trèo lên chiếc cầu – chiếc cầu vòng cao vút hàng ngày chàng vẫn đi qua – rượu đã ngấm vào mạch máu, Nghĩa choáng váng bước từng bước dài trên bậc tầng cấp. Mùi nước hoa và mùi đất ẩm xông lên nồng nặc, Nghĩa khó chịu hin hin mũi hắt hơi một hồi dài.

Tới mặt cầu Nghĩa thở mạnh. Trăng hạ huyền đỏ ạch, trời mờ mờ sương, ánh điện lẫn vào ánh trăng huyền ảo, dòng sông nước

rút hai bên bờ trơ bùn đen xám.

– Đời cú thế này kể cũng hay.

Nghe Thành nói Nghĩa mới chợt nhớ ra mình còn có một người bạn đi bên cạnh. Ngại về phải gọi cửa phiên phúc Thành đã theo Nghĩa về ngủ nhà. Những đêm như thế Nghĩa thấy mình hoàn toàn sung sướng. Chiếc cầu hoang vắng, hai người đứng tì vào thành cầu im lặng, dòng sông đen kịt và sâu thăm thẳm đang chảy xoáy chân cầu.

– Tao chán quá rồi, mày còn nhớ đêm xưa không?

– Im mày, đêm đẹp như thế mày nói làm gì chuyện quá khứ ấy cho thêm buồn.

Thành nghĩ đến những đêm lần mò trong vùng đại trắng:

– Mày định cho tương lai những gì?

– Không có gì hết!

Nghĩa thường nghĩ đến tương lai bằng tất cả đau khổ của đời người, nhưng hiện tại còn trống rỗng thì làm sao giải quyết được tương lai cơ chứ. Thành nhớ lại buổi trưa hôm trước, Thành chở Phong bằng một chiếc xe đạp trên con đường đầy nắng, Thành ngồi đạp và Phong ngồi đằng sau đến nhà một gã bạn để thảo luận về tương lai. Căn nhà một tầng nằm giữa đám nhà đồng hạng trong khu nhà rẻ tiền là nơi chàng thường gặp gỡ thảo luận. Đề tài hôm ấy mà Thành với các bạn thảo luận là cái chết của một thằng bạn. Phúc vì bệnh lao, bệnh lao do nhà tù và gái điếm gieo vào người Phúc. Cả bọn ngồi xếp bằng trên manh chiếu và mâm thịch chó.

Mở đầu cuộc thảo luận mọi người đi tìm trách nhiệm về cái chết của Phúc. Tất cả đồng ý đổ tội cho lịch sử và những bạo hành của nó. Riêng Thành cho Phúc có một phần trách nhiệm và bạn bè đáng lên án. Câu chuyện căng

thắng, cuộc tranh luận thành cãi lộn rồi suyết hóa ra đánh lộn. Cuối cùng bữa thịt chó không rượu chấm dứt và mọi người đồng ý trách nhiệm về tất cả.

Phong vẫn ngồi đằng sau xe đạp Thành, chiếc xe đạp đi chậm như một chiếc tàu lặn đường rồi ì ạch leo lên dốc cầu Kiệu. Thành thở hồng hộc và xoắn mãi chân ra đạp xe, mắt chàng hoa lên, cảnh vật nhờ nhờ một màu trắng.

– Thế nào, về chứ máy?

Nghĩa là nhè hỏi Thành rồi vạch quần đi tiểu xuống bờ sông.

Ánh trăng hạ huyền thêm bí mật, sương xuống nặng hạt, sao nhấp nháy sáng, ngoài cửa sông mặt nước long lanh huyền ảo, xa xa những bóng cây chập chờn bên bờ kia.

– Ủ thôi, ta về kénh một cái có lẽ hay.

– Những lúc tỉnh rượu tàn canh này tao nhớ thằng Nguyễn quá đi thôi...

Hại cái bóng lêu đêu quàng vai nhau đi trên cầu, gót giầy gõ xuống mặt đường tạo nên những âm thanh giòn dã nghe nhức óc. Không gian nín câm, những chiếc thuyền dưới sông đèn tắt ngấm, những dãy nhà trên bộ tối om, một vài con chuột đi ăn đêm chạy lằng quăng trên mặt đường. Hai bóng cúi đầu đi...

– Tức bỏ mẹ đi ấy, im lặng là cái quái gì?

– Mà còn dám hành động không?

– Sợ gì? Tương lai kia là ở tay chúng mình.

* * *

Đêm giao thừa căn gác mái tôn nhà Nghĩa đầy người. Hơn một chục người bạn của Nghĩa đi chơi tất niên trở về nhà cháy phải đến tá túc nhà Nghĩa. Sàn gác được trải thêm chiếu.và

mọi người nằm lăn ra ngủ.

Phong và Thành thao thức, Nghĩa nằm yên suy nghĩ, bóng tối đầy căn phòng. Mấy cô gái điểm sát vách thì thầm chuyện trò, giọng họ trong và ấm. Phong lắng tai nghe, câu chuyện bên kia vách như từ một thế giới nào văng tới. Phong nghĩ tới Ngà, cô bạn gái ngày xưa mà chàng thầm yêu. Ngà đã sống quá độ, nàng dám đổi xác thịt lấy những tờ giấy bạc, đến khi gặp lại chàng nghe chàng ngỏ lời cầu hôn và Ngà tự tử chết để giữ trong lòng trọn vẹn tình yêu của chàng.

– Chúng mình cứ thế này thì ngày một văng đi mà ỷ nhỉ?

– Bệnh tật nó ta phải biết ghê lắm.

– Sang năm mà ỷ định thế nào?

– Có lẽ tao đi Lào.

– Tao lấy chồng.

– Thôi can « bồ », nghe mấy thằng ấy làm sao được.

Phong cười trong bóng tối và vỗ vai Thành:

– Ngủ nhanh thế mà nghe các đào nói chuyện hay quá! Chúng mình khổ vì đàn bà . . . Đào ấy ghen đến đốt nhà vợ lẽ của chồng khiến mình bị cháy thành vạ lây, thật oan ức quá.

Thành hình dung lại cảnh hỗn loạn của một đám cháy đạo nào, lửa ngút lên liếm từng mái nhà, người nhốn nháo gọi nhau ới ới, kêu khóc như di. Thành bật cười nghĩ tới căn nhà của mình trong đám cháy lúc tối, căn nhà thân nhiên ngang tàng chờ ngọn lửa đến thiêu hủy.

Nghĩa ngủ thiếp đi, câu chuyện chàng chứng kiến buổi chiều trên đại lộ hãy còn ám ảnh. Cô gái áo bà ba trắng đã đổi lốt, chiếc áo

màu rực rỡ và phần son lòe loẹt đã làm cô gái hồn nhiên xấu đi rất nhiều. Đám cháy bốc lửa từ đầu ngõ tràn vào, tràn mãi vào, từng căn nhà bị lửa kéo sụp đổ, một màu đỏ khủng khiếp tô sẫm nền trời đen tối. Chân tay Nghĩa như cứng lại, chàng cố vùng, vùng mãi lên nhưng có một cái gì rất nặng kéo chàng xuống và đè nặng lên người chàng. Cô gái áo bà ba trắng mắt to và tròn đang đứng giữa đám cháy, lửa như có người tưới thêm dầu, bốc cao, không khí ngột thở tấm tức, thán khí bay mù.

Nghĩa thu hết sức để co chân chạy, đằng trước mặt chàng con lạch nước rút đặc bùn hội hám. Nghĩa phóng mắt xuống dòng nước chảy, những cây gỗ cọc nhà bên kia sông đứng chờ vơ thật buồn nản, dưới gầm các nhà sàn những con chuột thản nhiên kiếm ăn. Lửa đuổi Nghĩa và con lạch tàn nhẫn thì nằm im. Nghĩa đi vào chiếc cầu tiêu công cộng trên bờ lạch, đằng sau chàng lửa vẫn đuổi.

Nghĩa tỉnh giấc ác mộng lúc ánh đèn điện trong đường hẻm đã ngả sang màu đỏ kịch, người chàng ướt đầm mồ hôi và ớn ớn lạnh. Nghĩa đảo mắt quanh căn gác, các bạn bè chàng đều yên ngủ, mặt người nào cũng rất thản nhiên, căn gác đông người có vẻ ấm cúng lạ. Ở dưới nhà có tiếng động lịch kịch, Nghĩa nghĩ đến giấc ngủ đây chàng vẫn định dành cho buổi sáng hôm nay. Chung quanh chàng hoàn toàn tĩnh mịch, tiếng trẻ nhỏ, tiếng rao quà đều êm ắng. Hình ảnh bát phở sớm mai đến xâm chiếm trí óc chàng.

Không khí buổi sáng lạnh sương, đèn điện còn ngái ngủ như gọi lại trong Nghĩa hương vị của bát phở đầu tiên trên một ngả phố vắng nào đó của thủ đô miền Bắc. Một vài tiếng pháo nổ rời rạc cắt đứt ý nghĩ của Nghĩa, thoáng trong không khí có mùi khói hương thơm ngát.

VƯƠNG TÂN

THƠ CHO HELENA OKAVITCH

He-le-na chưa nghe anh nói quê hương

Những sáng mùa đông mưa dầm gió thổi

Nghe trong da đau xót từng cơn

Người làm sao đã sống trọn đời buồn

Anh chưa nói khoảng đồng cỏ cháy

Đường khô cằn thán hạ trăng khuya

Nghe tiếng vông của đời anh dĩ vãng

Khoảng đất làm sao từ những mảnh ve chai cũ

Những rác rưởi ống bơ bãi cỏ

Làm thế nào thành phố mọc lên

Làm thế nào khoang đất ấy buộc chân

Và hồn anh mỗi lần anh ruồng bỏ

Em làm sao mà hiểu

Một sáng kia anh tỉnh dậy tình cờ

Nghe bên tai một tiếng chân đi

Tiếng xe điện lên đường ngoài lộ

Em không biết tại sao anh đau khổ

Như thịt da to nhỏ tiếng đồng bào

Và làm sao trong những giấc chiêm bao

Anh chỉ thấy những nhà hoang lối tối

Những mặt buồn rũ rượi già nua

Trong mê sảng còn nghe tiếng nói

Những giọng này chầm chậm vào tim

He-ne-la gọi Pra-gơ không khóc

Bởi vì sao nào biết bởi vì sao

Thành phố ngủ đêm dài hấp hối

Ngựa nhọc nhằn từ đó mà đi

Chừng em cho hẵn sự tình cờ

Lòng cảm động ngực tim hồi hộp

Ở quê hương từ nghĩa địa tha ma

Sao réo gọi hồn tôi không hết

Người còn sống đây hay đã khuất

Tôi nhìn mặt này đã gặp hay chưa

310 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Nghe tiếng nói bỗng tay vồn vã

Mắt vui mừng môi đợi ngạc nhiên

He-le-na em có biết không

Giọng ca đó anh viết ra khi trước

Anh vừa nghe ai hát bên kia

Hồn rung động anh nào nói được

VÀ CUNG TIẾN

Nhạc của hồn ta phải không

Hay của những đêm

xa gia đình nhớ điên cuồng

Mỗi một bóng cây là tiếng thì thầm bạn hữu

Nhạc của hồn ta hay nơi đây của đêm sao đầy
mắt

Đây linh hồn

Ôi đêm tĩnh dậy nghe

trong khuya yên lặng nên

giọng lời nghe từng tiếng

Em nào có biết đâu

Mỗi giọng nhạc của anh hay của bạn anh

Đều nói những ngày mai chưa đến

Em nào tin sự êm đềm

và đau khổ ngày qua

Như chẳng tin đời ta

Có hai kẻ đọa đầy

Bằng lên tiếng thay cho người khác

HÀ NỘI

Em cười vui thật không

Nghi mắt kia gian dối

Sẽ buồn mai biết đâu

Trong mi đầy tiếng lệ

Em cười vui thật không

Cho hôn trán ngày thơ

Hắn thấy sự buồn này

In hằn lên trán đó

Hai mươi năm than ôi

Khóc đời tôi tuổi trẻ

Hay em đi muôn năm

Không trở về Hà nội

Em cười vui thật không

MỘT ĐÊM Ở SYDNEY

Người thủy thủ già qua đây

Nằm tù đêm giáng sinh với tôi

Những giờ đêm tăm tối

Khuya không ai ghé thăm

Như bờ biển xa không đôi mắt nào

Có rất nhiều tâm sự

Xin Thượng đế nhìn tôi cùng rượu đỏ

Ngày phán xét bao giờ

Tôi sẽ ngủ với em hay sẽ quên

Nhưng đừng hôn tôi như thế

Tưởng vì tôi phiêu lưu không xót thương

Hay tôi chỉ thương em

Vì đã nằm trên vai tôi nức nở

PHẠM NGUYỄN VŨ

Sydney 12-58

ĐỐI THOẠI

Gửi Th

nhân vật

Sáng khuya đô thị hai giờ

Những mớ tóc yêu tinh xòa ngõ hẻm

Những bước chân giầy rộn rã

Rộn rã trong tim

căng thẳng. Và những điểm lập lòe thuốc lá

Rồi rộn rã. Rồi câm im

Rồi những thì thâm nhày nhựa

Nhưng trên kia là giải ngân hà như lụa

đôi mắt

Và chúng nó làm đầy khối không gian nhỏ

Bằng đủ loại hơi hữu cơ

Cười phì hơi dạ dày tròn mồm

Ngây dại điên cuồng bệnh hoạn là

những cặp mắt sờ

da thịt em tàn nhẫn

Ngạo ngễ như thiên thần

Em thuộc về anh em không thuộc

về chúng nó

Em đoán — bằng và qua đôi mắt

Bằng sự vắng mặt của anh

Rằng có thể người ấy vừa nhắm mắt

Hoặc có thể đang nằm bệnh viện hoặc

có thể có thể chẳng có gì

Nhưng một sự thật em chắc chắn

là em muốn cắn anh vì sự

anh thờ ơ

nhân vật

Đôi mắt dụ ăn-sâu-vào-trái-tim

theo đuổi chập chờn như một sợ hãi

Những cửa sổ đen ngòm thì thâm

318 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Kể kể những sa đọa thường xuyên

Chứng kiến ở mỗi

sáng khuya đô thị hai giờ

Cột đèn nghiêm trang sao không nói

Cây reo lãnh đạm sao không nói

Và cầu dài cầm bóng nhà cao đồ

im lìm và vườn hoa và ghế dài và

thêm nhà và

Tại sao không nói. Xin

cúi đầu van lạy đừng ruồng bỏ

Bởi biết rằng sáng mai khi mặt trời

về các người sẽ

thân yêu và tha thứ

đôi mắt

Em thề em không thuộc về chúng nó

Thương hại những mớ tóc vàng

mềm óng bông bênh gió biển là

những thủy thủ Noël lần đầu bến lạ

Và mỗi ngạc nhiên nhạo báng vô tư

Bởi những sợi tóc giả những cánh tay già

Quàng xiết bằng một đam mê lạnh

Những con mắt bốc hơi những bụng tròn

Không thở những thuốc lá quên hút

những toan tính nhày nhựa

320 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

và vài bàn trắng rượu đỏ lênh láng những

– Chắc nền nhà đang lung linh

Mẹ và các em đang cầu kinh

Thân thể em biết phút này thôi không huyền

diệu nữa phải không anh

Nhưng còn anh em biết em

sẽ cần anh vì sự anh thờ ơ

nhân vật

Cửa sổ đen ngòm cười mai mỉa

Đường âm tiếng giày khô

Nhạo bóng

Và trên kia là giải ngân hà như lụa

Sao rơi vào mắt vào tâm hồn như mưa

Phố rộng. Cây vắng mặt. Cột đèn bỏ quên

Hai điểm sáng long lanh tinh nghịch cầu xin

làm nhói trái tim

Trên cầu bóng loạng choạng

một thủy thủ già trên môi vừa chết đi

khúc ca chiến thắng của bản năng

Không không trăm lần không

Và sương này mưa lò cửa sổ

Gối trắng mờ sáng – đêm – chờ đợi thân yêu

Bàn ghế hòm tử sách vở chạy xô êm đêm thăm
hỏi

Và những trang vàng

322 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Và tận cùng một quyển sách là

điểm mong manh một chân lý

XII-58, Sydney

THẠCH CHƯƠNG

RỒI, CHỜ NỮ

DƯƠNG NGHIỄM MẬU

Về đến đầu ngõ thì tôi chia tay Thùy anh ta lặng lẽ cúi đầu rồi vượt sang bên kia đại lộ, tôi quay trở vào lối ngõ. Ngọn điện trước dãy nhà thấp vàng lay động và ánh sáng thay đổi trên những vùng nước đọng đầy trên lối đi. Tôi về hơi trễ. Vào nhà, tôi tháo bỏ đôi giày ở chân cầu thang rồi lần lên gác. Hùng đang ngồi đọc một trang sách, tôi thừa biết đó là cuốn sách gì. Hai đứa làm thỉnh như sự có mặt của nhau không cần thiết.

Tôi ngồi vào bàn châm hai điếu thuốc với tay đưa cho Hùng một điếu, những vệt khói mỏng bay trườn ra ngoài khuôn cửa nhỏ. Tôi lắng giọng hỏi Hùng:

– Sao hôm nay cậu không đi đưa đám Thành? Mình biết cậu nghỉ học ở nhà.

– Đi đưa à, có ích gì không? Chúng mày vẽ vờ lắm. Sống còn chả thể cho nhau lấy một bữa cơm hay nửa ổ bánh mì, đến khi chết còn nói chuyện đưa với rước, giả dối thì cũng phải vừa vừa thôi chứ. Tao, mày hay đứa nào đấy rồi cũng sẽ như thằng Thành, mày biết thế chứ?

Tôi không biết nói làm sao nữa. Chúng tôi đang sống với nhau những ngày chờ công việc. Hoặc mai hoặc kia, bất cứ lúc nào chúng tôi cũng muốn và có thể rời nhau để sống. Nhiều bữa nhịn đói nhìn nhau, nhưng chúng tôi im lặng và cho sự than van không xứng đáng, và lại chúng tôi cũng không biết than van cùng ai. Hùng bỏ cuốn sách rồi lên ghế nằm, nó nằm

xoay mặt vào vách, tôi chỉ trông thấy khoảng lưng hơi cong.

Tôi không muốn ngồi một mình nên tắt đèn rồi định lên giường nằm; khi ngoái cô ra khỏi cửa sổ lúc quay vào tôi thấy bóng mình in trên vách. Bóng tối lù lù xoay lưng lại lớn và choáng đầy một khoảng bỏ trống. Cũng đã nhiều đêm như thế rồi, tôi muốn đạp chân lên, muốn chửi lớn và đập tan cái bóng tối xoay lưng lại ấy. Có phải cuộc đời cam điếc xoay lưng lại với tôi như thế không? Rồi tôi chập chờn trong một giấc mơ hãi hùng: mẹ tôi bị bắn chết, cha tôi bị cầm tù và anh em, họ hàng thất tán mỗi người một nơi tìm kiếm không thấy. Tôi la hét và gập bầy sư tử. Lúc bấy giờ tôi không còn la hét được nữa. Con sư tử nhỏ nhất há miệng tôi áng chừng rộng độ hai gang tay. Lông nó màu vàng sẫm bết bùn, không có tai và chồm lên. Con thứ hai lại há miệng rộng chừng hai gang rưỡi, lông trắng đuôi cụt, nó cũng chồm lên. Con thứ ba há miệng rộng chừng ba gang tay, mắt mù, chồm lên. Con thứ tư không có

chân lao lên thật nhanh, thật nhanh. Cứ như thế, như thế hàng ngàn cái miệng lớn mãi lên, nhiều mãi ra. Những con mắt, những móng nhọn chồm lên nối tiếp như vũ bão, tàn ác. Tôi đếm mãi cho đến khi không thể đếm được nữa, rồi lịm dần lịm dần mà những con sư tử há miệng vẫn chồm lên. Đến nay, hơn hai mươi tuổi đầu tôi sống như vậy.

Tôi trở thức, còn đôi ba ngôi sao cuối mà những ồn ào của lối xóm, cái ồn ào xưa đuổi những vì sao đêm lặng lẽ cúi đầu. Tôi nhớ lại lời chị tôi: khi ngủ thì đuổi chân để nếu giấc mơ tàn ác đến có thể chạy được. Nhưng đã từ lâu những giấc ngủ lạnh buồn, lấm lũi trong số kiếp vẫn đến. Tôi nằm chưa bao giờ đuổi chân, thân hình co quắp trong những lần thức dậy làm tôi đau đớn. Bởi tôi ngủ co như vậy nên không bao giờ chạy thoát những con sư tử há miệng cứ chồm lên mãi chẳng? Thật tội nghiệp cho những ngôi sao bé mọn và lấm lũi kia để cho ban ngày đến phải chạy trốn, chạy trốn đến khi nào tự cho mình là thân phận muộn măn và

trôi nổi. Tôi muốn van xin sự vắng mặt nhưng chính tôi thường vắng mặt. Những trang sách cứ qua mãi cho đến khi đôi mắt nhú lại, cho khi đến bầu dầu vơi đi, cũng như những chặng đường, ngắn dần, lùi dần và cuộc đời lớn dần già dần, rồi tan dần đi. Tôi nghĩ đến những người đang ồn ào trong xóm. Những lúc tranh đua kiếm miếng có khi nào nghĩ đến cái thân phận làm người của họ không? Hôm nay họ xanh trẻ, thời gian sau họ già nua. Con cái họ lớn lên và già theo cùng những vui buồn, sinh tử, sợ hãi, chán ghét... rồi họ chết đi nhưng xóm nhỏ thì đông thêm, đông thêm mãi cho đến khi nào những người còn sống quên dần những người đã chết.

Cuộc sống ngày nay mất đi những tham dự của sức mạnh siêu hình mà người trước tin cần để sống. Nhưng có lẽ thái độ can đảm liều lĩnh ấy khiến cho chúng tôi đau đớn hơn. Chúng tôi không thể đổ lỗi cho ai được khi chúng tôi tự cho mình là Thượng đế.

Lúc tối bỏ khuôn cửa sổ lên giường, chưa ngủ được tôi thao thức nhìn lên đỉnh màn: những ánh sáng đan lên từng vệt nhằng nhịt như những mắt lưới, mà trong mắt lưới ấy tôi gần như khô cứng và mệt mỏi. Sự mệt mỏi li bì làm mất cảm giác ghê lạnh từ gáy và tôi lại vào một giấc ngủ mệt mê hơn nữa.

Mấy hôm sau tôi nhận được một chân kèm trẻ tại nhà một người đàn bà ở xóm Rạch. Người đó cho tôi ở một căn gác nhỏ bằng bốn chiếc chiếu. Nơi ấy nguyên là phòng học của hai đứa con gái bà ta: đứa lớn 11 tuổi, đứa nhỏ 9 tuổi. Chồng bà là người Ấn đã qua đời được hơn một năm. Hồi chồng bà còn sống, những đứa nhỏ này theo học một trường tiểu học Pháp. Nhưng bây giờ bà muốn cho chúng theo học trường Việt. Bà bảo:

– Không nói dấu gì cậu, bà cụ thân sinh ra tôi chỉ có một mình tôi thôi. Những đứa cháu phải được gây dựng cho cẩn thận, cụ tôi muốn thế.

Tôi bắt đầu những buổi học vào ban sáng.



Căn nhà đó nằm sát ngay bên một phố nhỏ toàn là người Ấn cư ngụ. Nhà có một tầng nhưng chủ nhân đã cho cất về phía sau một căn gác xép nhỏ. Giữa những mái ngói đen sạm và vòm cây cao của khu nhà yên tĩnh căn gác nhỏ vượt lên bé bỏng yên phận. Tôi kê chiếc bàn học cho hai đứa nhỏ về cửa sổ phía đông. Chúng tôi thường bắt đầu bài học vào lúc mặt trời lên độ con sào. Căn gác thật giản dị, tường trống trơn. Chiếc giường vải của tôi kê sát tường và gối đầu bằng một gói sách, chiếc va-li nhỏ để trên đầu giường. Ba chiếc ghế con ôm lấy ba mặt bàn bỏ trống. Những tường vôi vàng xăm đã cũ kỹ lắm. Trên những ô cửa sổ đã có rêu và vài thứ cây dại nhỏ mọc bám vào. Chúng tôi làm việc bình thường. Tôi ít đi ra ngoài. Rồi sau nghe lời khuyên của bà chủ – bà thường lên thăm tôi vào lúc sắp đi ngủ – tôi yêu cầu bà đánh thức tôi để tôi đi dạo ngoài công viên.

Những người Ấn thường cầu nguyện từ buổi tối cho tới khuya. Buổi sáng người đưa sữa tươi đạp xe đến sớm, đều đặn như một cái đồng hồ. Anh ta bao giờ cũng bấm chuông khoảng năm giờ làm tôi thức giấc và bà chủ cũng dậy khi đó. Tôi mặc áo cánh rồi trở ra công viên. Những ngọn điện đường đã tắt hết. Có ít người lác đác trên phố vắng.

Công viên còn vắng lặng, tôi đi trên những con đường rải đá cuội phủ ít nhiều lá khô mới rụng. Tôi tiến về phía những bệ gạch lớn trổ trên giữa bốn hoa màu tím. Những hàng cây xanh được cắt gọn gàng. Trong một khoảng vườn hình bầu dục có một giàn hoa giấy màu đỏ thắm, hoa rụng rơi bời. Một hố cát, nơi những trẻ nhỏ đến đây làm bánh, xây nhà. Tôi đi dạo một vòng công viên, những cánh hoa cuối mùa nắng gầy và khô khan tô điểm cho bộ mặt công viên.

Có hai người phu mặc áo đen đặt những nhát chổi đầu tiên khua buồn trên lối sỏi. Tiếng

kêu khô nhỏ và âm thầm. Bụi bay quần lên rồi lắng xuống. Người phu ngừng tay ngáp nhiều lần. Tôi nhớ về một câu chuyện thần thoại cũ. Tôi trở về khu vườn bầu dục, chọn tấm ghế đá gần nơi có hố cát. Tôi đọc trang sách bỏ dở của Hương:

“– Bà có thai?

– Bây giờ anh còn hỏi tôi như thế! Tôi là bà, tôi đã 40 tuổi. Còn anh? Anh 20 và cái thai ba tháng của hai người. Tôi không muốn nó là con hoang như tôi. Anh phải cưới tôi. Cưới tôi ngay bây giờ trước khi đứa trẻ ra đời.

– Không thể được...

– Anh hối hận đã ăn ở với một con đĩ thập thành 40 tuổi đầu sao? Nhưng hồi trước anh có yêu tôi không? Không yêu sao...

– Tôi van bà...

– Còn tôi. Anh cứ khinh tôi đi. Cuộc đời

cho tôi làm đi, bắt tôi làm đi, dù tôi có muốn trong sạch. Các người gây ra những các người khéo giấu bàn tay dơ bẩn của mình. Anh hối hận...

– Tôi van bà...

– Anh cần vào một thánh đường phải không? Anh cần một đấng cao cả, như Thượng đế chẳng hạn. Nhưng dù là Thượng đế cũng không bao giờ có thể làm được gì trong những vấn đề thuộc về con người cả. Anh phải cưới tôi. Đứa nhỏ ba tháng rồi. Nó sẽ mang họ anh. Anh họ Nguyễn, họ Trần, hay họ Đinh? Anh chạy trốn được sao? Anh không thể đi đâu được dù để nôn mửa.

.

– Anh có ý kiến!

– Không. Tôi không có ý kiến gì cả. Tôi muốn hỏi anh con người ngày nay đòi hỏi những cái gì trước nhất? Anh đừng vẽ ra một

dòng sông một ranh giới làm gì? Anh bảo tôi đứng ở bờ này hay bờ kia ư? Không thể như thế được.

.

Đừng nghĩ rằng đã chết, đang chết, hay sẽ chết mà tôi muốn hỏi anh: chúng ta bắt đầu ở chỗ nào? Chỉ có chúng mình mới có trách nhiệm về chúng mình, còn ngoài ra là thừa.

Dù chết bằng cách nào thì cũng hèn và một thái độ chưa đủ...”

Tôi nghe thấy một hồi còi xe lửa rúc ở phía xa trong thành phố. Người phụ già đã nghỉ tay quét đang ngồi ăn bánh mì. Tôi gấp cuốn sách của Hương lại.

Tôi nghĩ đến bạn bè mà thấy rỗng không. Hương nằm ở bệnh viện. Thu đi làm đêm cho một giàn nhạc. Hoài sửa bài nhà in. Toàn kèm trẻ. Hoành bỏ đi buôn ở biên giới. Vịnh chạy hàng xách và Thành mới chết hôm nào...

Chúng tôi bám lấy cuộc sống bằng những sợi dây mỏng manh nhất. Và tôi vẫn thường thầm hỏi: giữa một tình trạng như thế này sao mình không bỏ đi? Người yêu đã rời xa. Bà dì ghẻ tôi đã khuyên tôi lập gia đình. Chị tôi túng quẫn trong vòng bệnh hoạn và em tôi thì đã được gửi vào nhà tế bần; năm nay nó 13, học lớp nhì. Tôi không làm gì được cả. Tôi nhiều lần định vào nhà thờ nhưng lần lửa mãi chưa đi rửa tội. Công viên sáng hơn, có ít đứa trẻ ngoại quốc đánh đu ở phía bên kia. Tôi nhìn thấy những cụm tóc vàng óng rung lên.

Bất chợt tôi nhìn lại, nơi hố cát. Có đứa nhỏ đang giống cây chuối thẳng đứng. Đứa nhỏ mặc một cái quần cộc đen, áo cánh sọc xanh, nó hát nhỏ và trợn cả mắt, hai má phồng lớn giữ hơi, áo dốc ngược phơi ra cái bụng lép và cái rốn đen sâu. Gót chân sầy xám những dấu mỡ bần thiêu. Nó lộn nhào luôn mấy cái. Nó hát nhưng tôi không nghe rõ. Rồi nó ngồi xuống lấy tay bốc cát và đào nhiều hố, đắp nhiều mô nhỏ. Bấy giờ nó mới chú ý đến sự có mặt của

tôi. Nó thấy tôi chăm chú nhìn nó, nó cười thật dễ dãi.

– Để tôi cùng đào sông với em?

– Tôi không đào sông đào núi gì đâu. Tôi làm cái trại như ba tôi hồi xưa. Trước kia nhà tôi như thế đấy. Để tôi chỉ cho ông hay; chỗ này ao đình có sen, ba tôi giống nhẵn ở bờ. Bên này là vườn cau và giàn trầu. Cau trầu cho những đám cưới ông biết chứ? Chỗ này cầu ao, có lần tôi ngã gần chết. Ông không biết làm đâu.

– Sao lại không ?

– Hay là ông làm nhà của ông đi cho tôi xem với nào?

Tôi lúng túng. Tôi nào có biết nhà mình ở quê ra làm sao! Cha tôi bỏ đi Tân thế giới làm cao su từ năm tôi mới bốn tuổi. Tôi chả biết gì về quê hương cả. Tôi không thể nói dối mình được.

Có nhiều người tạo ra những giàng buộc với mình để sống; như giàng buộc với Thượng đế, với quê hương, với bốn phận, với tình yêu và máu mủ nhưng tôi thì mất đi gần hết những thứ ấy, dù có muốn tạo ra cũng không sao có được. Đứa nhỏ còn biết nhà của nó, nơi nó đã sinh ra và sống những ngày thơ ấu. Tôi chỉ nhớ một căn buồng nằm trong một dãy nhà ẩm thấp nơi đồn điền cao su. Những người cai tàn ác. Cơm hôi và ánh đuốc trong rừng cho những dòng mủ trắng. Tôi sống lên như thế và mất đi những ràng buộc cuộc đời, mất đi như những giọt cát ướt chảy khỏi những kẻ tay mỗi lần vớt lên ở biển.

– Ủ mà tôi không biết làm thật chú bé ạ!

Tôi trở ra về. Công viên buổi sáng ồn thêm một chút. Những cánh hoa tím rụng trên lối đi không còn nữa.

Về đến nhà tôi bắt đầu ngay buổi học. Những người Ấn đã mang vải đi chợ từ sớm.

Tôi ngửi thấy mùi nhang của người bán nhang đi qua cửa.

∞

Tôi gặp Hoài báo tin Toàn định cưới vợ và Long đã vào lính.

– Muốn trong sạch thì chỉ nên biết một người con gái mà thôi.

Tôi thêm:

– Hay không biết người nào lại càng hay.

Hoài đưa thuốc cho tôi hút. Bàn tay Hoài cháy khói, đôi môi nhợt và khô se.

– Mình định đi xa.

– Ừ đi đâu thì đi.

– Dĩ nhiên thuộc về mình.

– Khi nào thôi nghĩ đến nhau lại càng hay

nữa. Ở đâu mà chả vậy. Có chạy đằng trời con ạ. Thân mới chả phận...

Buổi chiều rưng rưng. Chúng tôi đi với nhau một lúc lâu và nhắc đến những người bạn vắng mặt. Có tiếng hát nhỏ ở ngoài khuôn cửa « que sera. . . sera »... Điệu nhạc cho tôi những ý nghĩ buồn. Tôi nhìn lên bầu trời, bóng tối nhá nhem trên những ngọn cây.



Tôi trở ra công viên như thường lệ thì đứa nhỏ đã đến hố cát. Nó lại giống cây chuối, lộn nhào rồi hỏi :

– Sao ông không đắp nhà?

– Tôi không biết đắp em ạ!

- Ông không ngạo tôi chứ? Hôm qua tôi còn quên ngồi ở gốc cây bàng nơi tôi thường ngồi câu buổi trưa nhìn chuyến tàu về quê ngoại thú lắm, giá mà tôi cưới vợ rồi...

– Cưới vợ? Em còn bé mà đã cưới vợ sao!

– Có chứ. Ông tôi bảo: vợ tôi như chuyến xe lửa về quê ngoại ấy. Tôi tiếc rằng chưa cưới vợ. Để bao giờ cưới tôi sẽ cưới vợ to và dài hơn nữa. Như thế tôi sẽ cho được nhiều người về quê ngoại tôi chơi.

Tôi khẽ cười về một ý nghĩ ngộ nghĩnh.

– Ở quê ngoại tôi mùa nào thú ấy. Nhãn, ôi, hồng... thôi đủ thú. Ông có quê ngoại không, chắc quê ngoại ông đẹp lắm nhỉ?

Đứa nhỏ lộn nhào nữa. Cát bay mù. Tôi dụi mắt như muốn khóc. Mẹ tôi chết sớm nên không ai cho tôi biết quê ngoại ra sao. « Vợ là một chuyến xe lửa về quê ngoại », là những niềm thân yêu tha thiết với quê hương. Và nếu như thế chắc đứa nhỏ sẽ còn đòi cưới nhiều vợ cho nó để được về quê ngoại luôn. Đứa nhỏ đáp lại nhà. Tôi giúp nó giống thêm một giàn hoa tím, và xây một con đường bằng đá trắng để khi tôi về thăm được sạch sẽ, mùa mưa không sợ lầy

lội. Tôi định sẽ đào thêm một cái giếng và đưa nhỏ muốn dựng một cái quán nước

Mặt trời lên cao. Tôi bỏ ra về.

Buổi chiều tôi tới thăm chị tôi. Đứa cháu nhỏ yếu đã hơn một tuần lễ nay. Nó xanh và gầy. Nó không nhận ra tôi. Nó không cho tôi bế khóc thét lên. Tôi ăn cơm dưới ngọn đèn dầu rồi ra về khi trên trời sao mọc đã đặc. Tôi hút thuốc liên tiếp cho đến khi tới nhà. Tôi thức khuya dù không làm được gì.

Sáng hôm sau tôi dậy muộn, công viên ồn ào hơn mọi khi.

– Sao bữa nay ông tới chậm?

– À tại tôi ngủ trưa, em đã làm thêm được gì rồi?

– Chưa. Tôi cũng mới tới. Em tôi đau phải đi nhà thương thí. Chắc ông không có em, ông có con chưa?

Thấy nó hỏi ra về người lớn tôi gần bật buồn cười vì đau đớn:

– Tôi có một người em trai, nó 13 tuổi, hiện ở nhà tế bần. Tôi không có vợ thì làm sao có con, và cũng không ai lấy tôi cả.

Đứa nhỏ há miệng lớn. Nó có cả một hàm răng sún. Đôi mắt nai tơ mở rộng ngạc nhiên. Tôi ngồi kể chuyện « cô gái quàng khăn đỏ và con chó sói » cho đứa nhỏ nghe. Nó quên xây nhà. Đứa bé ra về sớm. Nó ngắt theo một cụm hoa giấy và giải thích:

– Người ta cấm đấy. Nhưng lúc em tôi đi nhà thương tôi dỗ nó đừng khóc khi về tôi sẽ cho nó một ít hoa. Chút nữa tôi quên nó khóc thật tội nghiệp.

Tôi cũng ngắt theo một cành. Tôi muốn đến ngay nhà tế bần nhưng giờ này lại đóng cửa. Tôi bần thần trở về, những bông hoa héo rũ tôi ngắt ra và ép vào một trang nhật ký. Xưa. Tôi đọc – « Tôi mong người đến nhưng chắc

không bao giờ người đến nữa. Và anh hỏi: với những ý nghĩ nào chúng mình tìm đến với nhau – rồi từ đấy em bỏ đi. Như thế anh còn mất thêm những gì? Hai tay vẫn còn trắng, với hai bàn tay chết đuối ấy còn bám được vào đâu? Những bộ cánh của tuổi thơ và tình yêu dài quá đã bay đi cả rồi, không bao giờ anh níu lại được nữa. Anh khóc nhiều rồi, bây giờ thì không khóc được đâu. Quyên ơi... »



Tôi sống bình thường. Đôi lần tôi bắt gặp một người đàn ông có mặt vào những buổi tối là những đêm mà bà chủ đi ngủ sớm và dậy muộn.

Tôi được thư của Lâm từ nhà lao gửi ra. Nó nhận đã làm một việc đồi bại, nó cưỡng hiếp một đứa nhỏ 12 tuổi. Nó viết một lá thư dài. Nó biện bạch đủ cách để cứu vớt một phần những tội lỗi mà nó gây ra. Nó còn dám bảo rằng chẳng qua những tội lỗi ấy là do hoàn

cảnh thúc đẩy con người mắc phải và nó lên án cái xã hội thời hậu chiến. Nó tố cáo đủ cách. Như thế là nó muốn bênh vực nó. Nó gần mãn hạn tù và không biết khi trở ra sẽ sống bằng cách nào. Tôi viết thư bảo Lâm nếu cần thì tìm đến tôi, dù đời sống của tôi cũng không hơn gì nó.

Tôi ra công viên như thường lệ. Đứa nhỏ hôm nay không còn chơi xây nhà nữa. Nó mang theo một con dao cùn, một cái ống bơ lớn đầy nước và một cái hộp con dùng đựng một thứ thuốc ho. Đứa nhỏ đi tìm tổ dế. Nó nói với tôi:

– Ông có biết chơi dế không?

– Thuở bé tôi có chơi. Thành phố làm gì có dế. Ở nhà quê mới nhiều.

– Đúng thế, ở đây người ta đem dế bán hàng giỏ lớn. Dế mà có người mua mới chết chứ. Mấy chú lỏi ở thành phố biết gì. Chúng nó mua hàng chục con mà lấy toàn dế cái thì đá cái gì. Chúng nó chọn to xác mà. Sao không

mua kí có phải được nhiều không. Phải kiểm những chú để đực. Loại « mèn tổ » phải kiểm ở bãi tha ma mới có, chứ cái thứ non oet thì đá cái thối gì? Mấy con lớn khỏe nó vừa ra oai đã vác giáo quy hàng. Muốn nó hăng phải ráy cho các chú nóng tiết mới thật thú. Chúng nó thiệt ngu. Ráy đứt cả đầu còn đá sao được nữa. Ở đây có dễ hang cũng khá, tôi vừa kiểm được một con. Nó gan ghê, đổ nước mãi mới chịu lên. Chú ấy cứ gáy hoài. Thằng em tôi thích lắm nhá. Ở đây mà mùa mưa có lẽ nhiều ông ạ.

Đứa nhỏ mang tất cả những hiểu biết của nó về để nói cho tôi nghe. Thủa trước cũng có lần tôi chơi để nhưng đại hơn đứa nhỏ này nhiều. Người lớn có nhiều chuyện đáng làm quên cả những trò chơi trẻ nhỏ, người ta mãi xoa tay trên bàn mặt chược, hoặc theo nước ngựa đua. Mai kia những đứa trẻ lại mất đi những con đế của tuổi thơ, tuổi thơ của cả một con người hiền hòa, trong sạch đáng sống.

Đứa nhỏ chăm chú bên mép cỏ bồn hoa,

cạnh bậc gạch. Nó nhặt cho tôi mấy xác ve sầu nơi những gốc cây. Nó hỏi:

– Cày cạy lột xác thành ve sầu. Nhưng ve sầu sẽ lột xác thành gì? Chắc ông người lớn thì biết?

– Nó không thành gì cả.

– Thế à. Mẹ tôi bảo răn biết lột và không bao giờ chết già. Thế mà người lại không biết lột. Hay tại người ta có tay?

– Cũng không hiểu. Nhưng giá như các em thì có thể lột được. Mà sao răn cấm chết người kia mà. Lành như trâu bò lại không biết lột nhỉ?

– Không biết răn thế nào, chứ tụi trâu bò cũng tồi lắm!

– Sao em biết?

– Bà tôi bảo: xưa kia trâu cái cũng có yếm như bò cái. Hai loài ở với nhau hiền lành.

Nhưng có lần bò cái tham muốn có nhiều yếm mới xui bò đực ăn cắp yếm của trâu cái để khi rách có yếm mặc. Bò đực nghe vợ, nhân buổi trâu bò đi tắm chung, giữa lúc đang lội dưới nước bò đực hò nhau chạy lên mặc yếm của trâu cái mang về cho vợ. Không ngờ dính luôn không gỡ ra được hóa bò đực có yếm mà trâu cái lại không. Hai bên trâu bò sinh ra ghét ghen mà húc nhau, ruồi muỗi ở giữa chết. Rồi từ đấy muỗi mới hút máu trả thù. Loài vật có khác, chúng nó ngu ghê ông nhỉ! Người ta khôn hơn nhiều lại làm thịt chúng mà ăn.

– Thế là người ta lại ác hơn vì khôn.

– Loài vật cũng khôn. Đây ông ra mà xem: những con kiến bồ dạt làm tổ che cao về phía nào thì mưa bão sẽ đến từ phía ấy. Rồi ông xem.

Công viên nắng bàng bạc, mây đen về nhiều, thời gian trôi thật mau. Bây giờ mùa nắng sắp tàn và sắp xa thêm những kỷ niệm. Dù có khuất xa đi nhưng nhờ những kỷ niệm

để năng tin rằng mình đã sống.

Đúng như đứa nhỏ nói, tiếp theo đó là những ngày mưa gió mở mùa. Trong thời gian này tôi mới hay bà chủ nhà chữa hoang. Tôi nhớ đến người đàn ông có mặt ở đây vào những buổi tối mấy tháng trước. Tôi ái ngại cho bà.

Tôi đến tìm Thùy, Thùy bỏ đi xa. Hùng thì mới nhận một chân thủy thủ. Tôi tìm Hoài ở bến xe, Hoài cho biết Hương rời bệnh viện và không hiểu đi đâu. Tôi nhắc với Hoài những kỷ niệm về bạn bè. Hoài gất lên:

– Hiện tại sống còn chưa đủ sao mà cứ nhét đầy kỷ niệm làm gì.

– Vì nó rộng quá, trống quá. Ít ra tao cũng còn có kỷ niệm.

– Tao cần một số tiền thật lớn.

– Tiền không đủ. Tao cần một đời sống. Chỉ một đời sống thôi.

– Tao không có đời sống. Tao bệnh tật cần phải có tiền để làm lấy đời sống.

– Nhưng tiền không thể làm được đời sống. Như thằng Thành đấy, rồi cũng chết đi.

Chúng tôi đến Huỳnh. Đứa em giai Huỳnh cầm súng nhựa, dao gỗ nó khoe:

– Súng để bắn và dao để giết người phải không anh?

Tôi trợn mắt quát lớn:

– Ai bảo thế hử? Ai bảo mày thế hử?... Câm đi.

Tôi cốc cho nó một cái mạnh, đứa nhỏ sợ và đau ngã xuống bậc của chảy máu cam. Tôi vội lấy tay giữ lấy mũi nó, máu chảy lên lóng. Nó khóc mãi, tôi bực tức bỏ ra ngoài. Dưới ánh đèn đường tôi thấy bàn tay vấy máu.

Tôi về ngủ với Hoài một đêm. Đến sáng tôi

tìm về công viên quen thuộc. Trời mưa mau. Hố cát đầy nước. Tôi nhớ đứa trẻ và những căn nhà xây trên cát. Tôi ngồi trên ghế đá cho đến lúc ướt run lên mới trở về nhà.

Hai đứa học trò của tôi ngồi khóc ngay ở ngưỡng cửa. Mẹ chúng chết đêm qua vì uống thuốc phá thai. Tôi thấy ghen ngào. Tôi tìm cuốn sách của Hương: « Không, không thể làm gì hơn được nữa đâu. Tôi chết đi để xã hội khỏi thêm một đứa con hoang nữa. Tôi cầu cho các người trong sạch. Nhưng đừng van xin sự trong sạch của ai ban cho. Con người ở cõi đời này còn bao nhiêu trong sạch mà thừa... »

Tôi giờ bàn tay lên để nhìn những vết máu khô. Tôi có bàn tay của một kẻ giết người... Tôi nghĩ đến những tờ lương diện trên đường đến nghĩa trang của một đám tang gặp buổi chiều.

Tôi đến tìm chị tôi. Xóm nhà lá bị cháy từ hôm nào đã trở thành lầy lội. Tôi ngơ ngác trở gót.

Tôi đến nhà Quyên. Bác Hàm – cha Quyên hỏi tôi:

– Sao độ này cháu không đến Chi?

Tôi muốn khóc và trách Bác, đáng ra bác đừng hỏi tôi như thế. Nhưng tôi chỉ biết nín thinh, có lẽ bác không biết rằng Quyên không còn yêu tôi nữa. Thu tiến ra, tôi bắt tay:

– Anh vẫn mạnh.

– Chắc thế. Sao cậu không đến Chi. Cậu quên những ràng buộc giữa cậu, Quyên và mình rồi sao ?

Đã lâu lắm tôi mới được nghe tiếng « mình ».

– Tôi không quên đâu. Thì chính bây giờ tôi đang đứng đây. Anh cứ nhìn thẳng vào mắt tôi và nói nữa đi.

Tôi cầm tay Thu như cầm tay một người

thân sắp từ biệt. Tôi muốn nói một câu thân thiết nhất nhưng không biết nói sao:

– Có lẽ đêm nay trời lạnh. Anh...

Tôi ôm lấy cổ Thu và muốn khóc như một đứa trẻ khóc trong lòng mẹ. Khóc để thấy mình trẻ dại hơn.

Tôi bỏ ra đường không lời chào hỏi. Tôi đi thật mau đến lĩnh đứa em ra khỏi nhà tế bần. Tôi nhắc với đứa em về ngày mẹ mất, cha bỏ đi làm đồn điền cao su. Ngày tôi về sống với dì ghê. Tôi cầm chặt lấy tay nó:

– Chúng mình phải sống với nhau, không thể xa nhau được nữa.

Em tôi rơm rớm nước mắt, giữ chặt lấy tay tôi:

– Em không muốn vào nhà tế bần nữa đâu.

Đêm hôm ấy hai anh em tôi ôm nhau mà

ngủ, mưa bão bên ngoài. Tôi mê trong giấc ngủ: vẫn những con sư tử chồm lên nhưng kịp đứa em thấy tôi kêu ú ớ thì đánh thức dậy. Tôi nhớ đứa bé ở công viên. Tôi ghen ngào không biết làm sao. Lại đến mùa mưa rồi, bao giờ thì vào xuân.

Tôi bỗng bảo đứa em:

– Mẹ chết mười năm rồi!

Nước mắt chạy quanh, chúng tôi nhìn nhau thương mến.

DƯƠNG NGHIỄM MẬU

TƯƠNG TƯ

Tôi đã gặp em từ bao giờ

Kể từ nguyệt bạch xuống đêm khuya

Kể từ gió thổi trong vùng tóc

Hay lúc thu về cánh nhận kia?

Có phải em mang trên áo bay

Hai phần gió thổi, một phần mây

Hay là em gói mây trong áo

Rồi thả cho làn áo trắng bay?

354 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

Có phải mùa xuân sắp sửa về

Hay là gió lạnh lúc đêm khuya

Hay là em chọn sai màu áo

Để nắng thu vàng giữa lối đi

Có phải rằng tôi chưa được quen

Làm sao buổi sáng đợi chờ em?

Hay từng hơi thở là âm nhạc

Đàn xuống cung trầm, mắt nhớ thương

Buổi tối tôi ngồi nghe sao khuya

Đi về bằng những ngón chân thưa

Và nghe em ghé về giấc mộng

Vành nón nghiêng buồn trong gió đưa

Tôi không biết rằng lạ hay quen

Chỉ biết em mang theo nghề thường

Cho nên cặp mắt mờ hư ảo

Cả bốn chân trời chỉ có em

MỜI

Tôi trân trọng mời em dự chuyến tàu tình ái. Trong một phút, một giây cuộc hành trình sẽ mở. Tôi mời em. Trân trọng mời em cùng đi, cùng khai mạc cuộc đời.

Tôi mời em vứt bỏ lại đằng sau những kinh thành buồn bã với phong tục, thói lễ, bạc vàng giả dối: muốn làm người yêu thì phải đổ Tú Tài.

Tôi mời em đi ngay. Không cần lấy vé. Không phải đợi chờ vì điều kiện du hành là những ngón tay lồng vào nhau và tâm hồn đừng đơn chiếc.

Còn nếu cần thì tôi sẽ làm người bán vé. Nhưng tôi sẽ không quên làm người đồng hành duy nhất để đưa em đi. Và tôi sẽ làm người lái tàu để không ai được dự phần vào câu chuyện đôi ta.

Vé có thể là những lá thư xanh. Tàu là gian nhà rất nhỏ. Nhưng mỗi ga chắc chắn sẽ là những chiếc hôn nồng cháy cuộc đời.

Tôi mời em đi ngay. Em có thể đến đây với đôi giày gót cao để tôi tưởng mình em vóc hạc. Nhưng nếu em vội vã thì em cứ đi chân không. Tôi sẽ bọc mười đầu ngón chân với tất cả linh hồn say đắm yêu em.

Em có thể tô môi son rất đỏ như khi đi dự một dạ yến từng bùng. Em có thể để phấn hồng trên má, trên áo màu những vòng kim tuyến kết hoa đăng.

Nhưng nếu vội vàng mà em để vành môi tái nhợt, mớ tóc bù tung. Thì có hại gì đâu em? Cuộc hành trình sẽ khởi vào đêm khuya. Tôi không nhìn thấy má hồng non vì còn mãi mê với tất cả em tràn đầy trong đáy mắt.

Tôi cũng đi rất vội vàng. Hành lý chỉ mang theo một vòng tay để ôm em, đôi mắt say sưa

để thì thâm nói chuyện và đôi môi để kết hoa
đám cưới trên vùng trán dịu hiền.

Em đến ngay đi.

Để tất cả gò má em áp trên bàn tay tôi xóa
hết những đường chỉ tay gian khổ.

Em đến ngay đi.

Em đến ngay cho cuộc hành trình được
mở. Gió được nổi lên từ mớ tóc phiêu bông,
thuyền dong thả từ đường môi óng ả. Và ngực
căng buồm, mắt trông tìm vội vã:

Tôi đi vào kiểu diễm của thân em.

NGUYỄN SA

XUÂN

bình hoa vàng nho nhỏ

bàn tay sâu trong lòng

mắt nhung thâm lệ hỏi

mùa đương về rừng rưng

MỘT MÌNH

một vì sao run trên không

một ngón tay rớm máu

360 | Sáng Tạo Xuân Kỷ Hợi 1959

chiếc lá cây ngơ ngác trên cành

anh yêu em cảnh chim bé nhỏ

cuộc đời mệnh mông

GIẢN ĐƠN

khi mà những mặt trời xanh rụng xuống

trang sách tâm hồn bay lên

khi mà những ngọn roi vút đau hạnh phúc

khi mà những ngón tay mùa xuân

trần truồng bí mật

trong khu vườn hoang đêm thâu

khi mà con sông ngành vai anh quần quai

khi mà hiền dịu lên vút xanh trời

anh trở về yêu em vĩnh viễn

từ giấc ngủ cuồng vọng xa vời

từ đêm dài mùa đông lạnh biển

anh ngó vào trái tim đang cười

với đóa hoa đá trắng

cùng em đi vào biên giới những vì sao.

DUY THANH

NHỮNG NGÀY THÁNG MỚI

MAI THẢO

THẾ giới của Ngân: cái quầy hàng một thước vuông, những cuốn sổ chi thu, cuốn sổ “bông” chịu, cái dấu trả tiền, những chữ số đỏ và chung quanh, tiếng hát tiếng nhạc tiếng la hét của bọn say rượu. Ngân giữ “kết” cho tiệm nháy này đã ba tháng. Sau một trận sốt rét thương hàn kịch liệt và những ngày sống khó khăn cô độc ở khách sạn Ngân đã phải mang cái tuổi 19 xuống đường và đôi tay nhỏ yếu đi tìm việc làm.

Người cha đi ở tù, người anh độc nhất ra Phan Thiết làm cho một xưởng làm nước mắm ngoài đó; căn nhà sang đi lấy tiền trả nợ vừa vụn hết và Ngân phải đi ở khách sạn. Chỉ mấy ngày người ta đã lầm Ngân với mấy người gái làm tiền ở từng lầu ba của khách sạn này. Ngân đóng cửa nằm trong buồng, chỉ hé mở hai bận mỗi ngày để nhận cái cà mèn cơm ăn xong rồi ngủ, cầu kinh và khóc trước cái thánh giá nhỏ treo trên đầu giường.

Có những bàn tay đến gõ vào thành cửa luôn luôn, Ngân không biết ai vào ai. Nàng lo sợ nằm trong buồng không dám trả lời cho đến khi tiếng cười khả ố và những tiếng giày đã đi thật xa mới dám động dậy.

Ngân tiêu hết mấy ngàn đồng cuối cùng đến khi một người bạn gái giới thiệu việc thu ngân ở tiệm nháy, Ngân ngại sợ nhưng lại phải hấp tấp nhận lời ngay sợ người khác lấy mất. Buổi tối Ngân đi làm từ mười giờ đến lúc đóng cửa tiệm cộng số trao tiền lại cho chủ thì vừa ngót

ng hét hai giờ sáng. Ra khỏi tiệm Ngân về thẳng khách sạn trên chiếc xe xích-lô thuê thán g. Phố khuya lạnh, xe đi qua nhiều chỗ vắng người, những hàng cây bóng tối um tùm nhưng người phu xe là một ông cụ già nên Ngân cũng được yên tâm ngồi ngả người vào thành xe nhắm mắt lại nghĩ ngợi. Ngân yêu những phút ấy.

Ở tiệm nháy Ngân tránh không quen ai, từ chối không cho ai biết chỗ ở, cả những người có vẻ lịch sự và tỏ vẻ quý mến Ngân thành thực. Trong số những bộ mặt tử tế có Hòa, Hòa chơi đàn vĩ cầm ở giàn nhạc cả thảy sáu người. Từ giàn nhạc Hòa thường nhìn xuống quầy hàng mỉm cười với Ngân và đôi khi giữa hai bản nhạc Hòa bỏ đàn xuống đứng tỳ tay vào quầy nói chuyện, trêu ghẹo “cho cô Ngân đỡ buồn ngủ”, khen Ngân viết chữ đẹp như chữ bộ trưởng, hỏi Ngân thích bản nhạc nào để chàng bảo lũ bạn chơi riêng cho nàng nghe. Ngân giữ gìn cảm tình chỉ cảm ơn và từ chối. Nhưng trong lòng, với Hòa, đã nhen lên những cảm giác ấ m. Hòa có một tâm sự buồn, nó thể hiện rõ rệt

trong đôi mắt những lúc chàng cúi xuống mặt đàn như tìm đọc tâm hồn qua những nốt nhạc xuất lên tự đó. Ngần thấy Hòa khác mọi người. Một buổi tối Ngần hỏi:

– Nhiều nghề làm xấu người phải không anh Hòa?

Và Hòa mỉm cười trả lời:

– Chỉ có người làm xấu nghề mà thôi.

Chàng tỳ tay vào thành quầy nói tiếp:

– Không khí ở đây không xấu, chỉ có những người xấu đến thở cái không khí đó. Giới âm nhạc của tôi cũng có nhiều người làm xấu nghề nhưng có điều phần lớn những người đi làm đêm đều gần nhau, thương yêu và tha thứ cho nhau trong cái không khí chung của ban đêm. Và có lẽ tại còn vì người ta nghĩ trước đến lúc trở về nhà qua những phố khuya một mình.

Ngân thấy Hòa có một vẻ riêng tư, chàng không có lối đã thành nghề và mỗi lần bỏ đàn đứng dậy hát, bóng dáng cao gầy có một vẻ tri thức, điều khiến Ngân một lần đã kể cho Hòa nghe về cảnh ngộ mình. Tiệm khiêu vũ đêm đó vắng khách. Mấy chiếc tàu chiến đỗ ngoài bến Bạch Đằng đã nhổ neo mang theo bọn thủy thủ trẻ măng, những người khách ồn ào và điên cuồng nhất tiệm nhảy. Bên ngoài trời đổ mưa lớn lại vào ngày cuối tháng, tiệm trở về với không khí quen thuộc riêng của những người làm với nhau. Hòa tựa vào quầy hàng, tay cầm ly rượu uống dở, cả khuôn mặt bao bọc trong khói thuốc lá. Chàng nhìn nàng chăm chú:

– Đẹp.

– Anh nói sao?

– Tôi nói cái áo nâu chấm trắng cô đang mặc. Đẹp lắm. Mua ở đâu thế?

Ngân nhìn áo cười:

– Ở chợ? Có hai mươi tư đồng một thước. Em nghèo lắm.

Hòa lắc đầu:

– Cố nhiên. Không nghèo cô phải đi làm ở đây sao. Nhưng lối ăn mặc, lối nhìn mọi người, lối viết của cô khiến tôi đoán trước cô phải sống trong một gia đình giàu có. Phải có lý do nào cô mới đi làm đêm ở đây.

Chàng nói có vẻ qua chuyện và không chủ tâm muốn biết. Nhưng Ngân đã kể hết. Từ thừa nhỏ Ngân vẫn ở Đà Lạt với một bà cô họ. Cha nàng gửi nàng lên trên đó đi học, ông bận công việc buôn bán, đi lại luôn không có thì giờ săn sóc đến con gái. Năm ngoái, công việc buôn bán bỗng trở nên khó khăn với những thua lỗ dồn dập, Ngân chỉ biết mang máng như vậy qua một vài lần cha lên thăm, ông đưa con gái đi ăn tiệm ngồi nhìn con ăn với một vẻ phiền muộn thoáng trong đáy mắt. Ít lâu sau ông bị truy tố về tội bội tín. Điều đình với bọn chủ

nợ không xong, việc ra tù ông bị kết án tù và tịch thu gia sản. Người cha vào tù, Ngân thấy mình khôn lớn hẳn. Nàng lập tức xin phép bà cô xuống Sài Gòn đến ở nhờ một người bạn gái, hàng tuần mua thức ăn đưa vào cho cha trong khám. Anh Ngân bắt buộc phải bỏ học.

Thành phố trước mặt hai anh em bơ vơ hiện ra bộ mặt hung dữ, cuộc sống phứt chốc ập đến với cái tàn nhẫn của một cuộc sinh hoạt tuân theo luật rừng chỉ biết có cạnh tranh và sức mạnh. Sau hôm đưa tiễn anh ra tìm sống ở Phan Thiết, Ngân đi lang thang trong thành phố đến chiều tối. Về tới nhà bạn nàng ngỏ ý muốn đi ở chỗ khác.

Chị bạn ngạc nhiên:

– Ngân định đi đâu?

– Em thấy báo đăng có một khách sạn mới mở, tiền thuê mỗi tháng chừng hơn một ngàn đồng. Em đến xem thấy cũng ở được. Chị để

em đi nhé. Em muốn ở một mình và tìm một việc làm.

Người bạn giữ Ngần lại nhưng không đậm đà lắm. Sáng hôm sau Ngần dậy sớm sửa soạn. Một chiếc xe ba-gác chở những đồ đạc xuống khách sạn. Cũng không nhiều nhận gì. Hai cái va-li, một sổ sách vở còn giữ được sau mấy năm theo học ở Đà Lạt và một ít đồ đạc quần áo của cha và anh mà Ngần không muốn gửi lại ở nhà bạn. Mất vừa trọn một ngày Ngần mới thu xếp xong căn buồng.

Chiều xuống. Khách sạn lên đèn. Ngần mở cửa đứng ngó các người từ các buồng đi ra. Họ xuống phố ăn cơm. Khách sạn chưa có tiệm ăn riêng và mới mở nên còn nhiều phòng bỏ trống cửa đóng kín mít. Lúc mọi người đã bỏ đi hết Ngần vẫn còn đứng ở cửa. Không buồn ngủ và cũng không thấy đói. Người chà và gác cổng từ dưới nhà đi lên ngó thấy Ngần, bỏ xuống, và một lát sau là người chủ khách sạn. Y chắc bốn mươi tuổi, đầy đà, vẻ người làm ăn hiền lành.

Ngần chào lễ phép và tránh cho y vào buồng. Y bước vào giữa phòng đứng ngắm nghía, thử lại mấy chốt khóa cửa sổ đoạn hỏi Ngần:

– Người gác-dan đã giao chìa khóa cho cô chưa?

– Đã.

Y nhìn Ngần từ đầu đến chân:

– Tôi thấy cô đến đây một mình, cô không có gia đình sao?

– Có. Gia đình tôi ở xa.

– Cô cứ yên tâm. Có rất nhiều người tử tế ở khách sạn.

Thấy Ngần lặng thinh không tỏ ý kiến gì người chủ nói tiếp:

– Phần lớn đều là công chức cả. Có một

vài người ngoại quốc mới đến, họ ở tạm một vài tháng trong khi chờ đợi có nhà ở. Có mấy người vũ nữ nhưng họ ở cả tầng trên.

Y cười:

– Tôi sẽ không để họ làm chuyện gì quá đáng.

Lúc ra đến cửa, y cúi nhìn ổ khóa, hỏi Ngân có muốn làm thêm một ổ khóa riêng không và Ngân trả lời không cần. Đêm đầu tiên ở khách sạn gây cho Ngân cái cảm giác của những người ở riêng lần đầu, đối diện với cuộc sống mới và đón nhận nó một cách nghiêm trang và thận trọng. Nhưng Ngân không hề cảm thấy lo sợ. Nàng quay vào đóng cửa phòng, chỉ để một ngọn đèn ngủ ở đầu giường và ra cửa sổ tay nhìn xuống đường.

Thành phố chập chùng những đốm lửa nhấp nháy và những vùng ánh sáng hắt lên sau những vòm cây cao. Mặt đường trước của

khách sạn rộng và sạch, một vài chiếc xe xích-lô thông thả lượn sát vỉa hè rồi đến lượt những đoàn xe hơi nối đuôi nhau về mạn Phú Nhuận. Mặt đường bùng lên những vệt ánh sáng dài. Ở một biệt thự bên kia đường, một cánh cửa vừa mở, một chiếc xe hơi từ từ tiến ra. Trên xe có một người đàn ông và một người đàn bà, Ngân đoán là vợ chồng. Chiếc xe đi khuất, cánh cửa vẫn để mở, khoảng sân sau cổng lát sỏi trắng, màu sỏi nổi bật trên một nền nhà tối om om ở phía sau.

Ngân yên lặng nhìn thành phố, mặt đường, cánh cổng, màu sỏi trắng và từ trên cao nhìn xuống, không khí mát mẻ và yên tĩnh của ban đêm như từ những lòng đường đang đi lên chỗ nàng đứng. Ngân vuốt lại một bên mái tóc, bàn tay đỡ lấy cằm, nhắm mắt lại. Như thế thật lâu. Những ý nghĩ về một thành phố về một đời sống hải hùng trong luật rừng. Ngân cảm thấy một cách kinh hoàng hôm từ Đà Lạt xuống Sài Gòn khi nghe tin cha bị bắt đã mất. Ngân chờ đợi những đổi thay lớn cho ngày tháng sắp tới.

Nhưng tự bây giờ đã thấy vững bụng đã thấy yên tâm.

* * *

Chọn một góc thật tối trong dãy bàn ghế kê thêm ngoài hành lang,

thật xa dàn nhạc vậy mà Đường vẫn thấy khó chịu. Chàng ghét cái không khí ồn ào vô lối, những tiếng cười hét vô nghĩa, những khuôn mặt thỏa thuê một cách ngu ngốc. Bên kia những dãy bàn bên kia sàn nhảy, chàng tìm khuôn mặt Ngân. Nhưng cái quầy hàng đã bị lấp kín. Chỉ có những bờ lưng, bờ vai nhấp nhô và khói thuốc lá bốc lên mờ mịt.

Đường ở Phan Thiết về. Nhận được thư Ngân, trong thư nói đã đi ở khách sạn và đã nhận giữ chân thu ngân cho một tiệm nhảy, Đường thấy cần phải gặp em gái ngay. Xin phép chủ vừa nghỉ hai ngày, về tới Sài Gòn đã muộn lắm. Thuê xe về khách sạn, người chà và

nói Ngân đã đi khỏi, Đường lập tức hỏi thăm đến thẳng tiệm nháy. Gặp anh, Ngân mừng quýnh nhưng đêm nay đông khách Ngân phải thu tiền, đổi tiền, biên sổ không ngơi tay, chỉ kịp nói với anh:

– Anh tìm chỗ ngồi đi, đợi em.

Đường ngồi đợi đã một giờ và nổi bực dọc bắt đầu bằng những điều thuốc lá hút nửa chừng bị bẻ gãy tàn nhẵn, ngổn ngang chung quanh chân ghế. Từ một ngày nào bị bắt buộc phải bỏ học, cuộc sống bất thành linh trở nên khó khăn, tâm hồn Đường đã nhú lên cái mầm hằn học. Không dành được sự lựa chọn đời sống, những thành kiến đầu tiên làm cho tầm mắt cùng là những quan niệm sống ở Đường cứ thu hẹp lại mãi cho tới lúc chàng chỉ nhìn thấy những khía cạnh xấu, những khoảng tối, những vực thẳm. Công việc ở vừa cá bất đắc dĩ phải nhận vì miếng ăn, không thích hợp và vất vả làm tăng thêm nỗi chán nản. Chiều chiều ra đứng ngoài bãi biển tĩnh lẻ, khoảng xanh rộng

đã không đem lại được thư thái cho tâm hồn, tiếng sóng âm ỳ và hoàng hôn thẫm mầu trên mặt nước tối còn dồn thêm mãi vào đó một tâm trạng u uất, ngày lại ngày đóng kết, tích lũy lại. Đường mang nguyên vẹn tâm trạng đó về Sài Gòn tìm em gái. Chưa cần tìm hiểu cho ra ngọn ngành, chàng đã bất đồng ý với quyết định của em. Ngần không ở khách sạn được. Chàng nhớ tới khuôn mặt lạnh lùng của người chà-và, những người con gái nhớ những ban nãy chàng gặp ở cầu thang khi đi lên. Ngần không ngồi sau cái quầy hàng kia được, bây giờ chàng nhìn những bờ vai của bọn khách đứng lấp kín mặt quầy. Những bờ vai thú dữ và Ngần là một con chim non lạc đường đôi cánh nhỏ yếu đang rớt gãy trong cái lưới hung dữ đó. Nỗi bức tức còn có vì một tâm trạng hồ thẹn thẫm kín. Em gái phải đi làm và Đường thấy như chàng có lỗi một phần đã để em phải đi vào một ngã đường mà chàng đoán thấy đầy cạm bẫy.

Tiệm nháy vắng người dần dần. Ngần bỏ quầy hàng tươi cười đi sang phía anh, kéo ghế

ngồi xuống bên cạnh. Nàng lau mồ hôi trán, vén lại một bên mái tóc, thở ra:

– Mệt quá. Ban nãy em chưa kịp hỏi, anh về hồi nào?

– Tôi vừa về.

– Thư em anh nhận được không?

– Tôi nhận được nên mới về đây.

Những lúc có điều gì không bằng lòng em gái, Đường nói cộc lốc và xưng tôi. Nhưng Ngân hình như không nhận thấy điều đó. Một người đánh đàn vừa từ dàn nhạc bước xuống trên tay ngắt ngưỡng một ly rượu. Thấy Ngân đưa tay vẫy người đó lại, Đường nghiêm mặt hỏi:

– Ai đó, cô quen người ta sao?

Ngân tươi cười nhìn Hòa đi tới:

– Anh Hòa đấy chứ ai. Ở đây ai cũng quen nhau hết. Trông anh ấy lúc nào cũng có vẻ say rượu nhưng tử tế lắm.

Hòa đến, Ngân tươi cười giới thiệu hai người với nhau và Đường lạnh lùng bắt tay trong khi Hòa kéo ghế ngồi sát bên cạnh Ngân hết sức tự nhiên. Sự thân mật của em gái với một người đàn ông Đường vội vã thấy như triệu chứng của một hư hỏng. Chàng ngồi im hút thuốc lá và nhìn thẳng cho đến lúc Hòa đứng dậy.

Ngân hỏi đùa Hòa:

– Anh về hay còn đi uống rượu nữa?

– Về thế nào được, tôi còn đi uống cho đến hết đêm.

Nói đoạn Hòa cười lớn quay lại hỏi Đường:

– Anh uống được rượu không?

Và khi thấy Đường nghiêm trang trả lời chưa từng uống một giọt rượu Hòa càng cười lớn hơn:

– Thế thì hồng, thế thì hồng.

Sau khi Hòa bỏ đi tiệm nhảy cũng vừa hết người. Đường im lặng đi theo em gái ra cửa. Một dây xích-lô đậu ở vỉa hè, mấy người phu xe đang nói cười thân mật với mấy vũ nữ. Một người vũ nữ khác hút thuốc lá dưới một gốc cây khiến Đường nghĩ đến những sự hư hỏng lộ liễu, Những bóng cây chạy dài trên mặt phố và Đường đâm chiêu cúi đầu đi Yên cạnh em cho đến khi về tới khách sạn. Ngần lấy chìa khóa ở người chà-và, đưa anh lên gác. Nàng mở cửa buồng, bật đèn rồi hai anh em cùng ra đứng ở cửa sổ. Trời đầy sao và đêm yên tĩnh chung quanh khách sạn. Ngần nói nhỏ:

– Anh về chơi em mừng quá. Bao giờ anh lại phải ra ngoài ấy?

– Tôi xin phép được nghỉ hai ngày. Tôi định đưa cô ra ngoài ấy.

Đường hạ giọng nói tiếp:

– Vì cô ở đây không được.

Ngân bình tĩnh nhìn anh:

– Anh muốn em ra thì em ra, nhưng sao anh nói ở đây không được?

– Vì cái không khí ở đây xấu lắm. Ở khách sạn, làm đêm trong một tiệm nháy, cô đang sống trong một không khí xấu.

Không khí xấu lắm. Ngân chợt nhớ đến câu Hòa nói với nàng hôm nào: Không khí ở đây không xấu chỉ có người xấu đến thở không khí đó. Nàng trả lời anh dịu dàng:

– Em biết trước anh không đồng ý em sống thế này đâu, thoát đầu chính em cũng tự không

đồng ý nữa. Em thấy em liễu lĩnh. Nhưng dần dần rồi thấy nổi lo âu vì mình liễu lĩnh hết sức vô lý. Bây giờ em sống được thư thái và yên tâm vì tưởng gặp những cái xấu, trong những chỗ xấu em đã gặp những cái tốt những con người tốt.

Ngần kể cho anh nghe về trường hợp những người vũ nữ mà vì được tiếp xúc với họ luôn luôn nàng đã nhìn thấy qua cái bề ngoài phấn son và qua một nghề nghiệp bị khinh rẻ cái phần trong sạch của tâm hồn họ vẫn giữ được, về Hòa qua cái bề ngoài bê tha của một gã say vẫn có một thái độ chững chạc và những cử chỉ nhân đạo, về những người nhạc sĩ thương yêu nhau như ruột thịt. Ngần thấy anh có thể hiểu biết nhiều hơn về mọi sự, nhưng lại không hiểu gì về chỗ đó, về những chiều sâu những sự thực đó. Có lẽ anh nàng đã gặp một người chủ vừa thiếu lương tâm. Có lẽ anh nàng chỉ gặp toàn những người xấu. Hoặc chưa gặp người nào. Hoặc đã, nhưng chỉ nhìn thấy một mặt, cái phía xấu cái bề ngoài. Ngần cảm thấy may

mắn hơn anh, vì đã nhìn thấy những cái đẹp, bắt gặp được những nét tin tưởng, những nét nhân đạo. Và thấy cần phải nói ra những điều đó với anh:

– Anh đừng sợ em sa ngã. Cái lúc em cảm thấy sa ngã nhất là lúc em ngờ vực người ngờ vực mình, không biết làm gì hơn là khóc lóc trước thánh giá, thiếu tin tưởng, không dám quyết định, nhìn cuộc sống một cách kinh hoàng và thấy nó đầy bất hạnh. Anh muốn em ra Phan Thiết, em sẽ bỏ việc, trả buồng khách sạn đi ngay. Ở đâu cũng vẫn thế. chỉ cốt ở mình. Ở đâu em vẫn tin có những cái tốt, có những cái đáng tin.

Đường im lặng không trả lời em gái. Chàng nhìn chăm chăm xuống đường cho tới lúc Ngần thu xếp chỗ ngủ. Viện có anh đi xa về mệt, Ngần nhất định nhường giường cho anh nằm rồi giải chiếu nằm xuống sàn đá hoa. Một lúc Ngần đã ngủ thật ngon.

Nhưng Đường thì thao thức không sao nhắm mắt được. Ban đêm giúp cho những ý nghĩ sâu chín. Chàng nằm nhìn ra phía cửa sổ dần dần thấy tâm hồn cũng như cánh cửa sổ ấy với nền trời sao ở ngoài, từ nhỏ chật cứ mở rộng cứ vươn cao thêm mãi. Người em gái bé nhỏ ngày nào nhờ có một thái độ đúng đã trưởng thành, cuộc sống đã có những khoảng trời rộng và những vì sao, trong khi sự ngờ vực và những thành kiến cứng nhắc còn đóng khung tâm hồn chàng trong lòng cửa nhỏ hẹp. Thì ra cái sự thực thực nhất của những sự thực vẫn do chính con người tạo ra cho mình. Đặt định nền tảng đời sống, tiếp nhận đời sống hữu hiệu vẫn chỉ là một thái độ tin tưởng.

Trong khu rừng ác thú hung dữ vẫn có tiếng chim hót, những nhành hoa nở. Cuộc sống cũng chẳng phải hoàn toàn là một khu rừng hung dữ. Con người cũng chẳng phải là ác thú. Yếu đuối, thiếu tha thiết cho nên nhìn cái gì cũng ghê khiếp cũng hung dữ. Từ trước đến nay Đường thấy mình trốn chạy cảnh ngộ,

cho nên cảnh ngộ đè lên vai lên đầu. Đứng đối diện với nó thì nó nhẹ nó thường mà nặng mấy thì cái vai cái đầu đứng đối diện cũng đội được nó.

Đường trở mình tìm một điệu nằm thích hợp để vào giấc ngủ. Những ý nghĩ u uất tan đi trong đêm. Và Đường ngủ sau những ý nghĩ cuối cùng này: chàng sẽ thôi làm vợ cá về sống gần với em gái. Có nhiều điều phải học phải biết ở Ngân. Cuộc sống thành phố khó khăn, cuộc sống ở đâu cũng khó khăn, nhưng mà tin nó, ôm chặt lấy nó và không sợ nó nữa. Cho dầu nó có là một con thú dữ thì cũng là một con thú dữ có thể chế ngự được. Những ngón tay mềm yếu, cái tuổi mười chín của Ngân đã chế ngự được. Cuộc sống vẫn còn nhiều cái tốt, con người vẫn còn nhiều cái tốt để những cái xấu sẽ bị hủy diệt và những con thú dữ sẽ bị chế ngự.

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO
TƯ THỰC TRUNG HỌC ĐỆ NHỊ CẤP
TRƯỜNG SƠN

155A Tự Đức — Dakao — Saigon

các lớp đệ Nhị A. B. C. và đệ Nhất A. B. C.

Hiệu Trưởng: Nguyễn Sỹ Tế

Giới thiệu các báo bạn:

ĐẠI HỌC

Tạp chí nghiên cứu của Viện Đại-Học Huế

do Nguyễn Văn Trung chủ trương.

ĐIỆN ẢNH

Tuần báo điện ảnh, kịch trường đề cập tới mọi vấn đề chính yếu và mới lạ của màn bạc, sân khấu Việt Nam và Quốc tế.

GIÓ MỎI

Bán nguyệt san giáo dục do Nguyên Sa chủ bút với sự cộng tác thường xuyên của nhiều cây bút quen biết.

HỘP THƯ

TRẢ LỜI CHUNG:

Vì số thư từ và bài vở bạn đọc khắp nơi gửi về cho Giai phẩm mùa xuân quá nhiều, và vì phải sửa soạn gấp rút để Giai phẩm phát

hành được kịp ngày, chúng tôi, ngoài ý muốn, bắt buộc phải hoãn việc trả lời riêng bạn đọc trong số này. Từ số sau, phát hành ngày 5-3-1959, chúng tôi lại tiếp tục trả lời riêng các bạn. Những bài có giá trị không kịp đăng vào số xuân, sẽ lần lượt đăng trong những số sắp tới.

TÒA SOẠN

CẢM TẠ:

Trong dịp Nguyên đán, tôi và các tác giả trong ban biên tập có nhận được rất nhiều thiệp của bạn đọc xa gần gửi về chúc mừng năm mới. Không thể trả lời riêng, xin các bạn nhận ở đây lời cảm tạ của chúng tôi.

MAI THẢO

